

TỦ SÁCH THĂNG TIẾN GIÁO DÂN

GIÁO DÂN HỢP TUYỀN

**SỐ 5 THÁNG 12/2012 VỚI CHỦ ĐỀ
GIÁO DÂN SỐNG ĐỨC TIN**

**GIÊRÔNIMÔ NGUYỄN VĂN NỘI
VÀ NHÓM BẠN THỰC HIỆN**

LỜI NGỎ

Thật dễ hiểu và hợp tình hợp lý khi GIÁO DÂN HỢP TUYỂN (GDHT) số 5 chọn chủ đề GIÁO DÂN SỐNG ĐỨC TIN. Năm Đức Tin đã được bắt đầu từ ngày 11 tháng 10 năm 2012 và sẽ kéo dài đến ngày 24 tháng 11 năm 2013. Đã có nhiều tài liệu, bài viết và chia sẻ về Năm Đức Tin được phổ biến cách này cách khác. GDHT 5 sẽ chọn lọc một số bài thích hợp với hướng đi của mình, nhằm giúp giáo dân Việt Nam nói chung và giáo dân nòng cốt của các giáo xứ và các hội đoàn nói riêng, trong việc đào sâu, cử hành, sống, làm chứng và truyền bá Đức Tin.

Các bài trong GDHT số 5 này được sắp xếp theo 4 đề mục lớn là

- (a) Lắng nghe tiếng nói của Huân Quyền,
- (b) Học hỏi Thánh Kinh
- (c) Học hỏi Công Đồng Vatican II,
- (d) Đào sâu, cử hành, sống và truyền bá Đức Tin.

Nguyện xin Thiên Chúa chúc lành cho chúng con và cho công việc khiêm tốn của chúng con.

Nguyện xin Thiên Chúa chúc lành cho những ai đón nhận công trình nhỏ bé này và quảng bá nó hầu làm vinh danh Chúa!

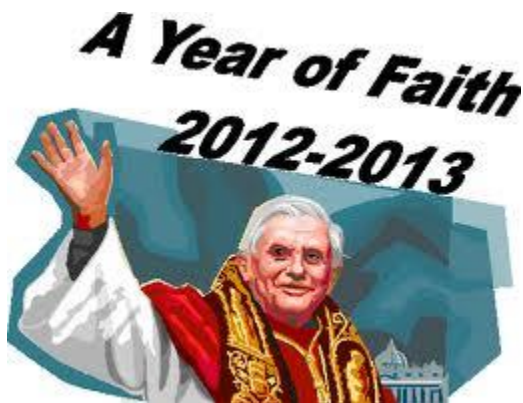
Chúng con xin dâng lên Chúa lời cảm tạ về Năm Mới Quý Ty mà Chúa sắp ban cho chúng con.

Sài-gòn, đầu tháng 12.2012.

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội và Nhóm Bạn

NỘI DUNG

LỜI NGỎ	03
NỘI DUNG	04
TÔNG THƯ PORTA FIDEI	05-25
CÔNG BỐ CHƯƠNG TRÌNH CỬ HÀNH NĂM ĐỨC TIN TẠI ROMA	26-27
NĂM ĐỨC TIN	28-34
ĐỨC TIN NHƯ PHƯƠNG THỂ DUY NHẤT TRAO BAN ƠN CỨU ĐỘ	35-43
NGƯỜI GIÁO DẪN TRƯỞNG THÀNH (THEO CÔNG ĐỒNG VATICAN II)	44-61
ĐỨC TIN TRONG ĐỜI THƯỜNG	62-73
NIỀM VUI ĐỨC TIN	74-78
ĐỨC TIN XUẤT PHÁT TỪ TRÁI TIM CHÚ KHÔNG PHẢI TỪ TÂM TRÍ	79-83
LÒNG TIN VÀ ƯỚC MUỐN	84-89
NHÂN NĂM ĐỨC TIN, CẦN NUÔI DƯỠNG VÀ SỐNG ĐỨC TIN THẾ NÀO ?	90-99
NĂM ĐỨC TIN: CẦN THIẾT NGHE LỜI CHÚA VÀ LÃNH CÁC BÍ TÍCH	100-107
ĐỨC TIN SỐNG	108-113
BẢN CHẤT, MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ CỦA VIỆC GIẢNG DẠY GIÁO LÝ VÀ VAI TRÒ CỦA GIÁO LÝ VIÊN	114-119
ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	120



TÔNG THƯ DƯỚI HÌNH THỨC TỰ SẮC «PORTA FIDEI» CỦA ĐỨC THÁNH CHA BÊNÊĐICTÔ XVI ĐỂ CÔNG BỐ NĂM ĐỨC TIN

1. "Cánh cửa đức tin" – Porta fidei (x. Cv 14,27) dẫn vào đời sống hiệp thông với Thiên Chúa và vào Giáo Hội vẫn luôn mở rộng cho chúng ta. Chúng ta có thể bước qua ngưỡng cửa đó khi Lời Chúa được loan báo và để cho tâm hồn được ân thánh biến đổi. Việc bước qua cánh cửa ấy kèm theo sự dẫn thân trong một hành trình kéo dài suốt đời. Hành trình này bắt đầu với bí tích Rửa Tội (x. Rm 6,4), nhờ đó chúng ta có thể gọi Thiên Chúa là Cha, và kết thúc với sự tiến qua cái chết đi vào sự sống đời đời, thành quả sự phục sinh của Chúa Giêsu, Đấng đã muốn cho tất cả những người tin nơi Ngài (x. Ga 17,22) được tham dự cùng vinh quang của Ngài, nhờ hồng ân của Thánh Linh. Tuyên xưng niềm tin nơi Chúa Ba Ngôi – Cha

và Con và Thánh Linh - cũng có nghĩa là tin nơi một Thiên Chúa duy nhất là Tình Thương (x. 1 Ga 4,8) : Chúa Cha đã sai Con của Ngài đến, khi thời gian viên mãn, để cứu độ chúng ta ; Chúa Giêsu Kitô đã cứu chuộc trần thế trong máu nhiệm cái chết và sống lại của Ngài ; Chúa Thánh Linh dẫn đưa Giáo Hội qua dòng thời gian trong khi chờ đợi Chúa tái lâm trong vinh quang.

2. Ngay từ khi bắt đầu sứ vụ như Người Kế Vị Thánh Phêrô, tôi đã nhắc nhở về sự cần thiết phải tái khám phá hành trình đức tin để ngày càng làm nổi bật niềm vui và lòng hăng say phấn khởi được đổi mới nhờ được gặp gỡ Chúa Giêsu. Trong bài giảng Thánh Lễ khai mạc triều đại Giáo Hoàng, tôi đã nói : "Giáo Hội nói chung và các vị Mục Tử trong Giáo Hội, giống như Chúa Kitô, phải lên đường, để dẫn đưa con người ra khỏi sa mạc, tiến đến sự sống, hướng về tình bạn với Con Thiên Chúa, về Đấng ban cho chúng ta sự sống, sự sống sung mãn".^[1] Nhưng xảy ra là nhiều khi các tín hữu Kitô bận tâm nhiều hơn tới những hậu quả xã hội, văn hóa và chính trị trong sự dấn thân của họ, họ tiếp tục nghĩ tới đức tin như một điều giả thiết hiển nhiên của cuộc sống chung. Trong thực tế, giả thiết ấy không còn hiển nhiên như vậy nữa, nhưng thậm chí nhiều khi còn bị phủ nhận.^[2] Trong quá khứ người ta có thể nhận ra một hệ thống văn hóa nhất thống, được đa số chấp nhận, có tham chiếu nội dung đức tin và các giá trị được đức tin gợi hứng, nhưng ngày nay, trong phần lớn các lãnh vực xã hội không còn như thế nữa, vì có cuộc khủng hoảng đức tin sâu xa nơi nhiều người.

3. Chúng ta không thể chấp nhận để cho muối trở nên nhạt và ánh sáng bị che kín (x. *Mt* 5,13-16). Cả con người ngày nay cũng có thể tái cảm thấy nhu cầu như người phụ nữ xứ Samaria đến giếng nước để lắng nghe Chúa Giêsu, Đấng mời gọi hãy tin nơi Người và kín múc nơi nguồn mạch của Ngài vọt lên dòng nước sự sống (x. *Ga* 4,14). Chúng ta phải tìm lại sở thích nuôi dưỡng mình bằng Lời Chúa được Giáo Hội trung thành truyền lại, và bằng Bánh Sự Sống, được trao ban để nâng đỡ các môn đệ của Chúa (x. *Ga* 6,51). Thực vậy, giáo huấn của Chúa Giêsu vẫn còn vang dội mạnh mẽ ngày nay như trước đây : "Các con hãy cố gắng làm việc không phải để được lương thực mau qua, nhưng là lương thực tồn tại mãi mãi" (*Ga* 6,27). Câu hỏi mà những người nghe Chúa nêu lên cũng là thắc mắc đối với chúng ta ngày nay: "Chúng tôi phải làm gì thể thi hành những công việc của Thiên Chúa ?" (*Ga* 6,28). Chúng ta biết câu trả lời của Chúa Giêsu : "Công việc của Thiên Chúa là : Anh em hãy tin nơi Đấng mà Ngài đã sai đến" (*Ga* 6,29). Vì thế, tin nơi Chúa Giêsu Kitô là con đường để có thể đạt tới ơn cứu độ một cách vĩnh viễn.

4. Dưới ánh sáng tất cả những điều đó, tôi quyết định ấn định *Năm Đức Tin*. Năm này sẽ bắt đầu từ ngày 11 tháng 10 năm 2012, kỷ niệm 50 năm khai mạc Công đồng chung Vatican 2, và sẽ kết thúc vào lễ Chúa Giêsu-Kitô Vua vũ trụ, ngày 24 tháng 11 năm 2013. Ngày 11-10-2012 chúng ta cũng kỷ niệm 20 năm *Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, được vị Tiền Nhiệm của tôi, Đức Chân Phước Giáo Hoàng Gioan Phaolô 2 công bố,^[3] với mục đích trình bày cho tất cả các tín hữu sức mạnh và vẻ đẹp của đức tin. Văn kiện này, thành quả đích thực của Công đồng chung

Vatican II, đã được Thượng HĐGM khóa đặc biệt năm 1985 mong ước như một dụng cụ để phục vụ việc huấn giáo,^[4] và được thực hiện với sự cộng tác của toàn thể hàng Giám Mục của Giáo Hội Công Giáo. Và chính Thượng HĐGM đã được tối triệu tập vào tháng 10 năm 2012 về đề tài *"Tái truyền giảng Tin Mừng để thông truyền đức tin Kitô"*. Đó sẽ là một dịp thích hợp để dẫn đưa toàn thể cộng đoàn Giáo Hội tiến vào một thời điểm để đặc biệt suy tư và tái khám phá đức tin. Đây không phải lần đầu tiên Giáo Hội được kêu gọi cử hành Năm Đức Tin. Vị Tiền Nhiệm đáng kính của tôi, Vị Tồi Tớ Chúa Phaolô 6 cũng đã ấn định *Năm Đức Tin* như thế hồi năm 1967, để tưởng niệm 1900 năm cuộc tử đạo của thánh Phêrô và Phaolô Tông Đồ khi làm chứng tá tốt đỉnh. Người đã nghĩ đến năm đó như một thời điểm long trọng để trong toàn thể Giáo Hội có "một sự tuyên xưng cùng đức tin ấy một cách đích thực và chân thành" ; ngoài ra, Người muốn rằng đức tin được củng cố "cá nhân và tập thể, tự do và ý thức, trong nội tâm cũng như bên ngoài, khiêm tốn và chân thành",^[5] Qua đó, Đức Cố Giáo Hoàng đã nghĩ rằng toàn thể Giáo Hội có thể "tái ý thức chính xác về đức tin của mình, để làm cho đức tin được tái sinh động, thanh tẩy, củng cố, để tuyên xưng đức tin".^[6] Những đảo lộn lớn xảy ra trong năm Đức Tin ấy, càng làm cho sự cần thiết cử hành như thế trở nên hiển nhiên hơn. Việc cử hành Năm Đức Tin ấy đã kết thúc với *"Bản tuyên xưng Đức Tin của Dân Chúa"*,^[7] để làm chứng rằng các nội dung thiết yếu từ bao thế kỷ vốn là gia sản của mọi tín hữu, đang cần được củng cố, hiểu biết và đào sâu một cách ngày càng mới mẻ để làm chứng tá hợp với cuộc sống trong những hoàn cảnh lịch sử khác với quá khứ.

5. Dưới một số khía cạnh, vị Tiền Nhiệm đáng kính của tôi đã coi Năm Đức Tin ấy như "một hệ luận và là một đòi hỏi sau Công đồng",^[8] Ngài ý thức rõ về những khó khăn lớn của thời ấy, nhất là về việc tuyên xưng đức tin chân thực và giải thích đúng đắn. Tôi cho rằng việc khởi sự Năm Đức Tin trùng với dịp kỷ niệm 50 năm khai mạc Công đồng chung Vatican 2 có thể là một cơ hội thích hợp để hiểu rằng các văn kiện Công đồng, được các Nghị Phụ để lại như gia sản, *"không bị mất giá trị, cũng như vẻ tươi sáng"*. Cần đọc các văn kiện ấy một cách thích hợp, cần biết rõ và hấp thụ các văn kiện ấy như những văn bản giá trị và có tính chất qui phạm của Huấn Quyền Hội Thánh, giữa lòng Truyền Thống của Giáo Hội. Hơn bao giờ hết tôi cảm thấy nghĩa vụ phải nêu cao Công đồng như *"hồng ân lớn lao mà Giáo Hội được hưởng trong thế kỷ 20"*: trong đó chúng ta được một địa bàn chắc chắn để định hướng trong con đường của thế kỷ đang mở ra".^[9] Tôi cũng muốn mạnh mẽ lập lại điều tôi đã quả quyết về Công đồng vài tháng sau khi tôi được bầu kế vị Thánh Phêrô, rằng: "Nếu chúng ta đọc và đón nhận Công đồng, với sự giải thích đúng đắn, thì Công đồng ngày càng có thể và trở thành sức mạnh lớn để thực hiện sự canh tân Giáo Hội ngày càng cần thiết".^[10]

6. Sự canh tân Giáo Hội cũng tiến hành qua chứng tá cuộc sống của các tín hữu, qua chính cuộc sống giữa trần thế, các tín hữu được mời gọi làm cho Lời Chân lý mà Chúa Giêsu để lại cho chúng ta được chiếu sáng rạng ngời. Chính Công đồng, trong Hiến chế tín lý *Lumen gentium*, Ánh sáng muôn dân, đã quả quyết: "Trong khi Chúa Kitô, 'là đáng thánh, vô tội, không tỳ ố' (Dt 7,26) không hề biết

tội (x. 2 Cr 5,21), đã đến để đền tội bù tội lỗi của dân (Dt 2,17), thì Giáo Hội, có cả những người tội lỗi trong cộng đoàn của mình, và vì thế Giáo Hội vừa thánh thiện đồng thời cũng luôn cần được thanh tẩy, vẫn liên tục tiến bước trên con đường thống hối và canh tân. Giáo Hội "tiếp tục cuộc lữ hành giữa những cuộc bách hại của trần thế và những an ủi của Thiên Chúa", lo âu bao cuộc khổ nạn và cái chết của Chúa cho đến khi Ngài đến (x. 1 Cr 11,26). Từ sức mạnh của Chúa phục sinh, Giáo Hội kín múc năng lực để kiên trì và yêu thương khắc phục những sâu muộn và khó khăn, đến từ bên trong cũng như bên ngoài, và để tỏ lộ màu nhiệm về Chúa, giữa lòng thế giới, một cách trung thực, tuy không hoàn hảo, cho đến khi màu nhiệm ấy được tỏ lộ trong ánh sáng sung mãn vào cuối thời gian".^[11]

Trong viễn tượng đó, ***Năm Đức Tin là một lời mời gọi thực hiện một cuộc trở về cùng Chúa là Đấng duy nhất cứu độ thế giới***, một cách chân thực và mới mẻ. Trong màu nhiệm sự chết và sống lại, Thiên Chúa đã biểu lộ trọn vẹn Tình Thương cứu độ và kêu gọi con người hoán cải cuộc sống nhờ ơn tha thứ tội lỗi (x. Cv 5,31). Đối với thánh Phaolô Tông Đồ, Tình Thương ấy dẫn con người đến cuộc sống mới : "Nhờ phép rửa, chúng ta cùng được chôn táng với Chúa trong cái chết, để như Chúa Kitô sống lại từ cõi chết nhờ vinh quang của Chúa Cha, cả chúng ta cũng có thể bước đi trong sự sống mới" (Rm 6,4). Nhờ đức tin, sự sống mới này hình thành toàn thể cuộc sống con người theo sự mới mẻ tuyệt đối của sự sống lại. Tùy theo mức độ tự nguyện sẵn sàng, các tư tưởng và tình cảm, tâm thức và thái độ của con người dần dần được thanh tẩy và biến đổi, trên con đường không bao giờ được hoàn tất ở đời này. Đức tin "được năng động nhờ đức mến" (Gl 5,6)

trở thành một tiêu chuẩn mới để hiểu biết và hành động, thay đổi toàn thể cuộc sống của con người (x. *Rm* 12,2 ; *Cl* 3,9-10 ; *Ep* 4,20-29 ; *2 Cr* 5,17).

7. "*Tình yêu Chúa Kitô thúc bách chúng ta*" (*2 Cr* 5,14) : chính tình yêu Chúa Kitô làm đầy tâm hồn chúng ta và thúc đẩy chúng ta loan báo Tin Mừng. Ngày nay cũng như xưa kia, Chúa sai chúng ta ra đi trên các nẻo đường thế giới để công bố Tin Mừng của Ngài cho mọi dân tộc trên trái đất (x. *Mt* 28,19). Chúa Giêsu Kitô yêu thương, lôi kéo con người thuộc mọi thế hệ đến với Ngài : trong mọi thời đại, Ngài triệu tập Giáo Hội, ủy thác cho Giáo Hội việc loan báo Tin Mừng, với một mệnh lệnh luôn luôn mới mẻ. Vì thế, ngày nay cũng cần có một sự dấn thân xác tín hơn nữa của Giáo Hội, thực hiện công cuộc tái truyền giảng Tin Mừng để tái khám phá niềm vui đức tin và tìm lại sự hăng say thông truyền đức tin. Việc dấn thân truyền giáo của các tín hữu - vốn là điều không thể thiếu - cần được sức mạnh và năng lực trong sự khám phá hằng ngày tình yêu của Chúa. Thực vậy, đức tin tăng trưởng khi được sống như một cảm nghiệm về tình yêu đã nhận lãnh và khi được thông truyền như một kinh nghiệm về ơn thánh và niềm vui. Đức tin phong phú hóa, vì mở rộng con tim trong niềm hy vọng và giúp mang lại một chứng tá có khả năng sinh sản : nó mở rộng tâm trí của những người lắng nghe và đón nhận lời Chúa mời gọi gắn bó với Lời Ngài để trở thành môn đệ của Ngài. Thánh Augustino làm chứng rằng các tín hữu "trở nên vững mạnh hơn nhờ tin tưởng".^[12] Thánh Giám Mục thành Hippone đã có lý khi nói như vậy. Như chúng ta biết, cuộc sống của thánh nhân là một cuộc không ngừng tìm kiếm vẻ đẹp của đức tin cho

đến khi tâm hồn ngài được nghỉ an trong Thiên Chúa.^[13] Nhiều tác phẩm của Người, trong đó có giải thích tầm quan trọng của đức tin và chân lý đức tin, cho đến nay vẫn còn là một gia sản phong phú khôn sánh và giúp bao nhiêu người tìm kiếm Thiên Chúa thấy được hành trình đúng đắn để tiến tới "cánh cửa đức tin".

Vì vậy, chỉ nhờ tin tưởng mà đức tin tăng trưởng và vững mạnh ; không có cách khác để đạt tới sự chắc chắn về chính cuộc sống của mình nếu không liên tục phó thác trong tay của một tình yêu ngày càng được cảm nghiệm lớn lao hơn vì bắt nguồn từ nơi Thiên Chúa.

8. Trong dịp kỷ niệm tốt đẹp này, tôi muốn mời gọi các anh em GM trên toàn thế giới hãy hiệp với Người Kế Vị Thánh Phêrô, trong thời điểm ân phúc thiêng liêng mà Chúa ban cho chúng ta, để tưởng niệm hồng ân đức tin quý giá. Chúng ta hãy cử hành *Năm Đức Tin* này một cách xứng đáng và phong phú. Cần gia tăng suy tư về đức tin để giúp tất cả các tín hữu của Chúa Kitô ý thức hơn và củng cố lòng gắn bó với Tin Mừng, nhất là trong lúc có những thay đổi sâu xa mà nhân loại đang trải qua như hiện nay. Chúng ta sẽ có dịp tuyên xưng đức tin nơi Chúa Phục Sinh trong các nhà thờ chính tòa của chúng ta và các thánh đường trên toàn thế giới ; trong các gia cư và gia đình chúng ta, để mỗi người mạnh mẽ cảm thấy nhu cầu cần biết rõ hơn về đức tin ngàn đời và thông truyền cho các thế hệ trẻ. Các cộng đoàn dòng tu cũng như các giáo xứ, và toàn thể các tổ chức Giáo Hội cũ cũng như mới, hãy tìm cách làm cho việc tuyên xưng *Kinh Tin Kính* một cách công khai trong *Năm Đức Tin* này.

9. Chúng ta mong muốn rằng *Năm Đức Tin* khơi dậy nơi mỗi tín hữu khát vọng *tuyên xưng* đức tin trọn vẹn và với xác tín được đổi mới, trong niềm tin thác và hy vọng. Năm này sẽ là một cơ hội thích hợp để tăng cường việc *cử hành* đức tin trong phụng vụ, đặc biệt là trong Thánh Thể, vốn là "tột đỉnh mà hoạt động của Giáo Hội hướng tới và đồng thời cũng là nguồn mạch từ đó phát sinh toàn thể năng lực của Giáo Hội".^[14] Đồng thời, chúng ta mong muốn rằng cuộc sống *chứng tá* của các tín hữu tăng trưởng trong sự đáng tin nhiệm. Tái khám phá nội dung đức tin được tuyên xưng, cử hành, sống và cầu nguyện,^[15] và suy tư về chính hành động đức tin, đó là một sự quyết tâm mà mỗi tín hữu phải biến thành của mình, nhất là trong Năm Đức Tin này.

Không phải tình cờ mà trong những thế kỷ đầu tiên, các tín hữu Kitô phải học thuộc lòng *Kinh Tin Kính*. Kinh này được dùng như kinh nguyện hằng ngày của họ để không quên quyết tâm đã nhận khi chịu phép rửa. Với những lời xúc tích đầy ý nghĩa, thánh Augustino nhắc nhở điều đó khi ngài nói trong một *bài giảng* về việc *trao Kinh Tin Kính* : "Kinh Tin Kính về mầu nhiệm thánh mà tất cả anh chị em cùng nhận lãnh nhận và ngày nay anh chị em từng người đọc lên, là những lời đức tin của Mẹ Giáo Hội được xây dựng vững chắc trên nền tảng vững bền là Chúa Kitô.. Vì vậy, anh em đã nhận lãnh và đọc Kinh ấy, nhưng trong tâm trí anh chị em phải luôn giữ cho Kinh ấy hiện diện, anh chị em phải lập lại Kinh này trên giường, nghĩ đến Kinh này nơi đường phố và đừng quên Kinh này khi ăn ; cả khi anh chị em ngủ, con tim của anh chị em vẫn phải tỉnh thức trong Kinh này".^[16]

10. Đến đây, tôi muốn vạch ra một hành trình giúp hiểu một cách sâu xa hơn nội dung đức tin, nhưng cùng với nội dung này còn có hành động qua đó chúng ta quyết định hoàn toàn phó thác cho Thiên Chúa, trong tự do trọn vẹn. Thực vậy, có sự hiệp nhất sâu xa giữa hành vi tin tưởng và nội dung đức tin mà chúng ta chấp nhận. Thánh Phaolô Tông đồ giúp đi vào thực tại này khi ngài viết : "Với con tim.. ta tin, và bằng miệng ta tuyên xưng đức tin" (Rm 10,10). Con tim chỉ rằng hình vi đầu tiên ta đạt đến đức tin là một hồng ân của Thiên Chúa và tác động của ơn thánh hành động và biến đổi con người ngay từ nội tâm.

Tám gương của bà Lidia về vấn đề này hùng hồn hơn bao giờ hết. Thánh Luca kể lại rằng Thánh Phaolô, trong lúc ở thành Philipê, vào ngày thứ bảy ngài đi rao giảng Tin Mừng cho vài phụ nữ ; trong số họ có bà Lidia và Chúa "mở lòng cho bà tin lời thánh Phaolô" (Cv 16,14). Ý nghĩa cô đọng trong câu này thực là quan trọng. Thánh Luca dạy rằng việc hiểu biết nội dung đức tin không đủ nếu con tim - vốn là cung thánh đích thực của con người -, không cởi mở đối với ơn thánh, giúp ta có đôi mắt để nhìn sâu xa và hiểu rằng điều được loan báo chính là Lời Chúa.

Rồi việc tuyên xưng ngoài miệng cho thấy đức tin bao gồm việc làm chứng và dấn thân công khai. Kitô hữu không bao giờ được nghĩ rằng đức tin là một điều riêng tư. Đức tin là quyết định đứng về phía Chúa để sống với Ngài. Và thành ngữ "ở với Chúa" giúp hiểu biết những lý do tại sao ta tin. Chính vì đức tin là một hành vi tự do, nên cũng đòi hỏi một trách nhiệm xã hội về những gì ta tin. Giáo Hội, trong ngày lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống, đã chứng tỏ rõ ràng chiều kích công khai ấy của việc tin tưởng và loan báo không chút sợ hãi về niềm tin của mình cho mỗi người. Đó

là một hồng ân của Chúa Thánh Linh làm cho ta có khả năng thi hành sứ mạng và củng cố việc làm chứng tá của chúng ta, biến chứng tá ấy thành điều thẳng thắn và can đảm.

Chính việc tuyên xưng đức tin là một hành vi bản thân và đồng thời cũng có tính chất cộng đoàn. Thực vậy, chính Giáo Hội là chủ thể đầu tiên của đức tin. Trong đức tin của cộng đoàn Kitô, mỗi người lãnh nhận bí tích Rửa tội, là dấu chỉ hữu hiệu về sự gia nhập cộng đoàn các tín hữu để được ơn cứu độ. Như Sách *Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo* làm chứng : "Tôi tin" ; là đức tin của Giáo hội được mỗi tín hữu tuyên xưng cá nhân, nhất là trong lúc chịu phép Rửa tội. "Chúng tôi tin" là đức tin của Giáo hội được các Giám Mục họp nhau trong Công đồng, hoặc tổng quát hơn, được cộng đồng phụng vụ các tín hữu tuyên xưng. "Tôi tin" cũng là Giáo Hội Mẹ chúng ta, đáp lại Thiên Chúa bằng đức tin của mình và dạy chúng ta nói "Tôi tin", "Chúng tôi tin".^[17]

Như ta có thể nhận xét, việc hiểu biết nội dung đức tin là điều thiết yếu để *chấp nhận tin*, nghĩa là hoàn toàn gắn bó trong tâm trí với những gì Giáo Hội đề nghị. Việc hiểu biết đức tin dẫn vào toàn bộ mầu nhiệm cứu độ được Thiên Chúa mạc khải. Vì vậy sự chấp nhận ấy được biểu lộ bao hàm điều này là, khi ta tin, ta tự nguyện chấp nhận toàn thể mầu nhiệm đức tin, vì vị bảo đảm tính chất xác thực của điều ta tin là chính Thiên Chúa, Đáng tự mạc khải và cho phép được biết mầu nhiệm tình thương của Ngài.^[18]

Đàng khác, chúng ta không thể quên rằng trong bối cảnh văn hóa của chúng ta ngày nay, bao nhiêu người, tuy không nhìn nhận hồng ân đức tin nơi mình, nhưng họ chân thành tìm kiếm ý nghĩa chung kết và chân lý chung cục về

cuộc sống của họ và về thế giới. Sự tìm kiếm này thực là một "tiền đề" của đức tin, vì nó thúc đẩy con người trên con đường dẫn đến mầu nhiệm Thiên Chúa. Thực thế, chính lý trí con người mang trong mình một đòi hỏi về "điều có giá trị và tồn tại mãi mãi".^[19] Đòi hỏi ấy là một lời mời gọi trường kỳ, được ghi khắc không hề phai mờ trong tâm hồn con người, kêu gọi con người lên đường để tìm thấy Đấng mà chúng ta sẽ không tìm kiếm nếu Ngài đã không đến gặp chúng ta.^[20] Chính đức tin mời chúng ta đi tới cuộc gặp gỡ ấy và mở cho chúng ta sự viên mãn.

11. Để hiểu biết một cách hệ thống về nội dung đức tin, tất cả mọi người đều có thể tìm thấy trong Sách *Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo* một trợ lực quý giá và không thể thiếu được. Sách này là một trong những thành quả quan trọng nhất của Công Đồng chung Vatican 2. Trong Tông Hiến "*Fidei depositum*" (Kho tàng đức tin), không phải tình cờ được ký vào ngày kỷ niệm 30 năm khai mạc Công đồng chung Vatican II, Đức Chân Phước Gioan Phaolô 2 đã viết : "Sách Giáo lý này sẽ mang lại một đóng góp quan trọng cho công trình canh tân toàn thể đời sống Giáo Hội.. Tôi nhìn nhận Sách này như một dụng cụ giá trị và hợp pháp phục vụ tình hiệp thông của Giáo Hội và như một qui luật chắc chắn để giảng dạy đức tin".^[21]

Trong viễn tượng đó, *Năm Đức Tin* phải biểu lộ sự dân thân chung tái khám phá và học hỏi nội dung cơ bản của đức tin ở trong *Sách Giáo Lý* này, trong đó có một tổng hợp có hệ thống. Thực vậy, ở đây, ta thấy nổi bật sự phong phú của giáo huấn mà Giáo Hội đã đón nhận, gìn giữ và trao tặng trong hai ngàn năm lịch sử của mình. Từ Kinh Thánh tới các Giáo Phụ, từ các vị Tôn Sư thần học cho đến

cách Thánh qua các thế kỷ, *Sách Giáo Lý* công hiến một kỷ ức trường kỳ về bao nhiêu cách thức Giáo Hội suy niệm về đức tin và tạo nên sự tiến triển trong đạo lý để mang lại sự chắc chắn cho các tín hữu trong đời sống đức tin của họ. *Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, qua cấu trúc của mình, trình bày sự phát triển đức tin và đề cập đến cả những đề tài chính của đời sống hằng ngày. Trang này sang trang khác, chúng ta khám phá thấy rằng điều được trình bày trong *Sách Giáo Lý* không phải là một lý thuyết, nhưng là một cuộc gặp gỡ với Đấng sống trong Giáo Hội. Thực vậy, sau khi tuyên xưng đức tin, *Sách* này đi đến phần giải thích đời sống bí tích, trong đó Chúa Kitô hiện diện, hoạt động và tiếp tục xây dựng Giáo Hội của Ngài. Nếu không có phụng vụ và các bí tích thì việc tuyên xưng đức tin sẽ không hiệu quả, vì thiếu ơn thánh nâng đỡ chứng tá của các tín hữu Kitô. Cũng vậy, giáo huấn của *Sách Giáo Lý* về đời sống luân lý có một ý nghĩa quan trọng nếu được đặt trong tương quan với đức tin, phụng vụ và kinh nguyện.

12. Vì thế, trong *Năm Đức Tin*, *Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo* có thể là một dụng cụ đích thực nâng đỡ đức tin, nhất là những người quan tâm đến việc huấn luyện các tín hữu Kitô, một điều rất quan trọng trong bối cảnh văn hóa ngày nay. Với mục đích đó, tôi đã mời gọi Bộ giáo lý đức tin, thỏa thuận với các Cơ quan trung ương khác của Tòa Thánh, soạn một *Văn kiện*, để công hiến cho Giáo Hội và các tín hữu một số chỉ dẫn để sống *Năm Đức Tin* này một cách hiệu quả và thích hợp hơn, phục vụ sự tin tưởng và rao giảng Tin Mừng.

Thực vậy, so với quá khứ, đức tin ngày nay đang phải chịu một loạt những vấn nạn đến từ não trạng thay đổi, đặc biệt là ngày nay não trạng này thu hẹp lãnh vực những điều chắc chắn hợp lý vào lãnh vực những chinh phục của khoa học và kỹ thuật. Nhưng Giáo Hội không bao giờ sợ chứng minh rằng giữa đức tin và khoa học chân chính không hề có xung đột, vì cả hai đều hướng về sự thật, tuy là bằng những con đường khác nhau.^[22]

13. Một điều quan trọng ***trong Năm Đức Tin là duyệt lại lịch sử đức tin của chúng ta, trong đó có một mâu nhiệm khôn lường giữa sự thánh thiện và tội lỗi.*** Lịch sử thánh thiện cho thấy sự đóng góp lớn lao của những người nam nữ để làm tăng trưởng và phát triển cộng đoàn bằng chứng tá cuộc sống của họ, còn lịch sử tội lỗi phải thúc giục mỗi người hoán cải chân thành và trường kỳ để cảm nghiệm lòng từ bi của Chúa Cha Đấng đến gặp tất cả mọi người.

Trong thời điểm này, chúng ta hãy luôn hướng nhìn về Chúa Giêsu Kitô, "là nguồn gốc và là tận điểm của đức tin" (Dt 12,2) : nơi Ngài mọi sóng gió và khát vọng của tâm hồn con người được hoàn tất. Niềm vui của tình yêu, lời đáp trả thảm trạng đau khổ, sức mạnh của tha thứ trước sự xúc phạm phải chịu, và chiến thắng của sự sống trước cái trống rỗng của sự chết, tất cả đều tìm được sự hoàn tất trong mâu nhiệm nhập thể của Chúa, mâu nhiệm Chúa làm người, chia sẻ sự yếu đuối của chúng ta để biến đổi nó bằng quyền năng sự phục sinh của Ngài. Trong Ngài, là Đấng đã chết và sống lại để cứu độ chúng ta, những tấm gương đức tin được tràn đầy ánh sáng, những tấm gương đã ghi dấu 2 ngàn năm lịch sử cứu độ chúng ta.

Nhờ đức tin Mẹ Maria đã đón nhận lời thiên thần và tin nơi lời loan báo Mẹ sẽ trở thành Mẹ Thiên Chúa trong sự tuân

phục tận tụy của Mẹ (x. *Lc* 1,38). Khi viếng thăm bà Elisabeth, Mẹ cất bài ca chúc tụng Đấng Tối Cao vì những kỳ công Chúa thực hiện nơi những người tín thác nơi Ngài (x. *Lc* 1,46-55). Mẹ vui mừng và hồi hộp sinh hạ Con duy nhất, mà vẫn giữ nguyên sự đồng trinh [...] (x. *Lc* 2,6-7). Tín nhiệm nơi Thánh Giuse hôn phu, Mẹ mang Chúa Giêsu sang Ai Cập để cứu con khỏi cuộc bách hại của Hêrôđê (x. *Mt* 2,13-15). Với cùng đức tin Mẹ theo Chúa trong thời gian giảng đạo và ở với Chúa cho đến tận đồi Golgota (x. *Ga* 19,25-27). Với đức tin, Mẹ Maria niềm hưởng những thành quả đầu tiên của cuộc phục sinh của Chúa Giêsu, và cần giữ mọi kỷ niệm trong lòng (x. *Lc* 2,19.51), Mẹ thông truyền kỷ niệm ấy cho 12 Tông Đồ tụ họp với Mẹ trong Nhà Tiệc Ly để lãnh nhận Thánh Linh.

Nhờ đức tin, các Tông Đồ đã từ bỏ mọi sự để theo Thầy (x. *Mc* 10,28). Các vị tin nơi lời Chúa loan báo Nước Trời hiện diện và thể hiện nơi bản thân Ngài (x. *Lc* 11,20). Các Tông đồ sống hiệp thông với Chúa Giêsu Đấng dạy dỗ các vị qua lời giáo huấn, để lại cho các vị qui luật sống mới mẻ qua đó người ta nhận ra họ là môn đệ của Ngài sau khi Ngài qua đời (x. *Ga* 13,34-35). Nhờ đức tin, các vị đi các nơi trên thế giới, theo mệnh lệnh mang Tin Mừng cho mọi thụ tạo (x. *Mc* 16,15) và không chút sợ hãi, các vị loan báo cho mọi người niềm vui Phục sinh mà các vị đã chứng kiến.

Nhờ đức tin các môn đệ họp thành cộng đoàn đầu tiên, tụ tập quanh giáo huấn của các Tông Đồ, trong kinh nguyện, trong việc cử hành Thánh Thể, để làm của chung những gì họ sở hữu để cứu giúp những anh chị em túng thiếu (x. *Cv* 2,42-47).

Nhờ đức tin các vị tử đạo hiến mạng sống của mình để làm chứng về chân lý Phúc Âm đã biến cải và làm cho họ có khả năng đi tới hồng ân tính yêu lớn nhất với việc tha thứ cho những kẻ bách hại họ.

Nhờ đức tin những người nam nữ đã dâng hiến cuộc sống mình cho Chúa Kitô, bỏ mọi sự để sống, trong sự đơn sơ theo tinh thần Phúc Âm, sự vâng phục, thanh bần và khiết tịnh, những dấu chỉ cụ thể về sự chờ đợi Chúa sắp đến. Nhờ đức tin bao nhiêu Kitô hữu đã thăng tiến những hoạt động bênh vực công lý để cụ thể hóa Lời Chúa, Đấng đã đến để loan báo sự giải thoát khỏi sự áp bức và năm hồng ân cho mọi người (x Lc 4,18-19).

Nhờ đức tin qua các thế kỷ, những người nam nữ thuộc mọi lứa tuổi, và tên họ được ghi trong Sách Sự Sống (x. Kh 7,9 ; 13,8), đã tuyên xưng vẻ đẹp của sự theo Chúa Giêsu tại nơi họ được kêu gọi làm chứng về cuộc sống Kitô của họ : trong gia đình, nghề nghiệp, trong đời sống công khai, trong việc thi hành các đoàn sủng và sứ vụ mà họ được kêu gọi thi hành.

Nhờ đức tin cả chúng ta cũng đang sống : để nhìn nhận Chúa Giêsu hiện diện trong cuộc sống chúng ta và trong lịch sử.

14. Năm Đức Tin cũng sẽ là cơ hội thuận tiện để tăng cường chứng tá bác ái. Thánh Phaolô nhắc nhở : "Vì vậy giờ đây còn lại ba điều là đức tin, đức cậy và đức mến. Nhưng lớn hơn cả là đức mến (1 Cr 13,13). Và Thánh Giacôbê Tông Đồ, với những lời càng mạnh hơn nữa, luôn thúc đẩy các tín hữu Kitô, quả quyết rằng : "Hỡi anh chị em, nếu một người nói mình có đức tin mà lại không có việc làm thì ích gì ? Đức tin ấy có thể cứu họ được không ?

Nếu một người anh em, chị em, không có y phục và lương thực hằng ngày và một người trong anh chị em nói : "Hãy đi bình an, hãy sưởi ấm và ăn no" nhưng lại không cho họ những gì cần thiết cho thân thể họ, thì hỏi có ích gì ? Đức tin cũng vậy, nếu không có việc làm đi kèm, thì tự nó là đức tin chết. Trái lại một người có thể nói : "Anh có đức tin và tôi có việc làm ; hãy tỏ cho tôi đức tin không có việc làm của anh, và tôi, qua việc làm tôi chứng tỏ cho anh đức tin của tôi" (Gc 2,14-18).

Đức tin không có đức mến thì không mang lại thành quả và đức mến không có đức tin thì sẽ là một tình cảm luôn tùy thuộc sự nghi ngờ. Đức tin và đức mến cần có nhau, đức này giúp đức kia thực hiện hành trình của mình. Có nhiều Kitô hữu yêu thương tận tụy dành cuộc đời phục vụ những người lẻ loi, bị gạt ra ngoài lề hoặc bị loại trừ, coi họ như những người đầu tiên cần đi tới và như người quan trọng nhất cần được nâng đỡ, vì chính nơi người ấy có phản ánh khuôn mặt của Chúa Kitô. Nhờ đức tin, chúng ta có thể nhận ra tôn nhan Chúa phục sinh nơi những người đang xin tình thương của chúng ta. "Tất cả những gì các con đã làm cho một trong những người anh em bé nhỏ nhất của Thầy đây, tức là các con đã làm cho Thầy" (Mt 25,40) : những lời này là một lời cảnh giác không nên quên, và là một lời mời gọi trường kỳ hãy đáp trả tình yêu mà Chúa đã chăm sóc chúng ta. Đó là đức tin giúp nhận ra Chúa Kitô và chính tình yêu Chúa thúc đẩy cứu giúp Chúa mỗi khi Ngài trở thành người thân cận của chúng ta trong cuộc sống. Được đức tin nâng đỡ, chúng ta hy vọng hướng nhìn sự dân thân của chúng ta trong thế giới, trong khi chờ đợi "trời mới đất mới, trong đó có công lý ngự" (2 Pr 3,13 ; x. Kh 21,1).

15. Vào cuối đời, thánh Phaolô tông đồ yêu cầu môn đệ Timôthê hãy "tìm kiếm đức tin" (x. 1 Tm 2,22), với cùng một sự bền chí như hồi còn nhỏ (x. 2 Tm 3,15). Chúng ta cảm thấy lời mời gọi này được gửi đến mỗi người chúng ta, để không ai trong chúng ta trở nên lười biếng trong đức tin. Đức tin là bạn đồng hành trong cuộc sống, giúp nhận thức với một cái nhìn luôn mới mẻ về những kỳ công mà Thiên Chúa thực hiện nơi chúng ta. Đức tin nhắm đón nhận những dấu chỉ thời đại trong hiện tại của lịch sử, và thúc đẩy mỗi người chúng ta trở thành dấu chỉ sinh động về sự hiện diện của Đấng Phục Sinh trong thế giới. Điều mà thế giới ngày nay đặc biệt cần đến, đó là chứng tá đáng tin cậy của những người được Lời Chúa soi sáng trong tâm trí, có khả năng mở tâm trí của bao nhiêu người mong ước Thiên Chúa và sự sống chân thực, sự sống không tàn lụi.

"Ước gì Lời Chúa hoàn tất hành trình của mình và được tôn vinh" (2 Ts 3,1) : ước gì *Năm Đức Tin* này làm cho quan hệ với Chúa Kitô ngày càng vững chắc hơn, vì chỉ trong Ngài mới có sự chắc chắn để hướng nhìn về tương lai và bảo đảm một tình yêu chân thực và lâu bền. Những lời thánh Phêrô Tông đồ chiếu dọi một tia sáng cuối cùng trên đức tin : "Vì thế, anh chị em tràn đầy vui mừng, cho dù hiện nay anh chị em còn phải chịu ưu sầu ít lâu, bị nhiều thử thách, để đức tin của anh chị em được tôi luyện, quý hơn vàng, vàng là thứ sẽ phải hư nát mà còn được thanh luyện bằng lửa, mang lại lời ngợi khen, vinh quang và vinh dự cho anh em khi Chúa Giêsu Kitô tỏ hiện. Tuy không thấy Ngài, nhưng anh chị em vẫn yêu mến Ngài, và tuy không thấy Ngài, anh chị em vẫn tin nơi Ngài. Vì thế, anh chị em hãy vui mừng khôn tả và vinh quang, trong khi

đạt tới mục đích đức tin của anh chị em là ơn cứu độ các linh hồn" (1 Pr 1,6-9). Cuộc sống của các tín hữu Kitô cảm nghiệm niềm vui và đau khổ. Bao nhiêu vị thánh đã sống nổi cô đơn! Bao nhiêu tín hữu, kể cả ngày nay, bị thử thách vì sự im lặng của Thiên Chúa trong khi họ muốn nghe lời an ủi của Ngài ! Những thử thách của cuộc sống, trong khi giúp hiểu mẫu nhiệm Thập Giá, và tham gia vào đau khổ của Chúa Kitô (x. Cl 1,24), là tiền đề báo trước niềm vui và hy vọng mà đức tin dẫn đến : "Khi tôi yếu đuối, đó là lúc tôi mạnh mẽ" (2 Cr 12,10). Chúng ta mạnh mẽ tin chắc rằng Chúa Giêsu đã chiến thắng sự ác và sự chết. Với niềm tin thác chắc chắn ấy, chúng ta tin thác nơi Ngài : Chúa hiện diện giữa chúng ta, chiến thắng quyền lực của ác thần (x. Lc 11,20) và Giáo Hội, cộng đồng hữu hình của lòng từ bi Chúa, ở lại trong Chúa như dấu hiệu hòa giải chung kết với Chúa Cha.

Chúng ta hãy phó thác thời điểm hồng phúc này cho Mẹ Thiên Chúa, được tuyên xưng là "người có phúc" vì Mẹ "đã tin" (Lc 1,45).

Ban hành tại Roma, nơi Thánh Phêrô, ngày 11 tháng 10 năm 2011, năm thứ 7 triều đại Giáo Hoàng.

Biển Đức XVI, Giáo Hoàng

(Lm. G. Trần Đức Anh OP chuyển ý từ nguyên bản tiếng Ý 17/10/2011)

[1] Bài giảng thánh lễ khởi đầu tác vụ Kế nhiệm Thánh Phêrô của Giám mục Rôma (24/4/2005) : AAS 97 (2005), 710 ; DC 102 (2005) p.547.

[2] Cf. Benoît XVI, Homélie de la messe sur le Terreiro do Paço, Lisbonne (11 mai 2010) : *Insegnamenti* VI, 1 (2010), 673; DC 107 (2010), p. 515.

[3] Cf. Jean-Paul II, *Tông hiến Fidei depositum* (11/10/1992) : AAS 86 (1994), 113-118 ; DC 90 (1993) p. 1-3.

[4] Cf. Rapport final du second Synode extraordinaire des Évêques (7 décembre 1985), II, B, a, 4 in *Enchiridion Vaticanum*, vol. 9, n. 1797 ; DC 83 (1986), p.39.

[5] Paul VI, Exhort. Apost. *Petrum et Paulum Apostolos*, à l'occasion du XIX^{ème} centenaire du martyre des saints Apôtres Pierre et Paul (22 février 1967) : AAS 59 (1967), 196 ; DC 64 (1967) col. 484-485.

[6] Ibid 198.

[7] Paul VI, Solennelle Profession de foi, Homélie pour la concélébration du XIX^e centenaire du martyre des saints Apôtres Pierre et Paul, en conclusion de l'Année de la Foi (30 juin 1968) : AAS 60 (1968), 433-445 ; DC 65 (1968) col. 1249-1258.

[8] ID., Audience générale (14 juin 1967) : *Insegnamenti* V (1967), 801 ; DC 64 (1967) col. 1162.

[9] Jean-Paul II, *Tông thư Novo millennio ineunte* (6/01/2001), n. 57 : AAS 93 (2001), 308 ; DC 98 (2001), p. 88.

[10] *Diễn văn với Giáo triều* (22/12/2005) : AAS 98 (2006), 52 ; DC 103 (2006), p. 63.

[11] *Công đồng chung Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium*, n. 8.

[12] *De utilitate credendi*, 1, 2.

[13] Cf. Augustin d'Hippone, *Confessions*, I, 1.

[14] Công đồng chung Vat. II, Hiến chế về phụng vụ Sacrosanctum Concilium, n. 10.

[15] Cf. Jean-Paul II, Tông hiến Fidei depositum (11/10/1992) : AAS 86 (1994), 116 ; DC 90 (1993), p. 1-3.

[16] Sermon 215, 1.

[17] Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, n. 167.

[18] Cf. Công đồng chung Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin Dei Filius, chap. III : DS 3008-3009 ; Công đồng chung Vat. II, Hiến chế tín lý về Mạc Khải Dei Verbum, n. 5.

[19] Benoît XVI, Discours au Collège des Bernardins, Paris (12/9/2008) : AAS 100 (2008), 722 ; DC 105 (2008), p. 827.

[20] Cf. Augustin d'Hippone, Confessions, XIII, 1.

[21] Jean-Paul II, Tông hiến Fidei depositum (11/10/1992) : AAS 86 (1994), 115 et 117; DC 90 (1993), p. 1-3.

[22] Cf. ID., Thông điệp Fides et ratio (14/9/1998), nn. 34 et 106 : AAS 91 (1999), 31-32, 86-87. DC 95 (1998), pp. 913 et 938.

[Sưu tầm của GDHT]





CÔNG BỐ CHƯƠNG TRÌNH CỬ HÀNH NĂM ĐỨC TIN TẠI ROMA

Sáng 21-6-2012, Đức TGM Rino Fisichella, Chủ tịch Hội đồng Tòa Thánh tái truyền giảng Tin Mừng, đã mở cuộc họp báo để giới thiệu lịch trình cử hành Năm Đức Tin tại Roma, từ ngày 11-10 năm nay đến 24-11 năm tới, 2013.

Đức TGM Fisichella đã liệt kê 21 sinh hoạt do ĐTC chủ sự trong Năm Đức Tin, trong đó có lễ khai mạc, lễ bế mạc, lễ tôn phong 6 hiền thánh tử đạo và hiến tu vào chúa nhật 21-10 năm nay, ngày 25-1 năm tới cùng tuyên xưng đức tin với các anh em Kitô khác; ngày 2-2 lễ tuyên xưng đức tin của giới thánh hiến; Chúa nhật lễ lá 24-3, ngày Quốc tế giới trẻ; Chúa nhật 28-4, ĐTC sẽ chủ sự lễ ban phép thêm sức cho một số bạn trẻ; chúa nhật 5-5 cử hành đức tin trong truyền thống đạo đức bình dân; áp lễ Chúa Thánh Thần Hiện xuống 18-5, được dành cho tất cả các phong

trào cũ và mới của Giáo Hội, hành hương tại Mộ Thánh Phêrô; lễ Minh Máu Thánh Chúa, chúa nhật 02-6, thờ lạy Thánh Thể long trọng; Chúa nhật 16-6 được dành cho chứng tá Tin Mừng sự sống; Chúa nhật 7-7, kết thúc cuộc hành hương tại Roma của các chủng sinh, tập sinh nam nữ và những người đang ở trong hành trình ơn gọi; từ ngày 23 đến 28-7-2013 là Ngày Quốc Tế giới trẻ với sự hiện diện của ĐTC tại Rio de Janeiro, Brazil; ngày 29-9 được dành cho các giáo lý viên, đây cũng là dịp kỷ niệm 20 năm công bố sách giáo lý chung của hội Thánh Công Giáo; 13-10 tôn vinh Đức Maria trinh nữ vâng phục.

Đức TGM Chủ tịch Hội đồng Tòa Thánh tái truyền giảng Tin Mừng cũng giới thiệu công thông tin trên Internet với địa chỉ: www.annusfidei.va, qua đó, độc giả có thể biết chương trình các buổi lễ do ĐTC chủ sự trong Năm Đức Tin, các biến cố quan trọng của các HĐGM, các giáo phận, phong trào và hội đoàn. Mạng này bắt đầu với tiếng Ý và Anh, sau đó sẽ thêm các thứ tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Đức và Ba Lan.

Ngoài ra cũng có huy hiệu và thánh ca Năm Đức Tin. Huy hiệu Năm Đức Tin sẽ được trưng trong các sinh hoạt của Năm này có hình con thuyền, tượng trưng Giáo Hội, đang ở trên các đợt sóng. Thân cây lớn ở giữa là Thánh Giá có cánh buồm được kéo lên trên đó, có ghi chữ viết tắt IHS: Chúa Kitô Đấng Cứu Nhân. Cánh buồm có hình tròn mặt trời, gọi lại Thánh Thể.

Đầu tháng 9 tới đây sẽ có những tài liệu mục vụ giúp sống Năm Đức Tin dành cho các giáo xứ. (SD 21-6-2012).

G. Trần Đức Anh OP

[Sưu tầm của GDHT]

NĂM ĐỨC TIN

Anh chị em thân mến,

1. Ý nghĩa mục đích của Năm Đức Tin. Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI ấn định cho Giáo Hội Công Giáo cử hành Năm Đức Tin từ 11.10.2012 đến 24.11.2013. Mục đích là nhằm tạo điều kiện cho người công giáo ở khắp năm châu nhìn lại đời sống đức tin của mình trong bối cảnh văn hóa xã hội hôm nay, tìm cách bổ sung những thiếu sót và bất cập, điều chỉnh những méo mó và lệch lạc, hướng đến sống hồng ân đức tin ngày càng trung thực và trọn vẹn, mở đường cho hồng ân đức tin ngày càng tỏa sáng trong môi trường văn hóa và xã hội, kinh tế và chính trị trên thế giới cũng như tại đất nước Việt Nam hôm nay.

2. Nhìn lại hồng ân đức tin trong dòng lịch sử. Từ gần 5 thế kỷ nay, qua các nhà truyền giáo, Thiên Chúa là Cha trên trời, đã yêu thương gieo hạt mầm đức tin trên đất nước Việt Nam. Nhờ mồ hôi cùng máu đào các nhà truyền giáo, các tiên nhân và chứng nhân đức tin, thửa đất đó đã được khai hoang và trở nên màu mỡ. Nhờ các thể hệ tín hữu đã dày công vun tưới, chăm sóc, bảo vệ, bằng đời sống chuyên cần cầu nguyện, bác ái và quảng đại hy sinh, những hạt mầm đức tin phát triển và đơm bông kết trái như hôm nay.

Thế nhưng, cũng từ đó đến nay, xã hội đất nước cùng gia đình nhân loại không ngừng chuyển biến và đổi thay, bao nhiêu biến cố lịch sử để lại những dấu ấn cùng những vấn đề nghiêm trọng trong xã hội, tác động làm cho đời sống

đức tin của nhiều người, cách riêng người trẻ, hoặc bị đóng băng, bị xói mòn, sai lệch, hoặc trở nên hụt hẫng, bất cập... Các nhà giáo dục đức tin cần chung lòng chung sức suy nghĩ và tìm ra biện pháp giải tỏa tình trạng nêu trên, khai mở cho mọi người con đường bước theo Chúa Giêsu Kitô, dẫn đến nguồn sống dồi dào trong yêu thương và an bình.

3. Nhìn lại việc tuyên xưng đức tin. Lời tuyên xưng đức tin bày tỏ quyết tâm:

(1) Một mặt, quyết tâm trong mọi hoàn cảnh, không nghe theo, không chạy theo sự lôi cuốn, quyến rũ, dụ dỗ của ma quỷ, xác thịt, thế gian, - vì lẽ ma quỷ là đầu mối mọi sự dữ và sự xấu trong đời sống nhân loại, - vì xác thịt mang nặng đam mê mù quáng của lòng tham sân si cùng tính đối kháng cố hữu của bản năng tự vệ khép kín, - vì thế gian với những thói đời mang tính bất cập, thường liên minh với xác thịt làm phát sinh nhiều tệ nạn cùng bất công trong xã hội.

(2) Mặt khác, quyết tâm mọi lúc tin vào và gắn bó với Ba Ngôi Thiên Chúa cùng Giáo Hội Chúa Kitô:

- gắn bó với Thiên Chúa là Cha trên trời, tìm và thi hành ý Cha mong muốn cho mọi người sống dồi dào;

- gắn bó với Chúa Giêsu Kitô, trung thành bước theo Ngài trên con đường tình yêu cứu độ (hội nhập, dân thân phục vụ, quảng đại hiến thân, đổi mới) dẫn đến nguồn sống mới, là nguồn sống dồi dào;

- gắn bó và ý thức cộng tác với ơn Chúa Thánh Thần thánh hóa và đổi mới người tín hữu nên người mới theo hình

mẫu Chúa Kitô, soi dẫn cho họ bước theo con đường đi đến nguồn sống mới của Chúa Kitô;

- gắn bó và hiệp thông với Giáo Hội Chúa Kitô, trung thành thực hành giáo huấn của Giáo Hội triển khai Lời Chúa là Lời ban ánh sáng chân lý cùng tình yêu, ánh sáng bình an cùng sức sống mới của Chúa Kitô.

Các nhà giáo dục đức tin cần tạo cơ hội cho mọi người công giáo, mọi thành phần cùng mọi tổ chức trong Giáo Hội, nhìn lại lối sống hôm nay có trung thành với lời hứa, với quyết tâm đó đến đâu? Đây là những sai sót, khó khăn, thử thách? Cần làm gì nhằm tạo điều kiện cho mọi người biến mọi sự thành cơ hội củng cố đời sống đức tin, và tiến bước đi đến nguồn sống mới của Chúa Kitô?

4. Nhìn lại việc dạy giáo lý cùng cử hành đức tin. Dạy giáo lý và cử hành đức tin đều có mục đích mở rộng kiến thức đức tin và nâng cao ý thức đức tin, giáo dục người tín hữu, tạo khả năng và cơ hội cho họ:

(1) Sống trọn tình hiếu thảo với Thiên Chúa là Cha giàu lòng từ bi nhân hậu, luôn tìm và thi hành ý Ngài;

(2) Sống vẹn nghĩa huynh đệ hiệp thông và hợp nhất với anh em đồng đạo trong Giáo Hội là con một Cha;

(3) Mở rộng tình huynh đệ đồng cảm và chia sẻ với đồng bào và đồng loại là anh em một nhà.

Sống trọn vẹn ba mối tình đó là xây dựng cuộc đời, gia đình, cộng đoàn, trên nền đá vững chắc là Lời Chúa. Được xây mới trên nền móng Lời Chúa theo chỉ dẫn thống nhất của Đại Hội Dân Chúa Việt Nam năm 2010 và Công nghị Giáo phận năm 2011, gia đình, cộng đoàn tín hữu từng

bước trở nên Giáo Hội Mầu Nhiệm, Giáo Hội Hiệp Thông, Giáo Hội Sứ Vụ, theo như Giáo Hội cùng Công Đồng Vatican II đã dạy.

Giới hữu trách cần cùng nhau nhìn lại việc dạy giáo lý và việc cử hành đức tin có tạo khả năng cho mọi người sống tình mến Chúa yêu người theo như Lời Chúa dạy không? Có giúp cho người công giáo ý thức mở rộng cả hai van tim của lòng đạo, lòng tin, một van để đón nhận mọi hồng ân Thiên Chúa thương ban, van kia để chia sẻ những hồng ân đó cho mọi người trong gia đình, trong cộng đoàn, trong xã hội? Hay chỉ theo lối mòn xưa nay với những luật lệ và công thức cố định chỉ nhằm giúp họ giữ đạo và bảo vệ đạo?

Trong công cuộc giáo dục đức tin hiện nay, có cần cùng nhau xác định rõ mục tiêu và định hướng giáo dục đức tin, hoàn chỉnh nội dung chương trình theo định hướng đã thống nhất? Có cần cải tiến cách tổ chức và điều hành, cách phân công và phối hợp nhân sự cùng những sáng kiến xưa nay, cũng như cách giáo dục đối với các lớp tuổi sống trong những hoàn cảnh khác nhau..., nhằm giúp cho việc dạy giáo lý, cử hành đức tin mang lại hiệu quả mong muốn, là người tín hữu có điều kiện sống đức tin ngày càng trung thực và trọn vẹn, mở đường cho hồng ân đức tin ngày càng tỏa sáng trong môi trường xã hội hôm nay?...

5. Nhìn lại việc sống đức tin. Hồng ân đức tin soi dẫn cho người tín hữu làm theo lời ĐTC Bênêđiô XVI nhắc nhở dân Chúa hãy Phúc Âm hóa đời sống và bản thân thường ngày của mình. Nghĩa là ý thức đưa ánh sáng chân lý cùng sức sống mới của Lời Chúa vào trong việc tu thân luyện đức và giáo dục, vào trong việc tề gia là chăm lo cho gia

đình cùng cộng đoàn, vào trong việc trị quốc là quản trị một tổ chức, một cộng đoàn, nhằm mang lại sự an bình cho người người, sự an lành cho nhà nhà. Phúc Âm hóa sẽ giúp cho người tín hữu thi hành những bốn phận thường ngày vừa thuận ý trời (thiên thời), vừa hợp với giáo huấn của Giáo Hội cùng truyền thống văn hóa và đạo đức của dân tộc (địa lợi), vừa hòa với lòng nhân, lòng đạo, lòng tin của con người (nhân hòa).

Thực tế cuộc sống cho thấy người tín hữu sống hồng ân đức tin trong bốn phận thường ngày như thế nào? Ý thức đi theo ánh sáng chân lý và tình yêu của Chúa Kitô, hay chỉ vô ý thức theo lối mòn của khung nếp xưa nay vốn mang tính bất cập?

Vài thí dụ về những vấn đề nảy sinh trong xã hội hôm nay:

(a) Hồng ân đức tin giúp cho người tín hữu xác tín rằng : Thiên Chúa là Cha trên trời mong muốn con người dùng nguồn lực của tình yêu thương đồng cảm và bao dung, quảng đại dân thân phục vụ, hy sinh, cùng với tinh thần trách nhiệm liên đới, để chung sức đẩy lùi mọi sự dữ cùng mọi tệ nạn và bất công trong xã hội, canh tân đời mới và thăng tiến đời sống nhân loại. Thói người đời thường dùng cường lực cùng bạo lực, với thái độ đối đầu, đối phó và loại trừ nhau. Thực tế cuộc sống cho thấy người tín hữu thường ứng xử theo hướng nào? Ý thức theo ý Chúa là Cha từ bi nhân hậu, hay chỉ theo thói thế gian?

(b) Hồng ân đức tin khai sáng cho người tín hữu nhận ra rằng: sự sống, tình yêu, hôn nhân, gia đình, là quà tặng của Thiên Chúa tình yêu, và người đón nhận quà tặng có bốn phận hiếu thảo đáp trả lại tình thương của Cha trên trời

bằng nỗ lực bảo vệ quà tặng đó, xây đắp đời sống hôn nhân gia đình thành cái nôi của sự sống, mái ấm của tình thương, ngôi trường đầu tiên giáo dục con cái nên người con hiếu thảo đối với Cha trên trời, ý thức sống tình huynh đệ đối với đồng bào, đồng loại, góp phần xây đắp nền văn minh tình thương, vì sự phát triển và thăng tiến của gia đình nhân loại. Luật lệ trong thế gian lại coi việc kết hôn và ly dị, việc sinh con và phá thai, việc kết hôn với người khác phái hay đồng phái, là thuộc quyền tự do của con người... Thực tế cuộc sống cho thấy người tín hữu thường ứng xử theo hướng nào? Theo bốn phận làm con hiếu thảo đối với Cha trên trời, hay chỉ giản đơn theo quan điểm con người làm chủ cuộc đời mình, không có người chủ hay truyền thống đạo lý nào khác ngoài ý muốn của mình?

6. Năm Đức Tin là cơ hội cho mọi người đảm trách việc giáo dục đức tin, hội ý với nhau, tìm cách tạo thuận lợi cho các gia đình, cho cộng đoàn tín hữu, các tổ chức mục vụ cùng các tổ chức tông đồ giáo dân, đặc biệt là cho người trẻ, cùng nhau nhìn lại hiện trạng đời sống đức tin, hỗ trợ nhau mở rộng kiến thức đức tin và nâng cao ý thức đức tin, nhắc nhở nhau quan tâm cộng tác với ơn Chúa Thánh Thần khai thông, bổ sung, đổi mới, hoàn thiện đời sống đức tin, theo như lòng Chúa mong muốn và lòng người mong đợi.

7. Kết. Chuyên cần cầu nguyện vừa là nguồn nước trong lành vun tưới cho hạt mầm đức tin phát triển và đơm bông kết trái. Vừa là bí quyết thành công trong công việc giáo dục đức tin, cũng như trong công việc xây mới ngôi nhà Giáo Hội trên nền đá vững chắc là Lời Chúa, xây nên Giáo Hội Mầu Nhiệm - Hiệp Thông - Sứ Vụ, nơi đó người tín

hữu có điều kiện và cơ hội sống trọn vẹn và tỏa sáng hồng ân đức tin.

Xin mọi người, mọi gia đình, mọi cộng đoàn, không ngừng cầu nguyện cho nhau, cho các nhà giáo dục đức tin, cho tôi, biết sử dụng thời gian Năm Đức Tin như quà tặng của Cha trên trời, vì sự sống dồi dào, vì sự phát triển và thắng tiến cộng đồng dân Chúa cùng cộng đồng nhân loại hôm nay.

**Gioan B. Phạm Minh Mẫn, Hồng Y Tổng Giám mục
Tổng giáo phận Sài-gòn
[Sưu tầm của GDHT]**



HỌC HỎI THÁNH KINH

ĐỨC TIN NHƯ PHƯƠNG THỂ DUY NHẤT TRAO BAN ON CỨU ĐỘ

Thư Ro-ma chương 4:

Ông Áp-ra-ham được nên công chính vì đã tin

1 Vậy phải nói sao về ông Áp-ra-ham, tổ phụ dân tộc chúng tôi ? Ông đã được gì ? 2 Giả như ông Áp-ra-ham được nên công chính vì những việc ông đã làm, thì ông có lý do để hãnh diện ; nhưng không phải là hãnh diện trước mặt Thiên Chúa. 3 Thật vậy, Kinh Thánh nói gì ? Ông Áp-ra-ham đã tin Thiên Chúa, và vì thế được kể là người công chính. 4 Người nào làm việc, thì lương trả cho người ấy không được kể là ân huệ, mà là nợ. 5 Trái lại người nào không dựa vào việc làm nhưng tin vào Thiên Chúa, Đáng làm cho kẻ vô đạo nên công chính, thì lòng tin làm cho người ấy được Thiên Chúa kể là công chính. 6 Đó là điều vua Đa-vít nói khi ca tụng hạnh phúc của người được Thiên Chúa kể là công chính mà không xét đến việc làm : 7 Hạnh phúc thay kẻ lỗi lầm mà được tha thứ, người có tội mà được khoan dung !

8 Hạnh phúc thay người Chúa không kể là có tội !

Không phải vì chịu phép cắt bì

9 Lời ca tụng hạnh phúc này chỉ áp dụng cho những người được cắt bì, hay cho cả những người không được cắt bì nữa ? Quả vậy, như chúng ta vừa nói : Ông Áp-ra-ham đã tin, và vì thế được kể là người công chính. 10 Ông được kể là người công chính khi nào ? Trước hay sau khi ông được

cắt bì ? Không phải sau, mà là trước khi ông được cắt bì !
11 Ông nhận được phép cắt bì như dấu hiệu chứng thực rằng : nhờ tin mà ông được trở nên công chính, trước khi được cắt bì. Như vậy, ông là cha của mọi kẻ tin mà không được cắt bì, và vì tin nên được kể là công chính. 12 Ông cũng là cha của những người được cắt bì, nhưng không phải chỉ được cắt bì, mà còn dõn bước tổ phụ chúng ta là ông Áp-ra-ham, trên đường đức tin, đức tin ông đã có trước khi được cắt bì.

Không phải vì giữ Lễ Luật

13 Thật vậy, không phải chiếu theo Lễ Luật, mà Thiên Chúa đã hứa cho ông Áp-ra-ham và dòng dõi ông được thế gian làm gia nghiệp ; nhưng ông được lời hứa đó, vì đã trở nên công chính nhờ lòng tin. 14 Nếu gia nghiệp được dành cho những kẻ lệ thuộc vào Lễ Luật, thì đức tin trở nên vô nghĩa, và lời Thiên Chúa hứa bị huỷ bỏ. 15 Quả thế, Luật gây nên cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, còn ở đâu không có Lễ Luật, thì cũng không có vi phạm. 16 Bởi vậy, vì tin mà người ta được thừa hưởng lời Thiên Chúa hứa ; như thế lời hứa là ân huệ Thiên Chúa ban không, và có giá trị cho toàn thể dòng dõi ông Áp-ra-ham, nghĩa là không phải chỉ cho những ai giữ Lễ Luật, mà còn cho những ai có lòng tin như ông. Ông là tổ phụ chúng ta hết thảy, 17 như có lời chép : Ta đã đặt ngươi làm tổ phụ nhiều dân tộc. Ông là tổ phụ chúng ta trước mặt Thiên Chúa, Đáng ông tin tưởng, Đáng làm cho kẻ chết được sống và khiến những gì không có hoá có.

Lòng tin của ông Áp-ra-ham và lòng tin của chúng ta

18 Mặc dầu không còn gì để trông cậy, ông vẫn trông cậy và vững tin, do đó ông đã trở thành tổ phụ nhiều dân tộc, như lời Thiên Chúa phán : Dòng dõi người sẽ đông đảo như thế. 19 Ông đã gần một trăm tuổi, nhưng ông vẫn vững tin không nao núng, khi nghĩ rằng thân xác ông cũng như dạ bà Xa-ra đều đã chết. 20 Ông đã chẳng mất niềm tin, chẳng chút nghi ngờ lời Thiên Chúa hứa ; trái lại, nhờ niềm tin, ông đã nên vững mạnh và tôn vinh Thiên Chúa, 21 vì ông hoàn toàn xác tín rằng : điều gì Thiên Chúa đã hứa thì Người cũng có đủ quyền năng thực hiện. 22 Bởi thế, ông được kể là người công chính.

23 Nhưng khi viết ông được kể là người công chính, thì không phải chỉ nói về ông, 24 mà còn nói về cả chúng ta nữa : chúng ta sẽ được kể là công chính, vì tin vào Đấng đã làm cho Đức Giê-su, Chúa chúng ta, sống lại từ cõi chết ; 25 Đức Giê-su chính là Đấng đã bị trao nộp vì tội lỗi chúng ta và đã được Thiên Chúa làm cho sống lại để chúng ta được nên công chính.”

Trong hai phần đầu chương 4 thư gửi giáo đoàn Roma, thánh Phaolô đã trưng dẫn các lý chứng Kinh Thánh Cựu Ước cho thấy tổ phụ Abraham đã được Thiên Chúa coi là công chính vì đức tin chứ không phải vì tuân giữ luật lệ, và ông được coi là công chính trước khi cắt bì.

Trong phần thứ ba tức các câu 13-17a, thánh nhân đưa ra lý chứng Kinh Thánh thứ ba liên quan tới lời Thiên Chúa hứa với tổ phụ Abraham và dòng dõi ông. Cũng như đã làm trong chương 3 thư gửi giáo đoàn Galát, ở đây

thánh nhân không chú ý tới nội dung của lời hứa, mà chỉ theo truyền thống Do thái nêu bật sự thừa tự của thế giới. Ngài đặc biệt nhấn mạnh trên năng động nội tại trong sự dân thân một chiều, vô điều kiện, và hoàn toàn nhưng không của Thiên Chúa để chứng minh cho thấy ơn cứu độ không tùy thuộc việc tuân giữ lề luật, mà tùy thuộc đức tin. Ở đâu có luận lý của sự cậy dựa nơi các công đức tôn giáo luân lý, ở đó đức tin mất đi nhiệm vụ công chính hóa. Chỉ có người tin tưởng nơi lời Thiên Chúa hứa mới khiến cho lời hứa duy trì được tính chất vô điều kiện của nó. Nói cách khác đề tài sự công chính hóa và đức tin, khai triển trong các câu 1-8 được tiếp nối ở đây bằng đề tài lời hứa và đức tin.

Lý có có sức mạnh thuyết phục hùng hồn nhất cho thấy ơn cứu độ loại trừ lề luật, đó là chính lề luật chống lại ơn cứu độ. Bởi vì lề luật đại diện cho một cơ cấu máy móc dẫn đưa người tín thác nơi các công việc của lề luật tới con thịnh nộ và án phạt của Thiên Chúa. Thật vậy, vì con người bị Tội Lỗi thống trị nên lề luật là cơ cho con người sa phạm. Con người bị lề luật khiêu khích nên nổi loạn chống lại các giới răn xem ra nhằm chán và không thể chịu đựng nổi đối với cái tội khiêu căng và ích kỷ. Để có thể hiểu được kiểu lý luận trên đây của thánh Phaolô, phải biết nội dung các lời trích từ các thư gửi giáo đoàn Galát, Roma và Côrintô. Trong chương 3,19 thư gửi tín hữu Galát thánh Phaolô viết: *"Vậy Lề Luật làm gì? Chính là để gây ra các vi phạm mà Lề Luật đã được đặt thêm, cho tới khi Đấng là dòng dõi Abraham đến, Đấng được hưởng lời hứa"*. Ngoài ra trong chương 3,20 thư gửi giáo đoàn Roma thánh Phaolô cũng đã viết: *"Luật chẳng qua chỉ làm cho người*

ta ý thức về tội”. Và thánh nhân còn thêm trong chương 5,20: *”Lề Luật đã xen vào để cho sự sa ngã lan tràn”*. Xa hơn trong chương 7,7-13 thánh nhân thảo luận về vai trò của lề luật và khẳng định rằng lề luật tốt, nhưng tội lỗi đã thừa cơ, dùng điều răn để quyền rũ con người và dùng điều răn để giết chết con người. Trong chương 15,56 thư thứ I gửi tín hữu Côrintô thánh Phaolô cũng trình bày cùng một lập trường khi viết: *”Từ thần có đức là vì tội lỗi, mà tội lỗi có mạnh cũng tại có Lề Luật”*. Như vậy không những Lề Luật không phải là suối nguồn trao ban ơn cứu độ, mà thật ra còn cho thấy nó là cơ gây ra sự hư mất đời đời nữa. Chẳng những không góp phần vào việc tha tội và làm cho con người trở nên công chính, lề luật lại còn giúp Tội Lỗi hiện thực qua các cử chỉ tội lỗi cụ thể. Học thuyết trên đây của thánh Phaolô quả là tồi bại và gây vấp phạm đối với Do thái giáo vẫn coi lề luật là chất kháng tố Thiên Chúa ban cho để chế ngự bản năng sự dữ hiện diện và hoạt động trong con người. Dầu thế nào đi nữa, ở đây cần ghi nhận rằng thánh Phaolô không có ý đả phá Lề Luật như là thực tại khách quan, bởi vì trong chương 3,31 thánh nhân khẳng định rằng ngài không dựa vào đức tin để hủy bỏ lề luật, nhưng để củng cố lề luật. Điều thánh nhân đả phá ở đây là nhiệm vụ mà lề luật có trong lịch sử loài người nô lệ các giác mộng bá quyền của mình.

Từ đó kết luận quá rõ ràng: các người thừa tự lời hứa của Thiên Chúa chỉ có thể là các tín hữu, tức các người có đức tin. Thật thế, đức tin giúp duy trì tính chất nhưng không và đại đồng của ơn cứu độ. Nếu nó gắn liền với lề luật thì chỉ có người Do thái mới được hưởng còn dân ngoại bị loại bỏ ra ngoài. Nhưng không phải như thế,

bởi trong chương 17,5 sách Sáng thế Thiên Chúa nói với tổ phụ Abraham rằng: *"Ta sẽ đặt con làm cha của mọi dân tộc"*. Dòng dõi lịch sử khiến cho người Do thái có thể khoe khoang Abraham là *"tổ phụ của họ theo xác thịt"*, không khiến cho họ tự động được ơn cứu độ. Vì thật ra, tổ phụ Abraham là cha của những kẻ có đức tin. Ở đây thánh Phaolô phân biệt giữa chức làm cha tổ quốc và chức làm cha tinh thần, cũng như giữa chức làm con theo dòng dõi lịch sử và chức làm con theo dòng dõi tinh thần. Thánh nhân kết thúc bằng cách đối chọi hai thực thể: một đằng là lề luật và phép cắt bì đằng khác là đức tin. Phân tích cho cùng, giữa thánh nhân và Do thái giáo sự khác biệt liên quan tới việc giải thích gương mặt mẫu mực của tổ phụ Abraham. Đối với thánh Phaolô tổ phụ là người có đức tin, trong khi đối với Do thái giáo tổ phụ là người tuân giữ lề luật.

Phần cuối cùng chương 4 thư gửi giáo đoàn Roma, tức các câu 17b-25, đề cập tới gương mặt của tổ phụ Abraham. Tổ phụ vừa là cha của những người được công chính hóa và thừa hưởng lời Thiên Chúa hứa, vừa là cha của những kẻ có lòng tin. Thái độ tin của tổ phụ cho thấy bản chất sâu đậm của thái độ mà con người cần có để được ơn cứu rỗi. Từ đức tin của tổ phụ Abraham như là sự kiện, thánh Phaolô bước sang việc thảo luận về phẩm chất thần học và tính cách cá biệt của đức tin đó. Tất một lời, ai có đức tin như đức tin lớn lao của tổ phụ, đều được công chính hóa. Dĩ nhiên không thiếu các khác biệt. Tổ phụ Abraham đã tin vào lời Thiên Chúa hứa sẽ can thiệp vào lịch sử, trong khi các kitô hữu tin vào một biến cố quá khứ là sự sống lại của Chúa Giêsu. Trong nội dung không thể

nói đức tin của tổ phụ Abraham là đức tin kitô, nhưng có thể coi nó có tính chất kitô trong năng động nội tại của thái độ tín thác vô biên của tổ phụ: không còn hy vọng gì trên bình diện nhân loại, nhưng vẫn hy vọng nơi Đấng đã khiến cho sự sống nảy sinh từ cõi chết.

Ở đây thánh Phaolô đặc biệt trả lời hai vấn nạn. Thứ nhất, tổ phụ Abraham tin vào ai? (17b) và thứ hai, người đã sống đức tin đó trong các hoàn cảnh ra sao? (cc.18-21). Abraham tin vào *"Thiên Chúa là Đấng trao ban sự sống cho những người đã chết và gọi những gì không có vào trong sự hiện hữu"*. Đây là các kiểu diễn tả truyền thống quen thuộc trong lãnh vực kinh thánh. Nhưng thánh Phaolô không chỉ lập lại những kiểu nói quy ước. Trước hết thánh nhân cho thấy đức tin của tổ phụ rộng mở cho kỳ công của Thiên Chúa, khiến cho sự sống chiến thắng cái chết và làm cho sự tạo dựng thắng vượt cái hư không. Đàng khác ít nhất là gián tiếp một cách dấu ẩn thánh nhân cũng ám chỉ sự sống lại của Chúa Kitô (x. c.24). Khung cảnh của lòng tin là tình trạng tuyệt vọng mà tổ phụ và vợ phải sống: đời chờ đã mòn mỏi, tuổi đời quá già rồi mà không có con. Trên bình diện tự nhiên, theo các luật lệ tâm sinh vật lý và nhân loại thì không còn hy vọng gì nữa. Tuy nhiên tổ phụ vẫn tin vào tương lai và vẫn có thái độ rộng mở cho các khả thể cuối cùng vượt quá biên giới của lẽ luật tự nhiên. Nghĩa là tổ phụ tin rằng Thiên Chúa có thể mở cửa các huyết mộ và cho các xác chết hồi sinh, như ngôn sứ Edekiel đã diễn tả trong chương 37. Lòng tin của tổ phụ nảy sinh từ mặt đất hư vô nơi các sức lực của tổ phụ đã tiêu tán hết. Bởi vì tổ phụ đã quá già nua và cung lòng của vợ là bà Sarah cũng không còn sinh lực nữa. Trong ánh

mất của tổ phụ và chung quanh lều nơi hai ông bà già sinh sống, chỉ hiển hiện sa mạc khô cằn, không sự sống. Nhưng tổ phụ vẫn tin, mà không cho mình là đang ảo tưởng. Abraham đẩy lui cái bất lực nhân loại của mình và tin rằng Thiên Chúa sẽ ban cho ông một con trai. Chẳng những đã không chán nản ngã lòng thất vọng, Abraham lại còn tin vững mạnh hơn nữa và lòng tín thác của ông tôn vinh Chúa. Trong hoàn cảnh tuyệt vọng này, lòng tin của tổ phụ là thứ đức tin vô bờ và vô điều kiện. Ông tín thác nơi lời Thiên Chúa đã hứa, nghĩa là ông tín thác nơi quyền năng tạo dựng và phục sinh của Thiên Chúa. Như thế tổ phụ Abraham tôn vinh Thiên Chúa là Đấng tạo dựng và cho người chết sống lại.

Như vậy đức tin của tổ phụ Abraham chiến thắng các sức mạnh tàn phá nảy sinh từ ý thức bất lực sáng suốt hợp lý của mình, bởi vì nó là thứ đức tin vô điều kiện và không biên giới. Chính vì thế nên tổ phụ được coi như là cha của các dân tộc, và được Thiên Chúa kể là công chính. Quay về hiện tại thánh Phaolô khẳng định đức tin công chính hóa của các kitô hữu cũng giống như thế. Thánh nhân viết trong hai câu 23-24: *"Nhưng khi viết ông được kể là người công chính, thì không phải chỉ nói về ông, mà còn nói về cả chúng ta nữa"*. Bởi các kitô hữu "tin vào Đấng đã cho Đức Giêsu Chúa chúng ta sống lại từ cõi chết". Rồi thánh Phaolô kết luận: *"Đức Giêsu chính là Đấng đã bị trao nộp vì tội lỗi chúng ta và đã được Thiên Chúa làm cho sống lại để chúng ta được nên công chính"*. Tương xứng giữa sự hòa giải hữu hiệu trong cái chết của Chúa Giêsu và tầm mức của sự công chính hóa là biến cố duy nhất trong lịch sử cứu độ nhân loại. Thực ra, đối với

thánh Phaolô sự công chính hóa trên đây đồng nghĩa với ơn tha tội. Chúa Giêsu đã chết cho ơn tha tội của tất cả mọi người, chứ không phải đã chết vì các tội lỗi.

Lm Linh Tiến Khải

(Sưu tầm của GDHT)



HỌC HỎI CÔNG ĐỒNG VATICAN II

NGƯỜI GIÁO DÂN TRƯỞNG THÀNH

Để kỷ niệm 50 năm ngày khai mạc Công Đồng Vatican II (1962-2012) sáng ngày 29/09/2012 vừa qua, Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận Sài-gòn cùng với Câu Lạc Bộ Phao-lô Nguyễn Văn Bình đã tổ chức một cuộc Tọa Đàm với 3 đề tài như sau:

ĐT 1.- “Giáo huấn của Giáo hội về ơn gọi và sứ vụ của giáo dân trong Giáo hội và xã hội”, do linh mục Giuse Nguyễn Trọng Viễn OP thuyết trình.

ĐT 2.- “Người giáo dân trưởng thành”, do ông Giêrônimô Nguyễn Văn Nội, giảng viên Thánh Kinh, thuyết trình.

ĐT 3.- “Sự dẫn thân của giáo dân trong các lãnh vực trần thế: Ôn gọi nên thánh trong môi trường sống”, do bác sĩ Giuse Nguyễn Đăng Phấn và Nhóm Bạn trình bày.

Trong GDHT 5 này chúng tôi hân hạnh giới thiệu bài “Người Giáo Dân Trưởng Thành” của ông Giêrônimô Nguyễn Văn Nội. Vì người giáo dân trưởng thành cũng chính là người giáo dân có đức tin sâu sắc, xác tín và dẫn thân.

CÂU HỎI GỢI Ý

1. Thế nào là người giáo dân trưởng thành?
2. Làm thế nào để người giáo dân trưởng thành?

I. VÀO ĐỀ

Sáng ngày 17 tháng 10 năm 2011, Đức Thánh Cha Biển Đức XVI đã cho công bố Tựa Sắc về Năm Đức Tin được đặt tên là "Porta Fidei" (Cửa Đức Tin) trong đó ngài nêu lên tầm quan trọng của việc đọc các văn kiện và thực thi các Giáo huấn của Công đồng Vatican II:

"Tôi cho rằng việc khởi sự Năm Đức Tin trùng với dịp kỷ niệm 50 năm khai mạc Công đồng chung Vatican II có thể là một cơ hội thích hợp để hiểu rằng các văn kiện Công đồng, được các Nghị Phụ để lại như gia sản, "không bị mất giá trị, cũng như vẻ tươi sáng". Cần đọc các văn kiện ấy một cách thích hợp, cần biết rõ và hấp thụ các văn kiện ấy như những văn bản giá trị và có tính chất qui phạm của Huấn Quyền Hội Thánh, giữa lòng Truyền Thống của Giáo Hội. Hơn bao giờ hết tôi cảm thấy nghĩa vụ phải nêu cao Công đồng như "hồng ân lớn lao mà Giáo Hội được hưởng trong thế kỷ XX": trong đó chúng ta được một địa bàn chắc chắn để định hướng trong con đường của thế kỷ đang mở ra". Tôi cũng muốn mạnh mẽ lặp lại điều tôi đã quả quyết về Công đồng vài tháng sau khi tôi được bầu kế vị Thánh Phêrô, rằng: "Nếu chúng ta đọc và đón nhận Công đồng, với sự giải thích đúng đắn, thì Công đồng ngày càng có thể và trở thành sức mạnh lớn để thực hiện sự canh tân Giáo Hội ngày càng cần thiết" được một địa bàn chắc chắn để định hướng trong con đường của thế kỷ đang mở ra" (số 5).

Chúng ta tổ chức buổi tọa đàm này là để kỷ niệm 50 năm (1962-2012) khai mạc Công đồng Vatican II, Công đồng được mệnh danh là Công đồng của giáo dân. Bài thuyết trình của linh mục Nguyễn Trọng Viễn O.P.chúng

ta vừa nghe giúp chúng ta ôn lại “Ôn gọi và Sứ vụ của giáo dân theo Công đồng Vatican II.” Nhưng để sống ơn gọi và thực thi sứ vụ của mình, hiển nhiên là người giáo dân phải hội đủ một số điều kiện khách quan cũng như chủ quan. Điều kiện khách quan là những điều kiện từ bên ngoài như bối cảnh Giáo Hội và xã hội có thuận lợi hay không thuận lợi, thuận lợi nhiều hay ít cho việc người giáo dân sống ơn gọi và thực thi sứ vụ của mình. Còn điều kiện chủ quan là những điều kiện của chính bản thân người giáo dân. Chúng ta sẽ chú ý nhiều hơn đến điều kiện chủ quan nhưng cũng không xem thường các điều kiện khách quan. Nói cách khác, người giáo dân có sống ơn gọi và thực thi sứ vụ của mình được hay không là tùy vào việc người ấy có trưởng thành hay không.

Người giáo dân đích thực hay trưởng thành là niềm mơ ước của Giáo Hội, là lý tưởng mà hàng giáo dân phải đạt tới, là công trình mục vụ mà hàng giáo phẩm và hàng giáo sĩ có trách nhiệm đầu tư xây dựng cho hiện tại và tương lai của cộng đồng Dân Chúa tại Việt Nam thân yêu này.

II. TRÌNH BÀY

2.1 Người giáo dân là người của hai “thành đô”: Giáo Hội và xã hội trần gian.

Trước hết Công Đồng Vatican II xác định, cùng một lúc, người giáo dân thuộc về Giáo Hội và xã hội trần gian:

“Các tín hữu giáo dân cùng một trật hoàn toàn thuộc về Dân Chúa và về xã hội trần gian: họ thuộc về một dân tộc, nơi chôn nhau cắt rốn của họ; họ đã bắt đầu thông dự những kho tàng văn hóa của dân tộc nhờ việc giáo huấn, liên kết với đời sống dân tộc bằng nhiều mối

dây xã hội khác nhau, cộng tác vào tiến bộ riêng của dân tộc qua nghề nghiệp của họ, cảm thấy những vấn đề của dân tộc như là những vấn đề của chính họ và cố gắng giải quyết. Lại nữa, họ còn thuộc về Chúa Ki-tô, vì họ được tái sinh trong Giáo Hội bằng đức tin và phép Rửa, để nhờ đời sống mới và việc làm mới, họ là của riêng Chúa Ki-tô, để mọi sự qui phục Thiên Chúa trong Chúa Ki-tô và sau cùng để Thiên Chúa là mọi sự trong mọi người” (Sắc Lệnh Truyền Giáo, Chương III, số 21).

2.2 Nhiệm vụ chính của người giáo dân không phải là ở trong Giáo Hội mà là ở ngoài xã hội hay trong trần thế.

“Nhiệm vụ chính của người giáo dân, nam cũng như nữ, là làm chứng về Chúa Ki-tô, làm chứng bằng đời sống và lời nói trong gia đình, trong các đoàn thể xã hội, cũng như trong môi trường nghề nghiệp. Thật vậy, họ phải biểu lộ con người mới đã được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, trong sự công chính và thánh thiện của chân lý. Nhưng họ phải diễn tả nếp sống mới đó trong môi trường xã hội và văn hóa của quê hương, theo truyền thống của dân tộc mình. Chính họ phải hiểu biết nền văn hóa đó, sửa chữa, bảo tồn, và cải tiến theo những hoàn cảnh mới, và sau cùng phải hoàn tất nó trong Chúa Ki-tô, để niềm tin vào Chúa Ki-tô và đời sống Giáo Hội không còn xa lạ với xã hội họ sống, nhưng bắt đầu thấm nhiễm và cải hóa xã hội đó. Họ phải liên kết với đồng bào mình bằng tình bác ái chân thành, để trong cách sống của họ xuất hiện một mối dây mới về hiệp nhất và về liên kết đại đồng đã được bắt nguồn từ mầu nhiệm Chúa Ki-tô. Họ cũng phải gieo rắc đức tin vào Chúa Ki-tô giữa những người có liên lạc với họ trong đời sống nghề nghiệp; điều bó buộc này càng

khẩn thiết hơn vì nhiều người chỉ có thể nghe Phúc Âm và nhận biết Chúa Ki-tô nhờ các giáo dân sống gần họ. Hơn nữa, nơi nào có thể, giáo dân phải được chuẩn bị để cộng tác trực tiếp hơn với hàng Giáo Phẩm trong việc hoàn tất sứ mệnh đặc biệt là loan báo Phúc Âm và truyền thông giáo lý Ki-tô giáo ngõ hầu Giáo Hội mới khai sinh thêm vững mạnh.” (Sắc Lệnh Truyền Giáo, Chương III, số 21).

2.3 Người giáo dân đích thực hay trưởng thành.

Để có thể đảm đương và chu toàn nhiệm vụ chính của mình, người giáo dân phải trưởng thành như Công đồng Vatican II đã khẳng định một cách minh bạch và hùng hồn: *“Giáo Hội chưa được thiết lập thực sự, chưa sống đầy đủ, cũng chưa là dấu chỉ tuyệt hảo của Chúa Ki-tô giữa loài người, nếu chưa có hàng giáo dân đích thực và nếu hàng giáo dân này chưa cùng làm việc với Hàng Giáo Phẩm. Thật vậy, Phúc Âm không thể đi sâu vào tinh thần, đời sống và sinh hoạt của một dân tộc nếu không có sự hiện diện linh hoạt của giáo dân. Do đó, ngay khi thiết lập Giáo Hội phải hết sức chú tâm đến việc đào tạo một hàng giáo dân Ki-tô giáo trưởng thành.”* (Sắc Lệnh Truyền Giáo, Chương III, số 21).

2.4 Những phẩm chất hay đặc điểm của người giáo dân đích thực hay trưởng thành.

Trong lời tuyên bố trên đây, chúng ta không thấy Công đồng xác định thế nào là người giáo dân đích thực hay trưởng thành; chúng ta cũng không thấy các Nghị Phụ đưa ra các tiêu chí của người giáo dân đích thực hay trưởng thành. Nhưng dựa vào đoạn văn ngắn ngủi ấy, chúng ta có thể rút ra được 4 phẩm chất hay đặc điểm của

người giáo dân đích thực hay trưởng thành.

* *Phẩm chất hay đặc điểm thứ nhất* của những người giáo dân đích thực hay trưởng thành là những người ấy có khả năng và thực sự đã làm cho Giáo Hội được thiết lập thực sự trên một mảnh đất, trong một cộng đồng dân tộc.

* *Phẩm chất hay đặc điểm thứ hai* của những người giáo dân đích thực hay trưởng thành là những người ấy có khả năng và thực sự đã làm cho Giáo Hội sống đầy đủ ơn gọi, sứ mạng, trách nhiệm của mình trong một cộng đồng xã hội.

* *Phẩm chất hay đặc điểm thứ ba* của những người giáo dân đích thực hay trưởng thành là những người ấy có khả năng và thực sự đã làm cho Giáo Hội trở thành dấu chỉ tuyệt hảo của Chúa Ki-tô giữa loài người.

Trình bày 3 phẩm chất hay đặc điểm đầu tiên của người giáo dân đích thực hay trưởng thành như trên e còn quá mơ hồ và trừu tượng. Để cụ thể và dễ hiểu hơn chúng ta có thể diễn tả như sau:

Ở phạm vi cá nhân, người giáo dân đích thực hay trưởng thành là người giáo dân được những người sống xung quanh biết đến và yêu mến, nhờ lối sống hòa đồng, yêu thương, đoàn kết, bác ái, phục vụ và khiêm tốn thật thà trung thực. Nói cách khác những người giáo dân ấy đã trở thành các chứng nhân sống động của Niềm Tin Ki-tô giáo trong các môi trường là gia đình, khu xóm, nghề nghiệp và xã hội.

Ở phạm vi rộng lớn hơn, - là Giáo Hội, - thì đó là những người giáo dân đã đóng góp vào việc làm cho Giáo

Hội và Đạo Chúa Ki-tô được cộng đồng xã hội biết đến và yêu mến, bằng cách sống yêu thương, bác ái, phục vụ, bằng các hành động dân thân bên vực công lý và người nghèo và bằng các công trình văn hóa, nghệ thuật, nghiên cứu có giá trị. Đó còn là những người giáo dân đã đóng góp vào việc làm cho Giáo Hội (giáo xứ, giáo phận, toàn quốc) trở thành cộng đoàn chứng nhân, làm muối, làm men, làm ánh sáng, thành cộng đoàn loan báo Tin Mừng cho người nghèo và yêu thương chăm sóc những người bị thiệt thòi trong xã hội.

* *Phẩm chất hay đặc điểm thứ tư* của những người giáo dân đích thực hay trưởng thành là những người ấy (có khả năng và thực sự đã) cùng làm việc với Hàng Giáo Phẩm, trong tư thế là những người “đồng trách nhiệm” với Hàng Giáo Phẩm, chứ không chỉ là các “cộng sự viên” như Đức Thánh Cha Biển Đức XVI vừa mới nhắc lại trong Sứ điệp gửi các tham dự viên Đại hội kỳ VI, quen gọi là “*Diễn đàn quốc tế*” của Phong trào Công Giáo Tiến Hành, nhóm tại thành phố Iasi bên Rumani từ ngày 22 đến 26/8/2012, với sự tham dự của các Đại biểu phong trào đến từ 35 nước thuộc 4 đại lục trên thế giới (1).

Ở đặc điểm thứ tư này có hai điều đáng chúng ta lưu ý: một là văn bản nói rõ là hàng giáo phẩm nên chúng ta phải hiểu là các giám mục chứ không phải là các linh mục được gọi chung là hàng giáo sĩ; hai là “cùng làm việc với” hàng giáo phẩm chứ không phải là “làm việc dưới” quyền chỉ huy hay theo sự điều động/sai bảo của hàng giáo phẩm.

2.5 Các phương thế giúp người giáo dân trở nên đích thực hay trưởng thành.

Làm thế nào để giáo dân có khả năng làm cho Giáo Hội được thiết lập thực sự trên một mảnh đất, trong một cộng đồng dân tộc, làm cho Giáo Hội sống đầy đủ ơn gọi, sứ mạng, trách nhiệm của mình trong một cộng đồng xã hội, làm cho Giáo Hội sống đầy đủ ơn gọi, sứ mạng, trách nhiệm của mình trong một cộng đồng xã hội, cùng làm việc với Hàng Giáo Phẩm? Nói cách khác là làm thế nào để người giáo dân trở thành muối, men và ánh sáng trong các môi trường gia đình và xã hội (Mt 5,13-16; 13,33)? Làm thế nào để người giáo dân là môn đệ chân chính của Thầy Giê-su (xem Mt 7,21-27), là người thuộc gia đình của Đức Giê-su (Mt 12,40-50) và là thợ vườn nho của Thiên Chúa (Mt 20,1-2.4.5-7)?

Thiết nghĩ có 6 việc quan trọng sau đây :

Một là đào tạo bồi dưỡng cơ bản và chuyên sâu về Giáo Lý, Giáo Luật, Thánh Kinh, Thần Học, Linh Đạo, Lịch Sử Giáo Hội toàn cầu và địa phương, Công Đồng và Giáo Huấn Xã hội của Giáo Hội. Ở lãnh vực bao la rộng lớn này chúng ta còn rất nhiều việc phải làm. Ở đây chúng ta có Trung tâm và Học viện Mục vụ là nơi sinh hoạt và đào tạo giáo dân. Nhưng thử hỏi đã có được bao nhiêu phần trăm giáo dân thành phố lưu tới nơi này, tham dự các Khóa học hỏi, các sinh hoạt ở đây? Cũng thử hỏi ngoài giáo phận Sài-gòn có được mấy giáo phận trong cả nước có chương trình và các lớp, các khóa đào tạo giáo dân như ở đây?

Hai là giao trách nhiệm cho giáo dân hay đúng hơn

là để và giúp giáo dân đảm đương công việc thuộc trách nhiệm của họ. Trách nhiệm của giáo dân phần chính là có liên quan tới trần thế, chứ không chỉ giới hạn trong nội bộ Giáo Hội mà thôi.

Ba là thay đổi não trạng xem thường giáo dân hay não trạng “giáo sĩ trị” (cléricalisme) trong Giáo Hội Việt Nam là Giáo Hội còn quá nặng tính giáo sĩ. Não trạng này rất phổ biến nơi giáo dân (mặc cảm tự ti thái quá) cũng như nơi giáo sĩ (mặc cảm tự tôn thái quá).

Bốn là thiết lập, thay đổi và cải tiến cơ chế như Hội đồng Tài chánh giáo xứ và giáo phận, Hội đồng Mục vụ giáo xứ và giáo phận, các Ủy Ban thuộc Hội đồng Giám mục, nhất là các ủy ban có liên hệ trực tiếp tới giáo dân như Ủy ban giáo dân, Ủy ban gia đình, Ủy ban truyền thông v.v... Ở cơ quan cao nhất là Hội đồng Giám mục Việt Nam, chúng ta chưa bao giờ thấy sự hiện diện của người giáo dân, dù chỉ là với tư cách là quan sát viên hay người dự thính chứ chưa dám nói tới việc người giáo dân được phát biểu hay đóng góp ý kiến, bàn bạc, trong các kỳ họp hay hội nghị các Giám mục.

Năm là xây dựng mối tương quan trưởng thành và hợp tác với hàng giáo phẩm và hàng giáo sĩ như Công đồng Vatican đã xác định ở số 37 của “Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội” (2), ở số 9 của “Sắc Lệnh về Chức Vụ và Đời Sống Linh mục” (3) và như Đức Thánh Cha Biển Đức đã nhắc nhở trong sứ điệp gửi Diễn Đàn quốc tế các tổ chức Công Giáo Tiến Hành vừa nhóm họp tại Iasi (Rumani) cuối tháng 8.2012 (1).

Điều đáng mừng là Giáo Hội Việt Nam nói chung

và Giáo phận Sài-gòn nói riêng đã ý thức được những vấn đề nêu trên. Thư Chung hậu Đại Hội Dân Chúa của Giáo Hội Việt Nam năm 2000 ghi nhận trong số 27 «*Nay Giáo Hội cần quan tâm hơn đến việc phát huy phẩm chất của giáo dân bằng cách tổ chức các khóa huấn luyện về thần học, giáo lý, Kinh Thánh, mục vụ.* [xem đề nghị 11,20,21]. Đồng thời, cần canh tân những đường hướng và qui chế tổ chức giáo phận và giáo xứ, để giáo dân có cơ hội thực thi những quyền chính đáng và trách nhiệm của mình trong *Giáo Hội*» [xem đề nghị 11]. Và Công Nghị Tổng Giáo Phận Sài-gòn 2011 cũng đã đưa ra nhiều đề nghị quan trọng trong đó đáng chú ý nhất là các đề nghị 12,13 và 14:

Đề nghị 12: *Linh mục là người nối kết mọi thành phần Dân Chúa trong giáo xứ với nhau (80%) và là người chịu trách nhiệm về sự hiệp thông của cộng đoàn (77%). Linh mục nên dành thời gian để gặp gỡ giáo dân và tạo điều kiện cho các đoàn thể gặp gỡ, học hỏi và làm việc với nhau (74%), quan tâm chăm sóc và nâng đỡ giáo lý viên, ca viên, thiếu nhi (66%).*

Đề nghị 13: *Linh mục cần thay đổi não trạng và lối nhìn về giáo dân, đặc biệt là người trẻ và phụ nữ, coi họ như những cộng sự viên chứ không phải những người giúp việc (85%), tin tưởng và trao trách nhiệm cho giáo dân (79%), khuyến khích và tạo điều kiện cho họ tham gia vào đời sống của giáo xứ (72%). Để mọi người có thể đóng góp ý kiến và tham gia vào các sinh hoạt của giáo xứ, linh mục cần phải có kế hoạch và chương trình mục vụ phù hợp với kế hoạch và chương trình mục vụ của giáo phận (77%), đồng thời thông báo cho cộng đoàn được biết một cách sớm sửa và đầy đủ (68%).*

Đề nghị 14: *Linh mục cần có kế hoạch làm việc chung với hội đồng mục vụ giáo xứ, thông tin đầy đủ, phân chia công việc và tôn trọng cộng sự viên (77%). Đối với các nữ tu phục vụ tại giáo xứ, linh mục cần có sự hiểu biết, đối thoại và hợp tác trong sự tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng ơn gọi và sứ mạng của các hội dòng (65%).*

Điều mọi người mong đợi là những nhận thức nêu trên được đem ra thực hiện ở cả ba cấp: giáo xứ, giáo phận và toàn quốc. Điều đáng lo ngại nhất là tình trạng «nói một đằng làm một nẻo», thực tế khác hẳn, thậm chí đối nghịch với văn bản và những nhận định sáng suốt và quyết tâm tốt lành vẫn chỉ nằm trên giấy !

Sáu là có một bối cảnh xã hội chính trị cởi mở, tự do, tôn trọng quyền con người và mọi công dân được bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt đối xử, không kỳ thị tôn giáo. Nếu không có được một bối cảnh xã hội-chính trị như thế thì người giáo dân cũng khó mà thực thi cách hiệu quả ơn gọi và sứ vụ của mình trong trần thế, vì họ dễ dàng bị ghép vào tội chính trị là chống phá chế độ.

III. KẾT LUẬN

Để kết luận tôi xin chia sẻ một kỷ niệm có tính riêng tư, nhưng không phải là không có liên quan tới chủ đề. Trong những năm 1994-1997 của thế kỷ trước, với tư cách là đại diện và nhân viên của Food for the Hungry International là một tổ chức từ thiện Mỹ tại Việt Nam, tôi có nhiều dịp ra Hà Nội và gặp gỡ Đức Cố Hồng Y Phao-lô Giu-se Phạm Đình Tụng, Tổng Giám Mục Hà Nội. Trong một lần gặp gỡ, Đức Cố Hồng Y nhắc đi nhắc lại với tôi

rằng người giáo dân lý tưởng ngày nay phải là người đứng một chân trong Giáo Hội và một chân ngoài xã hội. Ý của Đức Cố Hồng Y Phao-lô Giu-se muốn nói là người giáo dân vừa phải là tín hữu tích cực trong đời sống Giáo Hội, vừa phải là người công dân đóng góp xây dựng xã hội. Lúc đó tôi vừa dần thân phục vụ Giáo Hội vừa dần thân phục vụ xã hội. Lúc đó tôi phục vụ Giáo Hội bằng/qua các hoạt động giáo lý như làm việc trong ban Giáo Lý Tổng Giáo Phận Sài-gòn mà người đứng đầu là linh mục Augustinô Nguyễn Văn Trinh; cộng tác với linh mục Phê-rô Nguyễn Văn Khảm (hiện là Giám Mục Phụ Tá Tổng Giáo Phận Sài-gòn) trong việc tổ chức các Lớp Giáo Lý Trung Cấp tại Nhà Thờ Chánh Tòa Sài-gòn; cộng tác với linh mục Phê-rô Nguyễn Văn Hiền (hiện là Giám Đốc Trung Tâm Mục Vụ Sài-gòn) trong việc huấn luyện các linh hoạt viên giới trẻ qua các Khóa Khám Phá và Chia sẻ Lời Chúa tại Nhà Thờ Tân Định. Tôi phục vụ xã hội qua các chương trình cấp học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo & học giỏi, cho các phụ nữ nghèo vay vốn làm ăn chăn nuôi, hỗ trợ y tế cho bệnh viện tỉnh, huyện và trạm y tế xã, dạy nghề cho thanh niên nam nữ nghèo chưa có việc làm v.v... tại tỉnh Đồng Tháp và một vài nơi khác. Vì thế tôi nhận được sự ưu ái đặc biệt của Đức Cố Hồng Y Phao-lô Giu-se Phạm Đình Tụng và được ngài xem là người giáo dân điển hình.

Thật ra câu chuyện của tôi chẳng có gì to tát để đáng được nói ra ở đây. Và trong số anh chị em giáo dân có mặt hay không có mặt trong Hội Trường Gio-an Bao-ti-xi-ta Phạm Minh Mẫn này, có nhiều người đã và đang làm nhiều hơn tôi, làm tốt hơn tôi. Đó là điều đáng mừng và là niềm hy vọng của Giáo Hội Việt Nam nói chung và của hàng giáo dân Việt Nam nói riêng.

Ước gì Giáo Hội Việt Nam càng ngày càng có nhiều người giáo dân một chân đứng vững trong Giáo Hội, một chân đứng vững trong xã hội trần thế bằng những dần thân tích cực và hữu hiệu của các môn đệ Chúa Ki-tô!

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội

Sài-gòn 16 tháng 09 năm 2012

Kỷ Niệm Giỗ thứ 10 của Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận

[Tác giả gửi cho GDHT]

Ghi chú:

(1) *“Tinh thần đồng trách nhiệm đòi phải thay đổi não trạng, nhất là về vai trò của giáo dân trong Giáo Hội: không được coi giáo dân chỉ là “những cộng tác viên” của hàng giáo sĩ, nhưng như những người thực sự “đồng trách nhiệm” đối với cuộc sống và hoạt động của Giáo Hội. Vì thế, điều quan trọng là phải củng cố một hàng giáo dân trưởng thành và dần thân, có khả năng đóng góp phần đặc thù của mình cho sứ mạng của Giáo Hội, trong niềm tôn trọng các thừa tác vụ và nghĩa vụ của mỗi người trong đời sống Giáo Hội và luôn luôn hiệp thông với các Giám Mục”.*

“Điều này có nghĩa là khi phục vụ Giáo Hội, giáo dân phải đón nhận mục đích tông đồ trong toàn bộ, trong một sự quân bình phong phú giữa Giáo Hội hoàn vũ và Giáo Hội địa phương, và trong tinh thần hiệp thông sâu

xa với Người Kế Vị Thánh Phê-rô và tinh thần đồng trách nhiệm thực sự với các vị chủ chăn của mình.”

“Vai trò của giáo dân có một tầm quan trọng đặc biệt, nhất là trong giai đoạn hiện nay của lịch sử, cần phải được giải thích dưới ánh sáng giáo huấn xã hội của Hội Thánh, để ngày càng trở thành ”một phòng thí nghiệm về sự hoàn cầu hóa tình liên đới và bác ái, để cùng với toàn thể Giáo Hội, tăng trưởng trong sự đồng trách nhiệm, mang lại một tương lai hy vọng cho nhân loại, có can đảm đưa ra những đề nghị đòi hỏi nhiều cố gắng”.

“Cuộc sống của anh chị em hãy có tính chất 'trong sáng', được Tin Mừng hướng dẫn và được soi sáng nhờ cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô, được yêu mến và noi theo không chút sợ hãi. Hãy đảm nhận và chia sẻ những chọn lựa mục vụ của các giáo dân và giáo xứ, tạo những cơ hội gặp gỡ và cộng tác chân thành với các thành phần khác trong Giáo Hội, kiến tạo những quan hệ quý mến và hiệp thông với các linh mục, để hợp thành một cộng đồng sinh động, phục vụ và truyền giáo”. [Sứ điệp của Đức Thánh Cha Biển Đức XVI gửi Diễn Đàn Quốc Tế của Phong Trào Công Giáo Tiến Hành, nhóm tại thành phố Iasi (Rumani) từ ngày 22 đến 26/8/ 2012/ G. Trần Đức Anh OP chuyển dịch/ Vatican - 24/08/2012].

(2) “Như mọi Ki-tô hữu khác, giáo dân cũng có quyền được các chủ chăn có chức thánh ban phát dồi dào ơn trợ lực chứa đựng trong kho tàng thiêng liêng của Giáo Hội, đặc biệt là Lời Thiên Chúa và các bí tích. Như con cái Thiên Chúa và như anh em trong Chúa Ki-tô, họ cũng sẽ trình bày với các vị ấy những nhu cầu và khát vọng của mình một cách tự do và tín cẩn. Nhờ sự hiểu biết, khả năng

chuyên môn và uy tín của họ, họ **có thể** và đôi khi còn có **bổn phận** phải bày tỏ cảm nghĩ mình về những việc liên quan đến lợi ích của Giáo Hội. Họ nên thực hiện điều đó, nếu cần, nhờ vào các cơ quan đã được Giáo Hội thiết lập nhằm mục đích ấy; và họ hãy luôn **chân thành, can đảm và khôn ngoan, kính trọng và yêu mến** những người thay mặt Chúa Ki-tô vì nhiệm vụ thánh của các ngài.

Như mọi tín hữu khác, với tinh thần vâng lời của người Ki-tô hữu, giáo dân cũng hãy mau mắn **chấp nhận** những điều mà các chủ chăn có nhiệm vụ thánh đại diện Chúa Ki-tô, đã quyết định với tư cách những thầy dạy và những nhà lãnh đạo trong Giáo Hội; làm như thế, họ đã theo gương Chúa Ki-tô, Đấng đã vâng lời cho đến chết, để mở đường hạnh phúc của sự tự do con cái Thiên Chúa cho tất cả mọi người. Giáo dân đừng quên dùng lời cầu nguyện phó dâng cho Thiên Chúa các vị lãnh đạo của mình, để các ngài hoan hỷ mà không than vãn thi hành nhiệm vụ chăm sóc linh hồn chúng ta, nhiệm vụ mà các ngài sẽ phải trả lễ (x. Dt 13,17).

Phần các chủ chăn có chức thánh, các ngài **phải nhìn nhận và nâng cao phẩm giá và trách nhiệm** của giáo dân trong Giáo Hội, các ngài nên **sẵn sàng chấp nhận những ý kiến khôn ngoan** của họ, **tín cẩn giao phó** cho họ những công tác để họ phục vụ Giáo Hội, cho họ tự do và quyền hạn để hành động; hơn nữa, các ngài cũng nên **khuyến khích** họ tự đảm lấy trách nhiệm. Với tình cha con, các ngài hãy cẩn thận xem xét, trong Chúa Ki-tô, những kế hoạch, thỉnh cầu và khát vọng của họ. Khác, các chủ chăn phải **nhìn nhận và tôn trọng sự tự do chính đáng** của mọi người trong lãnh vực trần thế.

Họ hy vọng rằng, sự liên lạc mật thiết giữa giáo dân và chủ chăn sẽ đem lại rất nhiều lợi ích cho Giáo Hội: thực vậy, nhờ sự liên lạc đó, giáo dân ý thức trách nhiệm mình một cách vững vàng hơn; lòng hăng say của họ được phát triển, và họ góp sức dễ dàng hơn vào công việc của các chủ chăn. Phần các chủ chăn, nhờ sự trợ lực kinh nghiệm của giáo dân, các ngài có thể phán đoán minh bạch và đúng đắn hơn về những vấn đề thiêng liêng cũng như trần thế; như vậy, toàn thể Giáo Hội được vững mạnh nhờ tất cả mọi chi thể, sẽ chu toàn hữu hiệu hơn sứ mệnh mình đối với sự sống của thế gian” [Hiến chế tín lý về Giáo Hội tức Hiến chế Ánh sáng muôn dân, số 37]

- Từ bản văn trên chúng ta có thể rút ra những điều sau đây:

- *Với hàng Giáo Phẩm, giáo dân có:*

* Quyền được lãnh nhận một cách dồi dào những ơn trợ lực từ kho tàng thiêng liêng của Giáo Hội , nhất là từ Lời Chúa và Bí Tích;

* Quyền bày tỏ những nhu cầu và ước vọng của mình , trong tinh thần tự do , tin tưởng phù hợp với tư cách của những con cái Thiên Chúa và anh em Đức Ki-tô;

* Khả năng và nghĩa vụ (đôi khi) nói lên cảm nghĩ của mình về những việc liên quan tới lợi ích của Giáo Hội trong tinh thần chân thành , can đảm , khôn ngoan , kính trọng và bác ái;

* Bôn phận tuân theo những chỉ thị mà hàng Giáo Phẩm quyết định với tư cách thầy dạy và lãnh đạo Giáo Hội .

- *Với giáo dân, Hàng Giáo Phẩm:*

* Phải nhìn nhận và nâng cao phẩm giá và trách nhiệm của giáo dân trong Giáo Hội;

* Nên chấp nhận những ý kiến khôn ngoan của giáo dân , tin cậy giao cho họ những công tác để họ phục vụ Giáo Hội;

* Nên khuyến khích giáo dân lãnh lấy phần trách nhiệm của họ và tôn trọng sự tự do chính đáng của mọi người trong lãnh vực trần thế.

(3) “Các linh mục phải lãnh đạo cộng đồng làm sao để không tìm lợi ích riêng cho mình , nhưng tìm lợi ích cho Đức Giê-su Ki-tô (Pl 2,21) bằng cách kết hợp cố gắng của mình với cố gắng của giáo dân và xử sự với họ theo gương Thầy là Đấng đến ở giữa mọi người , không phải để được hầu hạ, nhưng là để hầu hạ và hiến mạng sống mình làm giá chuộc thay cho nhiều người “ (Mt 20,28).

Cụ thể, Sắc lệnh vạch ra 6 chỉ dẫn sau đây cho các linh mục:

(1°) “*Các linh mục phải chân thành hành nhìn nhận và thăng tiến phẩm giá của Giáo Dân và vai trò riêng của họ trong sứ mệnh Hội Thánh;*

(2°) “*Các linh mục phải chân thành kính trọng sự tự do chính đáng mà mọi người có quyền được hưởng trong lãnh vực trần thế;*

(3°) “*Các linh mục phải sẵn lòng lắng nghe giáo dân , cứu xét các nguyện vọng của họ trong tinh thần huynh đệ , nhìn nhận kinh nghiệm và khả năng chuyên môn của họ trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động nhân bản , để cùng với họ có thể nhận biết các dấu chỉ của thời đại;*

(4°) “*Trong khi nghiệm xét các Thần Khí xem có phải bởi Thiên Chúa hay không, các ngài phải lấy tinh thần đức tin mà khám phá và nhận ra các đoàn sủng muôn hình vạn trạng của giáo dân , từ những đoàn sủng nhỏ bé nhất đến*

những đoàn sủng cao vượt nhất . Các ngài sẽ vui mừng nhìn nhận và nhiệt thành phát huy các đoàn sủng ấy;

(5°) “Trong những hồng ân mà Thiên Chúa ban tràn đầy trên các tín hữu như thế , phải đặc biệt lưu tâm đến những ơn lôi kéo một số giáo dân tiến xa hơn trên đường thiêng liêng;

(6°) “Cũng thế, các linh mục phải biết tin tưởng giáo dân để giao phó cho họ những trách nhiệm trong việc p hục vụ Hội Thánh, để cho họ được tự do và có điều kiện hoạt



ĐÀO SÂU, CỬ HÀNH, SỐNG VÀ TRUYỀN BÁ ĐỨC TIN

ĐỨC TIN TRONG ĐỜI THƯỜNG

1. Lòng tin trong đời thường

1.1 Lãnh vực của lòng tin

Trong đời sống con người, có những lãnh vực thiết yếu cần đến lòng tin tưởng của người này với người kia. Xã hội nào cũng có những khái niệm như lời hứa, giao ước, hoặc những giá trị luân lý đòi hỏi con người phải biết tôn trọng “chữ tín”. “Lòng tin” theo nghĩa đời thường, chiếm một phần lớn trong sinh hoạt thường ngày của con người: lập gia đình, đi làm xí nghiệp, chơi với bạn bè... luôn luôn cần có sự can thiệp của lòng tin thì mới sống với nhau được.

Không có lòng tin tưởng vào nhau, xã hội con người sẽ trở nên hỗn loạn; người ta sẽ phải sống với nhau trong sự lo sợ, trong thái độ tự vệ, và không thể hình thành được những giá trị văn hoá trong thế giới loài người. Do đó, trong đời thường, xã hội cần có chữ “tín” để cuộc sống thường ngày có thể “xuôi chảy”.

1.2 Lòng tin trong thời đại hôm nay

Tuy nhiên, theo đà phát triển, xã hội càng ngày càng có nhiều tổ chức phức tạp hơn. Những mối tương giao của con người ngày càng chặt chẽ hơn để có thể xây dựng được những công trình lớn; và người ta cảm thấy không thể chỉ đặt nền móng cho những mối liên hệ ấy chỉ bằng

một chữ tín bấp bênh. Trong đà tiến của xã hội văn minh người ta có khuynh hướng muốn những gì bấp bênh tùy thuộc vào lòng người phải được thay thế bằng một hệ thống luật pháp bên ngoài chặt chẽ hơn. Trong xã hội xưa thì, người ta sống với nhau theo nguyên tắc “*chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*” (Nguyễn Du). Điều đó vừa có nghĩa là một người có tâm thì đáng quý trọng hơn người có tài; nhưng hơn nữa, điều đó còn có nghĩa là khi người ta có tài lớn thì cũng phải có tâm lớn; để cái tâm có thể bao bọc và hướng dẫn cái tài. Cái “tâm” là một thứ bảo đảm cho cái “tài” được sử dụng tốt. Ngày nay, người ta có thể chứng nhận đơn thuần tài năng của một người (bằng cấp...) mà không cần lưu ý tới tâm của người ấy; và một công ty hay xí nghiệp có thể sử dụng một con người vào một công việc nào đó mà không quá tùy thuộc vào cái tâm của người ấy.

Phải chăng ngày nay người không cần đến cái tâm cũng như chữ tín? Vì những tương quan xã hội cần có sự chắc chắn, nên người ta muốn mọi sự phải được làm hợp đồng theo luật. Ngày nay, trong xã hội quá phức tạp và quá sa sút về đạo lý, thì không ai dám đặt tương lai của mình, dự án của mình, tiền bạc của mình... vào một thứ tương giao bấp bênh của lòng tin. Không ai muốn “nắm đằng lưỡi” trong cuộc chơi ngày hôm nay, và điều đó lan tràn cả đến trong gia đình, trong dòng tu...

Phải chăng luật pháp có thể thay thế cái tâm để kiểm soát cái tài của con người? Thật ra, chỉ duy với khoa học hay pháp luật thì không bao giờ người ta có thể kiểm soát được con người một cách đầy đủ. Chữ tín luôn cần thiết, vì sự kỷ lưỡng của máy móc hoặc luật pháp không thể cao tay

hơn sự tinh quái của con người. Một khi xã hội không còn chữ tín, sự tinh quái của con người có thể vượt qua mọi sự kiểm soát... Khi mà lòng người không còn những giá trị luân thường bên trong, thì dù xã hội có hệ thống luật pháp (cái bên ngoài) nghiêm minh đến đâu, người ta vẫn có thể luồn lách. Thật ra, tựu trung của mọi sự vẫn là vấn đề “con người”. Một xã hội mà người ta còn tin ở con người là một xã hội “nhân trị”. Ngược lại, một xã hội không còn chữ tín thì chỉ có thể là một xã hội “pháp trị”. Khi nhân trị là chính, người ta vẫn cần tới luật pháp như một tiêu chuẩn khách quan để xử lý nhiều trường hợp tranh chấp, nhưng điều quan trọng vẫn phải luôn luôn là đề cao giá trị đạo đức nội tại nơi cái tâm của mỗi người. Ngược lại, khi xã hội chỉ được điều hành bằng “pháp trị”, con người bị đẩy vào chỗ bị ngờ vực và chính điều đó sẽ lại làm cho người ta dễ phạm pháp khi có thể. Bầu khí xã hội pháp trị luôn phải là trấn áp, tạo nên thái độ đối phó, và đây là nguyên nhân làm mất đi bao nhiêu giá trị cao quý của phẩm giá con người. Khi mà xã hội bị băng hoại từ bên trong, khi nền móng cương thường đổ nát, thì dù luật pháp có dày đặc và có “công bằng” đến đâu, thì vẫn có, vẫn thật nhiều nhiều lạm dụng, nhiều mưu mẹo để luồn lách...

Nói chung, ta có thể thấy cuộc sống con người có ba cấp độ của tương quan:

- dưới cùng là tương quan sinh vật : quy luật của xã hội này là mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé. Một xã hội mà mọi người phải chọn thái độ giành giật để sống còn.

- trên một cấp là tương quan xã hội theo luật : quy luật ở đây là thuận mua vừa bán. Người ta cố gắng để sống

với nhau như một sự trao đổi sòng phẳng, không ai được quyền bóc lột ai.

- trên cùng là cấp độ tương quan ngã vị của con người với nhau: đây là xã hội sống theo nguyên lý nghĩa tình. Luân thường đạo lý giúp con người có thể có những hành vi trao tặng, có những thái độ biết hy sinh, quên mình...

Nếu một xã hội nào đánh mất cấp độ tương quan ngã vị, xã hội ấy không thể dừng lại ở mức độ công bằng, theo nguyên lý thuận mua vừa bán, nhưng sẽ luôn luôn bị kéo xuống mức độ tương quan giành giật của sinh vật.

2. Phẩm chất của lòng tin trong đời sống con người

2.1 Sống lòng tin là sống tương quan phẩm giá người

Thật ra lòng tin không phải chỉ để có thể ổn định xã hội, không phải chỉ để áp dụng vào chuyện hợp đồng làm ăn. Sâu xa và cao quý hơn, lòng tin còn làm cho phẩm chất của tương quan con người với nhau được nâng lên đúng tầm của phẩm giá con người.

Niềm tin tưởng vào nhau cho thấy con người không bị chi phối hoàn toàn do môi tương tác trực tiếp của thế giới hữu hình, nhưng có khả năng vượt trên môi tương tác trực tiếp, hữu dụng như các sinh vật khác, để mặc lấy được giá trị văn hoá, giá trị nhân văn... Tin nhau, nghĩa là giữ một “khoảng cách” vượt quá môi tương tác trực tiếp có tính thực nghiệm, là giành một “không gian” để mỗi người có thể sử dụng tự do của mình, và điều đó mở đường để mỗi người được mời gọi sống thái độ chủ thể của mình.

Nên nhớ nền luân lý Kitô giáo luôn đề cao thái độ “chủ thể” hơn là những giải pháp bên ngoài. Chẳng hạn Giáo hội không chấp nhận thụ thai nhân tạo, không chấp nhận ngừa thai bằng phương pháp nhân tạo,... và luôn kêu gọi một thái độ tự chủ, thái độ có trách nhiệm như điều căn bản để giải quyết vấn đề. Khi tính chủ thể được phát triển, người ta mới có thể giải quyết mọi vấn đề mà không rơi vào một thứ hạ giá nhân phẩm.

2.2 Tin để sống thú vị như một cuộc chơi

Đời sống ở mức độ con người không gắn liền trực tiếp với thế giới khách thể, nhưng luôn cần một “khoảng cách”, một “không gian” để con người có thể sống với nhau như những chủ thể tự do. Do đó, cuộc đời con người có phẩm chất như một cuộc chơi, tức là vẫn luôn là một cuộc phiêu lưu, để rồi hy vọng tìm lại được sự gặp gỡ thực sự như một món quà mang lại niềm vui oà vỡ. Quả thật, có một nhu cầu thiết yếu trong đời sống con người và thường bị bỏ quên, đó là nhu cầu chơi. Thú “phiêu lưu” nằm trong khát vọng sâu xa của con người. Khi chơi, con người vượt qua mức độ sinh vật để sống với nhau như những con người tự do, đối xử với nhau như là những chủ thể thực sự. Chỉ khi có một khoảng cách để tin nhau, người ta mới có thể sống tương quan nhân vị như một cuộc chơi, bao hàm niềm vui của một cuộc phiêu lưu.

Ta có thể diễn tả ý nghĩa cuộc đời như một cuộc chơi thế này: giả dụ ta có hai người, một bên là A, một bên là B. Có những cách để AB sống với nhau như sau:

1/ A thống trị B, (hoặc B thống trị A)

2/ A sống đàng A, B sống đàng B, không ai dính dáng đến ai.

3/ A và B sống với nhau, để không rớt vào trường hợp (1/) hoặc trường hợp (2/), thì cả hai phải tuân theo một qui định chung, nghĩa là A và B phải theo hai đường thẳng song song về sẵn, giống như một bộ luật.

4/ A và B vẫn có thể sống với nhau mà không có thống trị, không có mạnh ai nấy sống mà cũng không có một bộ luật quy định bên ngoài nào cả; khi mà hai bên biết nhận ra ý của nhau và đáp ứng ý nguyện đó một cách tự nguyện; nghĩa là có một kiểu song song, nhưng đây là song song bay lượn, biến hoá phong phú, ngẫu hứng, thú vị. Chỉ có cách này mới diễn tả đúng nhất cuộc chơi.

Chính khi chơi, con người bước vào một lãnh vực đặc biệt, trong đó, con người giải toả được “noạ tính” của sự vật khỏi đời sống; bộc lộ con người thật của mình, cũng như có khả năng mở ra những chân trời phiêu lưu... Con người khi chơi, đó là sống khát vọng vô biên, sống thái độ dám buông bỏ cái ăn chắc nghèo nàn đã có để tìm một sự phong phú khác.

Ở đây, ta gặp thấy một khía cạnh thiết yếu khác của Kitô giáo, khía cạnh “nghèo”, khía cạnh khát vọng vô biên. Với Kitô giáo, đời sống con người không phải được giải quyết bằng kiểu “khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”, nhưng được mời gọi dám tung cái chần rách để tìm được một căn phòng sửa âm và hơn nữa...

Đặc biệt, trong lãnh vực tương giao nhân thân, khi chơi, con người tìm được chính mình trong một sự gặp gỡ

thực sự. Tương quan là sự gặp gỡ giữa hai ngã vị tự do, tự do trong từng giây phút, tự do hiện sinh. Chỉ khi chơi, con người mới tìm được niềm vui oà vỡ; khi mà cuộc phiêu lưu đạt được kết quả gặp gỡ, hiệp nhất, ăn rơ với nhau...

3. Đức Tin Kitô giáo

3.1 Con người chỉ có thể được cứu nhờ tin

Chúa muốn cho con người sống với Chúa như một chủ thể tự do chứ không phải như một xác chết vâng lời. Trong ý nghĩa đó, lòng tin là một “cửa ngõ” thiết yếu, vì tin chính là một hành vi tự do để đi vào ơn cứu độ và tìm thấy được khả năng được cứu thoát. Tuy nhiên, để nhận ra được tầm quan trọng của đức Tin, người ta phải nhận ra mình đang bị ràng buộc bởi cái gì. Để hiểu được điều này, ta cần nhìn lại bối cảnh văn hoá của người Do Thái.

3.1.1 Quan niệm của người Do Thái

Con người ta sinh hoạt trong ba lãnh vực : thần trí, linh hồn, và thân xác (Xc. 1 Tx 5,23). Đây không phải là ba thành phần trong con người, nhưng là ba khía cạnh của một con người toàn diện.

- Linh hồn chính là con người toàn diện xét như có sức sống nội tại, có cảm giác, có suy nghĩ, có tự do, có hồi tưởng...

- Thân xác chính là con người toàn diện trong khía cạnh yếu đuối của con người, tức là con người trong những mối tương quan thông qua thân xác; cụ thể là tương quan với vũ trụ và với tha nhân.

- Thần khí là con người toàn diện trong khía cạnh siêu việt, nghĩa là trong tương quan với Thiên Chúa.

Khi nói con người toàn diện trong khía cạnh tương quan với thân xác chẳng hạn, thì điều đó không phải chỉ giới hạn trong những sinh hoạt gắn liền với thân xác, mà còn ngay cả trong những sinh hoạt phượng tự với Thiên Chúa bị chi phối bởi khía cạnh yếu đuối của con người. Cũng vậy, khi nói con người toàn diện trong khía cạnh thần trí, thì điều đó cũng bao hàm cả những chuyện của thân xác, ăn uống, chiếm hữu của cải, giao tiếp với tha nhân..., nhưng tất cả những điều đó đều được hướng dẫn theo sức mạnh và ý nghĩa của thần trí. Trong vị thế đó, con người tự do lựa chọn và thể hiện vận mạng của mình khi đề cho sự sống nội tại (linh hồn) của mình hoặc hứng theo thần trí, hoặc hứng theo thân xác.

3.1.2 Tính giới hạn và sự bế tắc của cách sống “hứng theo xác thịt”

Cuộc sống hứng theo xác thịt, tức là cách ứng xử bình thường của con người : có tiền thì xài, có niềm vui thì hưởng thụ, cố gắng có càng nhiều của cải càng tốt...; sống với tha nhân thì bạn ra bạn thù ra thù, anh chơi xấu tôi thì tôi chơi xấu anh,... Cách sống ấy không thể làm thoả mãn được khát vọng yêu thương, khát vọng hiệp nhất, khát vọng “tứ hải giai huynh đệ”, cũng như không đưa con người đến tầm mức ơn gọi và sứ vụ được. Cách sống ấy đưa con người dần dần lún sâu vào những quy luật khắc nghiệt của cuộc sống đời thường; sự ác xuất hiện dần dần như một mạng lưới “xã hội đen” trói buộc mà con người không thể nào thoát ra được; con người mang vận mệnh “phải chết” và dấu hiệu của sự chết càng ngày càng lấn lướt những dấu hiệu của sự sống.

Với một cái nhìn toàn diện, con người nhận ra mình bị trói buộc trong thế giới “có thời gian” mà lòng thì lại mới khát khao thế giới “không thời gian”. Cũng có thể nói được rằng con người cần phải nhận diện khuôn mặt của Satan, “cha sự gian dối” (Ga 8,44), vẫn đang thống trị trong thế giới và trong cuộc sống cụ thể của con người; và trong tình thế ấy, con người mới được nhắc nhở để nhận ra mình không bao giờ có thể tự cứu được chính mình.

3.1.3 Được cứu nhờ đức Tin

Chính trong cảm nhận ấy, con người mới có thể mở ra một chân trời khác, chân trời của đức Tin và xác nhận mình chỉ có thể được cứu nhờ đức Tin. Tin, trước hết, là thái độ “mở”, thái độ chân nhận sự bế tắc căn bản của cuộc đời và khao khát mở ra một chân trời khác. Lòng tin đời thường đưa đến một thái độ sẵn sàng để bước sang lãnh vực của đức Tin siêu nhiên mà Thiên Chúa tặng ban cho con người. Người Kitô hữu cần hiểu nét căn bản của giáo lý : ơn tha thứ để được cứu độ bao giờ cũng là hồng ân tặng không. Những “công đức” của con người không bao giờ có thể “đổi chác” được ơn tha thứ để được cứu. “Công đức” của con người chỉ là cộng tác với ơn Chúa để hoá giải những hệ lụy của tội. Nếu không như thế, đời sống đức Tin của người Công giáo sẽ rút vào thái độ Biệt phái.

3.2 Con người có khả năng đi vào cuộc chơi với Chúa

Đức Tin trong ý nghĩa siêu nhiên cũng bao hàm ý nghĩa sống cuộc đời như một cuộc chơi với chính Chúa. Tin là buông bỏ sự ăn chắc của giác quan, sự ăn chắc của tính toán con người, sự ăn chắc theo qui luật của cuộc sống đời thường, để sẵn sàng chọn Chúa, chọn giải pháp của

Chúa, là chấp nhận nắm “đàng lưỡi” và để Chúa nắm “đàng chuôi”. Đó là cuộc phiêu lưu cần thiết để có thể tìm được một sự gặp gỡ đúng với phẩm giá con người có tự do, và đúng với phẩm giá của con người được sáng tạo nên giống hình ảnh Thiên Chúa. Chỉ trong cuộc chơi đó người ta mới tìm được trọn vẹn thành quả của cuộc chơi : niềm vui oà vỡ một cách thú vị và mang lại hạnh phúc thực sự.

Đây là vấn đề rất căn bản trong đức Tin. Chẳng hạn, chúng ta biết đức Tin có hai nội dung : gắn bó với bản thân Chúa và tuân giữ mọi điều Chúa dạy. Giữ luật vì luật hay ho và hợp lý, hay giữ luật vì trung tín với Chúa ?

Nếu sống đức Tin đúng đắn, tức là trước tiên giữ lòng trung tín với chính Chúa thì người tín hữu có thể giữ mọi điều Chúa dạy, chấp nhận đường lối còn bí ẩn của Chúa trong đời mình. Ngược lại, nếu muốn ăn chắc cho mình, người tín hữu sẽ chỉ tin vì những điều Chúa dạy hợp lý, vì những hành động của Chúa trong đời mình mang lại lợi ích..., thì khi người ta gặp những “lời khó nghe”, khi gặp những điều “khó hiểu”, khi đối diện với thách đố của cuộc đời, người tín hữu ấy sẽ bỏ Chúa.

“Nghe rồi, nhiều môn đệ của Người liền nói: "Lời này chương tạc quá! Ai mà nghe nổi?" ⁶¹ Nhưng Đức Giê-su tự mình biết được là các môn đệ đang xâm xì về vấn đề ấy, Người bảo các ông: "Điều đó, anh em lấy làm chương, không chấp nhận được ư? ⁶² Vậy nếu anh em thấy Con Người lên nơi đã ở trước kia thì sao? ⁶³ Thần khí mới làm cho sống, chứ xác thịt chẳng có ích gì. Lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống.

64 Nhưng trong anh em có những kẻ không tin." Quả thật, ngay từ đầu, Đức Giê-su đã biết những kẻ nào không tin, và kẻ nào sẽ nộp Người. 65 Người nói tiếp: "Vì thế, Thầy đã bảo anh em: không ai đến với Thầy được, nếu Chúa Cha không ban ơn ấy cho." 66 Từ lúc đó, nhiều môn đệ rút lui, không còn đi theo Người nữa." (Ga 6, 60-66).

Tin là đón nhận chính bản thân của Chúa, điều đó đôi khi đòi người tín hữu phải trải qua một quá trình sống đức Tin, một quá trình được Chúa hướng dẫn trong đức Tin, rồi mới có thể ngộ ra được. Chẳng hạn, chúng ta biết trường hợp đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận. Khi ngài "hiểu ra" điều chính yếu là chọn Chúa chứ không phải chọn công việc của Chúa, thì ngài được dẫn dắt vào một hành trình mới của đức Tin. Biến chuyển này là một cột mốc để phân biệt một nhà quản trị với một mục tử, một viên chức tôn giáo với một đảng thánh.

3.3 Đức tin trong hành trình Kitô giáo

Đức tin theo truyền thống Kinh Thánh mang một ý nghĩa đặc biệt : sống đời mình như một lịch sử ơn cứu độ. Đức tin là cuộc sống trên mảnh đất đời người chứ không phải mảnh đất linh thiêng cao xa nào... Đức Tin thiết yếu phải được thể hiện trong đời thường, đó chính là hoa trái đặc biệt của đức Tin trong truyền thống Do thái – Kitô giáo. Trong truyền thống đó, có người nói rằng Hôse là người Israen chân chính nhất, khi ông vâng lệnh Chúa cưới bà Gomer làm vợ, nhiều lần tha thứ cho sự phản bội của bà ... Hôse đã sống đức Tin, không phải trên đỉnh núi cao uy nghiêm và thánh thiện, nhưng là sống đức Tin trên giường ngủ của đời sống vợ chồng.

Kết

Đức Tin trong đời thường không phải chỉ là một phần nhỏ trong đời sống người tín hữu, nhưng là nét căn bản của đức Tin Kitô giáo. Đức Tin Kitô giáo thiết yếu là sống đức tin trong dòng lịch sử và biến lịch sử đời mình thành lịch sử ơn cứu độ.

Cũng chính đức Tin ấy phải được thể hiện trong những giá trị nhân bản Kitô giáo của đời thường, nghĩa là nhận ra nét đẹp của giá trị nhân văn trong chân trời của đức Tin. Bởi vì chính niềm tin vào Chúa mở ra chân trời tâm linh cho con người có thể tín nhiệm lẫn nhau, chơi với nhau trong sự tôn trọng phẩm giá người.

Lm Nguyễn Trọng Viễn O.P.

[Tác giả gửi cho GDHT]



NIỀM VUI ĐỨC TIN

Ngày 17-10-2011, Đức Thánh Cha Bênêđictô đã cho công bố tự sắc “*Porta Fidei*” về Năm Đức tin. Năm Đức tin sẽ được cử hành từ ngày 11-10-2012 đến ngày 24-11-2013. Khi nói về mục đích của Năm Đức tin, Đức Thánh Cha đã viết:

“Ngày nay cần có một sự dần dần xác tín hơn nữa của Giáo Hội, thực hiện công cuộc tái truyền giảng Tin Mừng để tái khám phá niềm vui đức tin và tìm lại sự hăng say thông truyền đức tin” (số 7).

Khi nói đến “niềm vui đức tin”, vị Chủ chăn của Giáo Hội công giáo mời gọi chúng ta hãy khám phá vẻ đẹp huyền diệu của Bí tích Thánh tẩy, đồng thời cũng là vinh dự của người tín hữu. Ngài nhắc chúng ta hãy nhận ra hạnh phúc mà chúng ta được hưởng khi tin vào Chúa. Tại Việt Nam, có một thời, người tin vào Chúa bị kỳ thị, bị coi như “công dân hạng hai”. Hai chữ “công giáo” đã có những lúc gây phiền lụy cho nhiều người muốn thành đạt trong xã hội, thậm chí đối với cả những người chỉ muốn sống một cuộc sống bình dị của đời thường. Tình trạng này có thể làm một số người tín hữu không thấy được niềm vui của đức tin và vẻ đẹp của Giáo Hội.

Niềm vui của đức tin không ồn ào giống những hoạt động giải trí. Vẻ đẹp của Giáo Hội cũng không sắc sảo màu theo thị hiếu trần tục. Niềm vui mà người tín hữu cảm nhận là niềm vui đến từ nội tâm. Vẻ đẹp của Giáo Hội là vẻ đẹp toát lên từ những tâm hồn thánh thiện. Hãy ngắm nhìn những cụ già, suốt đời lam lũ vất vả, khi cầu nguyện, trên gương mặt khắc khổ nhăn nheo của họ toát lên một niềm vui thiêng liêng cao cả. Hãy nhìn những em bé, khi

tham gia đội dâng hoa hay rước kiệu, mặc dù chẳng hiểu ý nghĩa những lời kinh, nhưng nơi các em rạng lên niềm vui hồn nhiên thánh thiện. Mỗi ngày, tôi tìm được niềm vui khi đến với thánh đường, dù những lời kinh cầu nguyện không có gì khác lạ. Mỗi sáng, tôi hạnh phúc khi đi tham dự thánh lễ, dù những công thức phụng vụ phần lớn đều giống như nhau. Niềm vui của tôi khi đến với thánh đường là niềm vui của người Do Thái tha hương, khi được trở về Thánh Đô trong ngày lễ hội: *“Tôi vui mừng khi người ta nói với tôi: ta hãy đi đến nhà Đức Chúa”* (Tv 122,1). Nơi đây, tôi được gặp gỡ và tôn vinh Chúa.

Niềm vui mà tôi cảm nhận khi tôi có cùng một đức tin duy nhất với anh chị em tôi. Dù thuộc ngôn ngữ nào, chúng tôi cùng tin vào một Chúa. Dù thuộc nguồn gốc nào, chúng tôi cùng một tâm tình như nhau. Đức tin không có màu sắc riêng biệt mà lại gồm tóm đủ mọi sắc màu. Đức tin không có âm thanh mà lại được phát biểu bằng mọi ngôn ngữ trên đời. Chỉ có một Thiên Chúa duy nhất. Chỉ có một đức tin duy nhất. Ngôn ngữ nào cũng tuyên xưng một đức tin ấy. Sắc tộc nào cũng tôn thờ một Thiên Chúa là Cha. Hai chữ “công giáo” đem lại cho tôi niềm tự hào, vì tôi là tạo vật thấp hèn mà đã trở nên con Thiên Chúa. Hai chữ “đức tin” giúp tôi thêm hạnh phúc, vì dù khác biệt, tôi vẫn có mọi người là anh chị em. Tôi vui vì được sống trong lòng Giáo Hội. Giáo Hội như người mẹ, ôm ấp và chở che mọi người, đón nhận và đỡ nâng tất cả. Như một người mẹ, Giáo Hội yêu thương những người con mạnh khỏe cũng như bệnh tật. Tất cả đều gặp được sự chăm sóc ủi an và thương yêu triu mến. Người tội lỗi tìm về với Giáo Hội được an ủi vỗ về. Người thánh thiện sống trong lòng Giáo Hội được động viên, khích lệ. Trong Giáo Hội,

niềm vui đức tin đối với tôi là niềm vui của tình huynh đệ. *“Ngọt ngào tốt đẹp lắm thay, anh em được sống sum vầy bên nhau.”* (Tv 133,1).

Niềm vui mà tôi cảm nhận khi tin vào Chúa còn là sức mạnh kỳ diệu mà đức tin ban cho tôi. *“Nếu các con có lòng tin bằng hạt cải, thì đâu các con khiến cây dâu này rằng: ‘Hãy bứng rễ lên mà đi trồng dưới biển,’ nó liền vâng lời các con”* (Lc 17,5). Chính nhờ xác tín vào Lời Chúa phán mà tôi có thể vượt qua những thử thách cam go trong cuộc sống. Nhờ tin vào Chúa, nếu tôi chưa có thể khiến cây dâu bứng rễ xuống biển, thì tôi đã có thể nhổ hết mọi phiền não trong tâm hồn. Nếu tôi chưa có thể rời được núi non, thì tôi lại có thể san bằng được những kiêu ngạo, đổ vỡ bất hòa. Đức tin nói với tôi rằng tôi luôn có Chúa đồng hành. Đức cậy khích lệ tôi: hãy cố lên, vì Chúa đang trợ giúp. Đức mến bảo đảm với tôi rằng: Chúa yêu thương tôi dù tôi bất xứng và vô danh. Niềm vui của đức tin là thế.

Tôi được hưởng niềm vui khi tôi phó thác vào Chúa là Cha. Thực vậy, còn gì phải lo lắng nếu tôi có Chúa là người dẫn đường? Còn gì phải sợ hãi nếu tôi có Chúa là Đấng che chở? Niềm phó thác nơi Chúa sẽ giúp tôi tự tin hơn trong cuộc sống. Mỗi sáng, khi bình minh lên, tôi tự nhủ, Chúa bảo vệ tôi với cánh tay mạnh mẽ của một người cha. Mỗi chiều, khi hoàng hôn xuống, tôi thầm nhắc, Chúa đỡ nâng tôi với sự bàn tay dịu dàng của một người mẹ. Và thế là, dù hoàn cảnh nào xảy đến tôi vẫn an vui, dù biến cố nào gian nguy tôi vẫn hạnh phúc. Niềm vui đức tin đối với tôi là sự an bình của một trẻ thơ trong vòng tay mẹ: *“Như trẻ thơ nép mình lòng mẹ, trong con, hồn lặng lẽ an vui”* (Tv 131,2).

Trong cuộc đời này, ai cũng mang trong mình những yếu đuối lỗi lầm. Khi tin vào Chúa, tôi chắc chắn được Ngài tha thứ, vì Chúa là Cha bao dung nhân hậu. Có những tổn thương do chính con cái Giáo Hội gây ra, như những vụ bê bối hay thái độ trịch thượng; có những tổn thương do những người thiếu thiện cảm với Giáo Hội tạo nên nhằm bôi nhọ Giáo Hội. “Qua cơn mưa, trời bừng sáng”, dù có những khó khăn thế nào đi nữa, Giáo Hội của Chúa vẫn trường tồn, vết thương của Giáo Hội mau được chữa lành do quyền năng của Chúa và do những người tín trung yêu mến Giáo Hội. Khi tin vào Chúa, tôi tín thác vào Đấng Chữa lành. Ngài chữa lành những thương đau, đem lại cho con người an bình và hạnh phúc. Niềm vui đức tin của tôi là niềm vui của vua Đavít khi được tha thứ: *“Lạy Chúa trời, xin tạo cho con một tấm lòng trong trắng... xin ban lại cho con niềm vui vì được Ngài cứu độ”* (Tv 50, 12-14).

Đức tin là một ân ban của Thiên Chúa. Ân ban ấy trở thành quà tặng của tôi đối với tha nhân khi tôi sẵn sàng chia sẻ cho họ. Khi cảm nhận được niềm vui kỳ diệu của đức tin, tôi được mời gọi đem niềm vui ấy đến với anh chị em mình. Đức Thánh Cha Bênêdictô cũng viết trong Tựa sách Năm Đức tin: *“Chúng ta hãy cử hành Năm Đức tin này một cách xứng đáng và phong phú. Cần gia tăng suy tư về đức tin để giúp tất cả các tín hữu của Chúa Kitô ý thức hơn và củng cố lòng gắn bó với Tin Mừng, nhất là trong lúc có những thay đổi sâu xa mà nhân loại đang trải qua như hiện nay”* (Số 8). Việc giúp cho người khác suy tư và đào sâu đức tin chỉ có thể thực hiện một cách có hiệu quả, khi chúng ta thực hiện với lòng bác ái. Vì vậy, lời mời gọi thực thi bác ái cũng được nhấn mạnh, khi chúng ta cử hành Năm Đức tin. *“Năm Đức tin cũng sẽ là cơ hội thuận*

tiền để tăng cường chứng tá bác ái” (Tự sắc, số 14). Chia sẻ niềm vui đức tin với anh chị em đồng bào Việt Nam, đó cũng là lời nhắn nhủ của Đức Thánh Cha, trong lời huấn từ dành cho các Giám mục nhân dịp viếng thăm Rôma (Ad Limina) năm 2009: “Việc cử hành này (kỷ niệm 50 năm thành lập Hàng Giáo phẩm Việt Nam) sẽ được đánh dấu đặc biệt trong Năm Thánh 2010, có thể giúp Giáo Hội hăng say chia sẻ niềm vui đức tin với mọi người Việt Nam bằng cách đổi mới những dân thân truyền giáo”. Niềm vui được nhân lên khi chia sẻ. Niềm vui cũng chỉ mang ý nghĩa trọn vẹn nếu tôi đem đến cho anh chị em tôi. Chia sẻ niềm vui một cách cụ thể, đó là kể lại với mọi người điều kỳ diệu mà Thiên Chúa đã làm cho tôi: “Tất cả những ai kính sợ Chúa Trời, đến mà nghe tôi kể, việc Chúa đã làm để giúp tôi” (Tv 66,16). Và thế là, việc kể lại những kỳ công của Chúa lại làm gia tăng niềm vui nơi tôi, đồng thời tạo nên một “sự hăng say trong thông truyền đức tin”. Niềm vui của đức tin kỳ diệu là thế.

Thì ra có những điều tốt đẹp ở ngay bên mà tôi lại quên lãng. Trong tôi có một kho tàng giá trị là đức tin mà tôi lại dừng đọng. Năm Đức tin chắc chắn sẽ giúp tôi chiêm ngưỡng vẻ đẹp kỳ diệu của ân ban này. Vâng, chính qua Bí tích Thánh tẩy mà tôi được Chúa ban đức tin. Tôi không chỉ tin có Chúa, mà còn tin vào Ngài. Tôi không chỉ tin khi gặp hạnh phúc, mà còn vững tin khi gian nan đau khổ. Đức tin là viên ngọc quý, tôi cần trân trọng và làm cho tỏa sáng trong chính cuộc đời của tôi, hôm nay và mãi mãi.

[Sưu tầm của GDHT]

ĐỨC TIN XUẤT PHÁT TỪ TRÁI TIM, CHỨ KHÔNG PHẢI TỪ TÂM TRÍ

Lòng tin chính là thứ quan trọng nhất của tinh thần, cũng giống như trái tim, và từ lòng tin của chúng ta - giống như trái tim - mang đến những hoa trái của sự sống. Lòng tin chính là cái neo của chúng ta - nó là điều giữ cho chúng ta tiếp tục. Đó chính là sợi dây gắn kết chúng ta vào Chúa, và nó phát triển nhờ vào tình yêu của chúng ta dành cho Chúa. Tình yêu của chúng ta dành cho Chúa nuôi dưỡng lòng tin của chúng ta, và lòng tin của chúng ta - và sự phát triển của nó - đến lượt nó sẽ cung cấp nhiên liệu cho ngọn lửa tình yêu giữa chúng ta với Ngài.

Chúng ta tự hỏi: “Liệu lòng tin của chúng ta có đủ để đáp ứng những nhu cầu trong tương lai không? Liệu lòng tin của chúng ta có mạnh mẽ và phát triển đủ để Chúa có thể làm những phép lạ lớn lao trong tương lai không?”

Không hề có sự hoài nghi liệu lòng tin của chúng ta có đủ mạnh hay không. Tại sao? Chúng ta đang nhìn lòng tin của chúng ta chỉ theo một chiều - chủ yếu là bằng tâm trí của chúng ta, nhìn vào chính bản thân chúng ta và những nhược điểm và những mặt có vẻ như thiếu khả năng của chính bản thân chúng ta - nhưng Chúa nhìn lòng tin của chúng ta bằng một thái độ hoàn toàn khác. Ngài nhìn vào lòng tin của chúng ta thông qua đôi mắt của tình yêu. Chúng ta tự hỏi liệu lòng tin của chúng ta có đủ mạnh hay không, nhưng câu hỏi thật sự chính là, tình yêu của chúng ta có đủ mạnh hay không? - Bởi vì lòng tin của chúng ta sẽ nảy sinh từ tình yêu của chúng ta dành cho Chúa.

Lấy ví dụ về cảnh tượng một tai nạn nghiêm trọng đột ngột xảy ra. Không có thời gian để suy nghĩ, chỉ có

thời gian để hành động - ngay lập tức. Có người đang trong tình trạng vô cùng nguy hiểm do một chiếc xe hơi chạy ẩu trên đường. Chúng ta là một trong số ít người vô tình có mặt ở đó khi tai nạn xảy ra. Phải có hành động gì đó ngay lập tức nếu không nạn nhân sẽ chết. Liệu chúng ta có đứng đó suy nghĩ, tự hỏi mình thật sự có cứu được họ không? Liệu chúng ta có đứng đó phân tích tình hình và để những khoảnh khắc quý giá trôi qua không? Không, điều gì đó bên trong chúng ta cho chúng ta sức mạnh lúc quan trọng để làm bất cứ việc gì cần thiết để cứu sống nạn nhân.

Bất cứ ai chúng ta kiến tạo hoàn cảnh tương tự như thế biết chính xác điều Chúa nói. Điều gì đó sẽ xuất hiện bên trong chúng ta, chiếm lấy tâm trí của chúng ta và mọi thứ khác, và đong đầy trái tim chúng ta. Đó chính là tình yêu hy sinh. Đó chính là nhiệm vụ. Đó chính là sự xuất hiện khả năng đối phó với tình hình thuộc về siêu nhiên, biết rằng việc chúng ta có mặt ở đó là có nguyên nhân và chúng ta là người có thể giúp cho trường hợp sống còn ấy.

Đây chính là điều làm nên anh hùng - một người làm điều điều phi thường, mạo hiểm đến tính mạng. Đó là một điều siêu nhiên, không thể giải thích được bằng lý trí thông thường, nhưng xuất phát từ trái tim. Điều gì đó sẽ xuất hiện bên trong trái tim chúng ta - một tình yêu hoặc một sự quan tâm hoặc một nhu cầu mạnh mẽ - khiến chúng ta bước đi trên nước, vượt xa khả năng của chúng ta và làm điều không thể.

Đó là cách đức tin sẽ hoạt động trong tương lai. Kiểu đức tin ấy không được ban cho chúng ta ngay lúc này - hoặc thậm chí đừng tự hỏi liệu chúng ta sẽ có được nó không - bởi vì ngày ấy vẫn chưa đến. Tâm hồn của chúng ta sẽ được đong đầy bởi một “sự hiểu biết” siêu nhiên, và

tâm trí sẽ không còn tác dụng nhiều. Chính quyền năng của Chúa và đức tin chảy vào trong chúng ta và chảy trong chúng ta theo một cách không thể nào diễn tả được.

Đó chính là lúc sự liên kết và tình yêu của chúng ta gặp nhau theo một cách hữu hình và những phép lạ sẽ xảy ra. Tất cả những gì chúng ta cần chính là ở gần bên Chúa và để cho liên kết tình yêu giữa chúng ta với Ngài hoạt động liên tục - như thế, chúng ta sẽ ở đúng ngay vị trí tại đúng thời điểm.

Và rồi, đức tin của chúng ta sẽ đáp ứng được yêu cầu, khoảnh khắc, thời giờ hoặc khủng hoảng đến gần. Thậm chí, lúc đó, chúng ta không hề nghĩ đến lòng tin của mình nữa - chúng ta nghĩ đến mình có bao nhiêu hoặc liệu đức tin có đủ không; nó sẽ không quan trọng, bởi vì tất cả những gì đang đầy tâm trí và tinh thần chúng ta chính là tình yêu. Tình yêu của Chúa sẽ chảy qua chúng ta, và Ngài và chúng ta sẽ thành một. Tình yêu giữa Ngài và chúng ta sẽ đủ cho khoảnh khắc, và cũng như lòng tin của chúng ta cũng sẽ đủ cho khoảnh khắc.

Bởi vì sức mạnh của mối liên kết tình yêu giữa Chúa với chúng ta, quyền năng của Ngài sẽ tuôn chảy thông qua chúng ta một cách đầy tràn, và “tất cả những gì anh em xin thì sẽ được như ý” (Mc 11,24), và bởi vì những gì chúng ta cầu xin sẽ chỉ được tác động bởi tình yêu của Ngài.

Hãy nhớ, chúng ta sẽ không bao giờ hiểu hết về lòng tin trong cuộc sống đời này, vì tâm trí có hạn của chúng ta không thể nào hiểu được. Chúng ta hiểu được nhiều nhất thông qua việc hiểu và cùng chia sẻ nhiều hơn tình yêu của Chúa.

Trên hành trình đức tin, hoặc trò chơi đức tin, hoặc bất cứ điều gì, chúng ta sẽ không bao giờ thua. Không thể

nào thua. Đó là một trải nghiệm mang tính rèn luyện. Và cũng như việc chúng ta tiếp tục lớn lên trong tình yêu, học biết nhiều hơn về tình yêu của Chúa và tình yêu dành cho tha nhân, chúng ta cũng sẽ lớn lên trong đức tin và học biết nhiều hơn về đức tin. Nhưng đừng tách đức tin ra và cố phân tích nó, hoặc tệ hơn nữa chính là mở xẻ lòng tin của chính mình.

Hành động tốt nhất chính là đơn giản sử dụng nó - cũng giống như việc chúng ta bước những bước đi tình yêu suốt cả ngày. Khi chúng ta quyết định làm điều gì đó bằng tình yêu, hoặc đến với ai đó bằng tình yêu, liệu chúng ta có tự hỏi mình có đủ tình yêu không? Không. Một khi chúng ta quyết định, chúng ta biết mình vượt qua phần khó khăn nhất thông qua việc cố gắng. Chúng ta biết rằng Chúa sẽ ban cho chúng ta tình yêu, bởi vì tình yêu luôn có sẵn, chính Chúa tác động và hoạt động thông qua chúng ta. Tình yêu chính là cơ đang hoạt động, và nó sẽ ngày càng phát triển khi chúng ta sử dụng nó nhiều hơn và nhuần nhuyễn hơn - đức tin cũng giống như thế.

Đừng tìm hiểu quá sâu về đức tin. Sẽ khôn ngoan hơn khi chấp nhận một cái nhìn đơn sơ và giống trẻ thơ về đức tin. Chúa hứa sẽ cho chúng ta hiểu nhiều hơn. Và khi chúng ta không ngừng rèn luyện lòng tin của mình: đừng sợ đón nhận những thử thách, những trải nghiệm kéo giãn lòng tin của chúng ta. Và thậm chí khi chúng ta nhìn lại tình huống hoặc thách thức và cảm thấy rằng lòng tin của chúng ta thật sự chưa đạt yêu cầu lắm, thế thì sao? Chúng ta vẫn không thất bại, bởi vì chúng ta lớn lên từ sự trải nghiệm. Có thể chúng ta không nhìn thấy hoặc không hiểu làm thế nào chúng ta lớn lên, nhưng chúng ta sẽ nhận được phần thưởng cho lòng tin cho dù kết quả có như thế nào, và

phần thưởng của lòng tin chính là sự phát triển. Chúa luôn khen thưởng những ai tiến lên phía trước, kéo giãn lòng tin, tin tưởng vào Ngài và những lời hứa của Ngài, ngay cả khi chúng ta cảm thấy lòng tin của mình đang mỗi gổì chùn chân.

Một điều chắc chắn: Đức tin chính là một sự mạo hiểm! Đó chính là sự mạo hiểm của cả cuộc đời, và nó sẽ là một cuộc đời với những chuyến phiêu lưu ly kỳ hấp dẫn và đầy những thăng trầm, đưa chúng ta lên những độ cao - và thậm chí đôi khi kéo chúng ta xuống những vực thẳm - cả hai đều làm nên con người chúng ta.

Vì thế, đừng bao giờ sợ bất cứ cú nhảy nào của lòng tin mà Chúa đã hứa sẽ ở phía trước chúng ta - chúng ta sẽ sẵn sàng khi thời khắc đến. Chúng ta chỉ cần biết khi đến lúc, Chúa sẽ đong đầy tâm hồn chúng ta tất cả những gì chúng ta cần để thực hiện cú nhảy ấy.

Thiên Ân **(Sưu tầm của GDHT)**



LÒNG TIN VÀ ƯỚC MUỐN

Cụm từ “có lòng tin cho...” có ý nghĩa chính xác là gì? Lấy ví dụ một nhóm ra ngoài làm chứng. Họ đang ở tại công viên, với rất nhiều cơ hội lựa chọn ai là người họ đến làm chứng. Có một sự lựa chọn giữa một người trẻ với vẻ bề ngoài dễ tiếp cận, và một người có vẻ khó tính, ví dụ như một giám đốc giàu có. Sau khi xem xét những cơ hội, nhóm quyết định rằng họ “có lòng tin cho” việc làm chứng với người trẻ, nhưng họ “không có lòng tin” để làm chứng với vị giám đốc sang trọng kia, và vì thế họ hành động theo lòng tin của họ.

Theo tôi, khi ai đó nói họ “không có lòng tin” cho việc gì, thì thực chất hình như đơn giản chỉ vì họ không muốn làm điều đó. Đây là giới hạn phân biệt giữa lòng tin của một người và ước muốn của họ? Trong những trường hợp nào thì việc sử dụng cụm từ “có lòng tin cho việc” là chính đáng? Liệu lòng tin có thể gia tăng không?

Lòng tin chính là sự nhận biết. Khi chúng ta có lòng tin vào Chúa, chúng ta biết rằng Ngài tồn tại, rằng Ngài yêu thương chúng ta nhiều đến nỗi đã chết cho chúng ta và đã sống lại để ban cho chúng ta sự sống đời đời.

Khi chúng ta có lòng tin vào sự ban ơn của Chúa, chính là chúng ta biết rằng Ngài sẽ chu cấp cho con cái của Ngài - rằng Ngài không phải là người chống lại những kẻ tin vào Ngài, nhưng rằng Ngài sẽ tuôn đổ dư tràn dựa theo sự giàu sang của Ngài (x. Phl 4,19). Khi chúng ta có lòng tin vào ơn chữa lành của Chúa, chính là chúng ta biết rằng Ngài có quyền năng chữa lành, rằng ngay cả khi người công chính thường gặp nhiều gian truân, nhưng Ngài sẽ cứu chữa tất cả (x. Tv 34,19) - có thể là không thể

ngay lập tức, nhưng trong thời gian của Ngài và theo cách của Ngài. Khi chúng ta có lòng tin vào sự che chở của Chúa, chính là chúng ta biết rằng dù hai bên tả hữu chúng ta có ngàn người ngã, chúng ta cũng sẽ không hề hấn gì (x. Tv 91,7).

Vì thế, đức tin chính là sự nhận biết, và rồi hành động theo sự nhận biết ấy - cần đến “cách nhìn của lòng tin, chứng minh Lời của Chúa và những lời hứa của Ngài. Chúng ta hành động như thế bởi vì lòng tin chính là bảo đảm cho những gì chúng ta hy vọng và là bằng chứng cho những điều không được nhìn thấy (x. Dt 11,1). Đó chính là giấy chứng nhận quyền sở hữu, và bởi vì chúng ta nắm chặt giấy chứng nhận quyền sở hữu ấy, và ra đi để nhìn thấy “căn nhà”, chúng ta tìm thấy những gì đang chờ đợi chúng ta, bởi vì lòng tin của chúng ta mang đến cho chúng ta điều đó. Cho dù nó không được nhìn thấy, nhưng nó có thật, và lòng tin của chúng ta làm cho nó trở thành hiện thực.

Vì thế, khi chúng ta nói chúng ta “có lòng tin cho việc...”, có nghĩa là chúng ta có sự nhận thức, tin tưởng, trông cậy, tin chắc, chắc chắn, hoặc là bởi vì chúng ta nhận được thông qua món quà siêu nhiên, hoặc bởi vì chúng ta đọc Lời Chúa và có được cái nhìn đức tin nhờ vào Lời Ngài; chúng ta bước đi bằng lòng tin trong những lời hứa của Chúa bởi vì chúng ta tin vào những lời hứa của Chúa, và chúng ta tin vào Chúa.

Rất nhiều người nghe ai đó nói: Tôi không có lòng tin cho việc này”, và cho rằng những người đó không muốn làm việc ấy. Thường thì vì những người ấy nghi ngờ không biết đó có phải là thánh ý của Chúa hay không, hoặc biết đó là ý của Ngài, nhưng tìm cách thoái

thác vì không đủ lòng tin. Họ biết rằng những người khác sẽ không bắt họ làm nếu họ “không có lòng tin cho việc ấy”. Và họ thanh minh và viện cớ bằng cách đó. Thay vì nhận lỗi về phần mình, họ lại trách Chúa - rằng Ngài đã không ban cho họ đủ lòng tin cho việc ấy. Họ đổ trách nhiệm cho Chúa, mặc dù mọi việc là do họ.

Đừng trách Chúa khi chúng ta thiếu lòng tin, hoặc dùng Ngài như một lý do để làm theo ý chúng ta hoặc bằng cách nói rằng chúng ta có lòng tin cho việc gì đó hoặc không có lòng tin. Hãy thành thật và nói chúng ta muốn làm gì và không muốn làm gì. Có thể điều đó sẽ vạch trần việc chúng ta thiếu vâng lời, hoặc thiếu phục tùng, hoặc thiếu tình yêu, nhưng việc ấy chính là chúng ta trung thực nhận lỗi về phần mình, chứ không phải Chúa. Chung quy thì đó chính là vấn đề của chúng ta, vì Chúa đã ban cho chúng ta lòng tin, sự vâng lời, sự phục tùng, tình yêu mà chúng ta cần, nếu chúng ta ao ước. Vấn đề chính không phải thiếu quyền năng hay khả năng ở phía Chúa, nhưng chính là thiếu sự sẵn lòng và vâng phục từ phía chúng ta.

Đức tin có được là nhờ đọc, đón nhận, chấp nhận và thực hành Lời của Chúa. Chúng ta đọc và tin Lời Chúa, và rồi chúng ta vâng theo; chúng ta nhìn bằng cái nhìn của lòng tin, chúng ta nhìn Chúa thực hiện Lời của Ngài, và lòng tin của chúng ta được gia tăng, lòng tin phát triển. Không chỉ thế, chính sự ham muốn đọc, nghiên cứu, thực hành và vâng theo Lời Chúa cũng sẽ phát triển, đó chính là một chu trình đi lên tuyệt vời.

Ngược lại, nếu chúng ta đọc Lời Chúa và không tin tưởng vì nguyên nhân gì đó, như thế chúng ta sẽ không vâng theo; chúng ta không có cái nhìn bằng đức

tin, và chúng ta không nhìn thấy Chúa thực hiện Lời Ngài, và lòng tin của chúng ta bị giảm, nó co lại. Chính sự thiếu vâng lời của chúng ta làm cho lòng tin co lại. Chúng ta làm điều ngu xuẩn, và điều ấy làm giảm sự ham muốn đọc và thực hành Lời Chúa. Đó là một chu trình đi xuống thật tồi tệ.

Vì thế, hãy đọc, tin tưởng và vâng theo Lời Chúa.

Ban đầu, có thể chúng ta cảm thấy rất khó khăn để vâng lời, bởi vì một số những việc Chúa bảo chúng ta làm thật không dễ dàng, nhưng nó sẽ trở nên dễ dàng khi chúng ta bắt đầu thực hiện chúng. Chính lòng tin và sự vâng lời của chúng ta giúp chúng trở nên dễ dàng, bởi vì ách của Chúa êm ái và gánh của Chúa nhẹ nhàng. Nếu chúng ta vâng lời và nhìn bằng cái nhìn của lòng tin, thì những hành động của chúng ta ngày càng trở nên dễ dàng hơn. Đó chính là hoa trái của sự vâng lời. Nếu chúng ta không vâng lời, thì chính là sự thiếu vâng lời của chúng ta làm cho mọi việc ngày càng trở nên khó khăn hơn, nặng nề hơn, khiến chúng ta càng trì hoãn lâu hơn. Đó chính là hậu quả của sự không vâng lời.

Hãy dựa vào Lời của Chúa và hãy lấy đức tin từ đó. Lấy ví dụ về vị giám đốc sang trọng và trông có vẻ khó tính trong công viên, rằng chúng ta không nên phán đoán một người qua bề ngoài của họ, nhưng thông qua con tim; rằng kẻ giàu có và quyền lực chính là những người thường cần điều gì đó nhất hơn tất cả, và rằng đó chính là nhiệm vụ đặc biệt của con cái Chúa.

Chúng ta có rất nhiều Lời của Chúa hậu thuẫn, vì thế, hãy thử nó, dùng nó, và đừng giao động. Nếu Chúa cho chúng ta thấy rằng chính ý định của Ngài tác động đến người đàn ông này hoặc người phụ nữ này, thì

đừng tự hạn chế mình bởi điều mà chúng ta gọi là “thiếu lòng tin” - thường thì đó chính là sự sợ hãi của con người. Hãy chống lại và vượt qua sự sợ hãi bằng cách ngẩng cao đầu đối mặt với nó trong sức mạnh của Thần Khí!

Hãy giữ lấy Lời của Chúa, hãy hành động chống lại sự sợ hãi và chiến thắng - và có lẽ cũng là chiến thắng tuyệt vời cho Vương quốc của Ngài, chiến thắng trái tim và tâm hồn của bất cứ ai Ngài đặc biệt đặt để trước mặt chúng ta, để họ được chăm lo về mặt tinh thần lẫn vật chất. Hãy để tình yêu của chúng ta dành cho những linh hồn tác động đến chúng ta và thúc đẩy chúng ta hành động bằng tình yêu!

Thiên Chúa sẽ ban thưởng cho lòng tin của chúng ta và cho việc có cái nhìn bằng lòng tin. Nhưng khi chúng ta viện cớ để tránh ý Chúa bằng cách nói rằng chúng ta không có lòng tin cho điều gì đó Thiên Chúa chỉ cho chúng ta biết đó là thánh ý của Ngài thông qua Lời Ngài, hay thông qua cách nào đó khác, chúng ta sẽ gặt những gì mình gieo. Qua việc không có cái nhìn bằng lòng tin, và qua việc bào chữa cho mình bằng cách nói rằng chúng ta không có lòng tin cho điều đó, chính là chúng ta làm giảm lòng tin của mình. Bằng cách nói ra lời như thế và từ chối vâng lời trong những việc nhỏ, chúng ta sẽ gặt những gì chúng ta đã gieo; chính chúng ta làm cho mọi thứ khó khăn hơn về sau, và chúng ta sẽ đi xuống thêm một bước nữa và cuối cùng là dẫn đến việc hoàn toàn mất lòng tin hay tinh thần tông đồ.

Hãy nhớ rằng lòng tin chính là sự nhận biết, và biết đâu là sự thật. “Anh em biết những điều đó, nếu anh em thực hành, thì thật phúc cho anh em!” (Ga 13,17). Nếu chúng ta bước đi bằng lòng tin và có cái nhìn bằng lòng

tin, thì chúng ta làm đẹp lòng Chúa thay vì là bản thân chúng ta. Chúa hứa với chúng ta rằng nếu chúng ta làm đẹp lòng Ngài, Ngài sẽ làm đẹp lòng chúng ta - và theo những cách mà chúng ta chưa bao giờ nghĩ là có thể và chưa bao giờ tưởng tượng được! Đó chính là lòng tin và Chúa ao ước nhìn thấy nơi chúng ta.

Có lòng tin để vâng lời, để phục tùng, để vượt qua sợ hãi, để hành động bằng sự quyết tâm, để có cái nhìn bằng lòng tin, và Thiên Chúa sẽ ban ơn cho bạn.

Nghi Ân

[Sưu tầm của GDHT]



NHÂN NĂM ĐỨC TIN, CẦN NUÔI DƯỠNG VÀ SỐNG ĐỨC TIN THẾ NÀO?

Như Đức Thánh Cha Bê-nê-đich-tô 16 đã quyết định và loan báo, ngày 11 tháng 10 tới đây, Lễ khai mạc Năm Thánh sẽ được Đức Thánh Cha long trọng cử hành tại Công Trường Thánh Phêrô, Rôma. Năm Thánh sẽ chấm dứt ngày 24 tháng 11 năm 2013.

Nhân dịp này, Đại Hội Đồng Giám Mục Thế giới (Assembly of the Synod of Bishops) sẽ họp phiên thứ 13 thường lệ với chủ đề **“Tân Phúc Âm hóa để loan truyền Đức tin Kitô-Giáo”**. (New Evangelization for the Transmission of the Christian Faith).

Là người tín hữu Chúa Kitô sống trong thế kỷ 21 này, chúng ta phải canh tân và sống đức tin cách nào để không những mưu ích cho chính mình mà còn mời gọi thêm những người khác chưa biết và tin Chúa Kitô được nhận biết Chúa để cùng hưởng Ôn cứu Chuộc đã mua bằng giá máu Chúa đổ ra trên thập giá năm xưa.

Thật vậy, Đức tin là một quà tặng nhưng không và vô giá (gratuitous and invaluable) mà Thiên Chúa đã ban để giúp ta nhận biết Người là Cha Toàn năng, Đấng tạo dựng muôn loài muôn vật hữu hình và vô hình. Đặc biệt, Thiên Chúa tạo dựng con người **“giống hình ảnh của mình”** (St 1: 27) và muốn cho *“mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý.”* (1Tm 2: 8)

Thiên Chúa tạo dựng và mong muốn cho con người được hạnh phúc chỉ vì tình thương vô vị lợi của Người dành cho tất cả chúng ta, những con người được sinh ra trên trần thế này và có diễm phúc được biết Chúa qua ơn

mặc khải mà Chúa Kitô đã cảm tạ Thiên Chúa Cha thay cho chúng ta về quà tặng đức tin quý giá này:

“Lậy Cha là Chúa Tể trời đất, Con xin ngợi khen Cha vì Cha đã giấu kín không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn. Vâng lậy Cha, vì đó là điều đẹp ý Cha.” (Lc 10: 21)

Như thế có nghĩa là nếu Thiên Chúa không tự mặc khải Người (revealed Himself) cho ai thì không ai có thể tự mình nhận biết có Thiên Chúa và tin yêu Người.

Tại sao những bậc thông thái, khoa học gia biết cắt nghĩa sự hình thành của vũ trụ và mọi qui luật chi phối đời sống của con người và mọi loài động vật, thực vật và thảo mộc, nhưng lại không khám phá ra được **Thiên Chúa là chính Đấng dựng nên mọi loài mọi vật đó?**

Lý do duy nhất để trả lời câu hỏi này là vì họ không được Thiên Chúa mặc khải hay ban quà tặng đức tin vô giá nên họ không thể biết gì về Thiên Chúa với kiến thức tuy rộng lớn đối với con người nhưng lại quá hạn hẹp đối với Thiên Chúa là Đấng thượng trí vô song.

Vậy đối với những ai đã được diễm phúc biết Chúa nhờ đức tin thì phải bồi dưỡng và sống đức tin ấy ra sao đặc biệt trong Năm Đức Tin này?

1. Trước hết, phải làm gì để bồi dưỡng đức tin cho lớn mạnh thêm nữa? - Kinh nghiệm đơn sơ của bất cứ người làm vườn (gardener) nào đều cho biết là khi trồng một loại cây trái mới nào, người ta phải lựa giống tốt của cây đó. Nếu là hạt thì phải đặt vào nơi đất đã bón phân sẵn và chờ

cho hạt đó nảy mầm rồi tiếp tục nuôi dưỡng với nước và phân bón thích hợp. Nếu không chăm lo vun tưới đều đặn thì hạt sẽ chết khô trong lòng đất, dù là hạt của giống cây tốt. Nhưng từ lúc hạt nảy mầm cho đến khi mọc thành cây và sinh hoa trái thì người làm vườn phải tốn nhiều thì giờ và công sức chăm bón mới có kết quả tốt để hưởng dùng.

Cũng tương tự như vậy, đức tin được gieo vào tâm hồn con người như hạt giống được gieo xuống đất. Một em bé, sau khi sinh một hai tháng, được rửa tội để được tái sinh trong sự sống mới. Nhưng sau khi rửa tội, nếu cha mẹ và thân nhân sống gần em mà không giúp nuôi dưỡng đức tin đó cho em thì chắc chắn khi lớn lên em bé sẽ không thể tự biết gì về Chúa và tin yêu mến Ngài. Do đó, cha mẹ em phải là người trực tiếp nuôi dưỡng con mình không những về thể lý cho con lớn lên mạnh khỏe mà đặc biệt còn về mặt thiêng liêng để giúp con cái lớn lên trong đức tin đã lãnh nhận khi được rửa tội. Nghĩa là, trong gia đình cha mẹ phải là thầy dạy đức tin cho con mình bằng cách dạy cho con cái biết có Thiên Chúa là Cha nhân lành, yêu thương hết mọi người. Sau nữa, bằng gương sáng trong gia đình, cha mẹ dạy con cái biết đọc kinh, cầu nguyện và đem chúng đi dự lễ chung với mình các ngày Chúa Nhật để được nghe giảng về Chúa. Tiếp theo là cho con cái đi học các lớp giáo lý để lãnh các bí tích Thánh Thể, Hòa Giải và Thêm sức, giúp cho con cái lớn lên trong niềm tin có Chúa.

Khi trẻ đã lớn đủ và những người đã trưởng thành ý thức được mình có đức tin, tin có Thiên Chúa, có sự sống đời đời thì đó là lúc họ cần phải chứng tỏ ý muốn

sống đức tin ấy bằng hành động cụ thể. Kinh nghiệm thực tế khác cũng cho biết là khi người ta đã có một kỹ năng (skill) nào như biết bơi, biết lái xe, hay biết chơi một loại nhạc cụ nào như đàn guitar hay piano thì muốn phát triển kỹ năng đó, người ta phải năng luyện tập để đạt mức hoàn hảo chuyên nghiệp. Nếu không thì kỹ năng đó sẽ mai một theo thời gian. Thí dụ, người biết bơi mà không tập luyện mỗi ngày hay mỗi tuần thì không những sẽ không bao giờ bơi giỏi được mà còn mất dần kỹ năng này theo thời gian nữa.

Cũng tương tự như vậy, tin có Chúa vì sinh ra trong một gia đình có Đạo, hay có cảm nghiệm riêng về Thiên Chúa, thì phải tiếp tục bồi dưỡng cho ánh sáng đức tin ban đầu đó được cháy sáng lên trong tâm hồn đến mức đủ soi sáng cho mình bước đi trên con đường dẫn đến sự sống đời đời. Nghĩa là phải bồi dưỡng đức tin ban đầu với cố gắng học hỏi thêm về giáo lý của Giáo Hội, đọc Kinh Thánh để hiểu và sống Lời Chúa và nhất là năng lãnh nhận các bí tích quan trọng như Thánh Thể và Hòa giải để được luôn sống trong tình thân với Chúa. Thêm vào đó, phải siêng năng cầu nguyện luôn, vì **“Không có Thầy anh em sẽ chẳng làm gì được.”** (Ga 15: 5)

Không có Thầy nghĩa là không có ơn Chúa phù giúp nâng đỡ thì không ai có thể tự mình lớn lên trong đức tin và có đủ sức để chống lại những yếu đuối của bản năng, những dịp tội đầy rẫy trong môi trường sống và nhất là những cám dỗ của ma quỷ, thù địch của chúng ta luôn ngày đêm rình rập như **“sư tử gầm thét rảo quanh tìm mồi cắn xé.”** (1 Pr 5: 8)

Vì thế, cần thiết phải bồi dưỡng đức tin bằng nỗ lực cá nhân như siêng năng cầu nguyện, đọc Kinh Thánh, giáo

lý của Giáo Hội và năng lãnh nhận hai bí tích rất quan trọng là Thánh Thể và Hòa giải để được thánh hóa và lớn lên trong đức tin.

Nhưng cho được sống đức tin cách vững chắc và cụ thể, ta phải ý thức đầy đủ về nội dung và đòi hỏi của niềm tin là phải yêu mến Chúa trên hết mọi sự thể hiện qua quyết tâm xa tránh những gì mâu thuẫn hay đi ngược lại với đức tin có Chúa là cội nguồn của mọi sự tốt lành, thánh thiện, công bình, bác ái, nhân đạo, vị tha. Nghĩa là người có niềm tin nơi Chúa thì không thể cho phép mình làm những sự xấu, sự độc ác như giận ghét, căm thù ai, nói xấu, vu cáo ai những điều vô bằng cớ, trộm cắp, gian tham, lừa đảo, thay vợ đổi chồng, cờ bạc, dâm dăng nhất là thâm độc giết hại người khác về thể lý hay tinh thần... Đây là bộ mặt của sự trống vắng niềm tin, khinh chê mọi giá trị tinh thần, luân lý, đạo đức. Đây là thực chất của xã hội vô luân, vô đạo, của “văn hóa sự chết” (culture of death) đang bành trướng ở khắp nơi trên thế giới ngày nay, đặc biệt là ở những quốc gia tự do quá trớn, tôn thờ chủ nghĩa khoái lạc (hedonism), tôn thờ phái tính (sex worship), tôn thờ vật chất, tiền bạc, và mọi vui thú phi luân, vô đạo như thực trạng ở các nước Âu Mỹ hiện nay.

Ở bên kia thái cực, là bộ mặt của xã hội vô thần, vô tôn giáo, hay nói rõ hơn là thù địch của những ai có niềm tin vào Đấng toàn năng làm chủ vũ trụ và sự sống của con người và của mọi loài động vật, thực vật và thảo mộc. Thực trạng ở đây còn đáng sợ hơn nữa vì người ta không tin có một Quyền lực thiêng liêng nào thưởng phạt, nên họ mặc sức làm những sự dữ như hà hiếp bóc lột, giết hại những ai chống đối, vơ vét tài sản công để làm giàu cho cá nhân và tập thể cai trị, trong khi quay lưng lại hay dừng

dung trước sự nghèo đói của người dân và suy thoái đạo đức nặng nề của xã hội.

Thêm vào đó, chế độ còn dung dưỡng cho các băng đảng của xã hội đen lộng hành để cướp bóc, hãm hại người dân lành, cô thân, cô thế. Đây là tội ác mà xã hội dung dưỡng để chất thêm thống khổ lên đầu lên cổ người dân đã phải chịu nhiều tai ương khác của xã hội vô luân, phi nhân, vô đạo.

2. Phải sống đức tin cách nào đặc biệt trong Năm Đức Tin này? - Sống trong xã hội với các thực trạng trên đây, người tín hữu Chúa Kitô trong Giáo Hội Công Giáo hơn bao giờ hết phải có can đảm tuyên xưng đức tin của mình bằng đời sống thực sự công bình, bác ái, thánh thiện, xa tránh mọi quyến rũ của xã hội vô luân vô đạo đang lôi kéo con người vào hố diệt vong vì đam mê của cải và mọi vui thú phi luân, nhắm mắt bịt tai trước sự đau khổ, nghèo đói của người khác. Trước thực trạng này, người có đức tin – và đặc biệt sống đức tin ấy trong Năm Đức Tin này – cần nêu cao những giá trị của niềm tin vào Chúa Kitô, Đấng đã đến trần gian để vạch rõ con đường dẫn đến sự sống và con đường đưa đến hư mất đời đời, như Chúa đã dạy sau đây:

“Hãy qua cửa hẹp mà vào vì cửa rộng và đường thênh thang thì đưa đến diệt vong mà nhiều người lại đi qua đó. Còn cửa hẹp và đường chật thì đưa đến sự sống, nhưng ít người tìm được lối ấy.” (Mt 7: 13-14)

Con đường rộng rãi thênh thang mà nhiều người muốn đi và đang đi là con đường của văn hóa sự chết, con đường đưa đến các sông bạc, nhà điểm, nơi giải trí với mọi thú vui vô luân vô đạo, con đường tham nhũng, ăn cắp của công, bóc lột và bách hại người dân lành vô tội để làm giàu cho cá nhân và tập đoàn thống trị gian ác, đang vơ vét tiền của để gửi ra nước ngoài phòng thân. Đó cũng là con đường của bọn tài phiệt tư bản chuyên thao túng thị trường chứng khoán để vơ vét tài sản của bao người đầu tư và thua lỗ vì những kỹ thuật tinh vi của bọn cầm đầu kỹ nghệ xảo quyệt này.

Vì thế, đứng trước một thế giới gian tà từ Đông sang Tây hiện nay, người tín hữu Chúa Kitô – cách riêng người có sứ mạng rao giảng chân lý đức tin và tin Mừng Cứu Độ – hơn lúc nào hết phải có can đảm mạnh mẽ bênh vực cho sự thật, cho công bình xã hội và lành mạnh hóa con người để chống lại những suy thoái, tụt hậu của xã hội về mặt luân lý, đạo đức. Nếu làm ngơ – hay tệ hại hơn nữa – thỏa hiệp với kẻ cầm quyền để mưu cầu tư lợi cho mình và bị tai nhảm mắt trước mọi bất công, sự dữ, thì đã tự đánh mất niềm tin và chức năng thiêng liêng của người ngôn sứ trong hoàn cảnh cụ thể của xã hội đương thời. Mặt khác, sống đức tin cách hữu hiệu và có sức thuyết phục người khác thì cũng không cần thiết phải xây thêm hay sửa sang nhà thờ, nhà xứ cho khang trang long lẫy khiến phải lặn lội đi xa một năm mấy lần để kiểm tiền. Điều tối cần và quan trọng là **phải có và sống tinh thần nghèo khó của Phúc Âm** để noi gương Chúa Kitô, *“Đáng vốn giàu sang phú quý, nhưng đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em, để lấy cái nghèo của mình mà làm cho anh em trở nên giàu có.”* (2 Cor 8: 9)

Người phục vụ cho Tin Mừng mà không noi gương Chúa Kitô trong cuộc sống thì không thể làm gương đức tin cho ai và thuyết phục được ai tin và thực hành những điều mình giảng dạy cho người khác nhân danh Chúa Kitô.

Về phần người tín hữu Chúa Kitô, người Công giáo chân chính cũng phải làm gì cụ thể để phân biệt mình với những kẻ không có niềm tin, chỉ biết sống với vui thú hiện tại và không thắc mắc gì về một tương lai mai hậu, khi mà mọi sự ở đời này sẽ mau chóng trôi qua kể cả sự sống của con người có hay không có niềm tin nào.

Nếu người có đức tin dám can đảm sống đức tin của mình cách dũng cảm là xa lánh mọi thói hư tật xấu của xã hội như cờ bạc, lường đảo, dâm ô và vui chơi sa đọa, nhẩy nhót, hút xách...thì đã nêu cao giá trị của niềm tin trước mặt người đời. Ngược lại, nếu người có đức tin mà cũng a dua với kẻ không có niềm tin để cùng nhau làm những việc vô luân, vô đạo, như gian tham, trộm cắp, lương gạt, bắt công và bóc lột người khác, vô liêm sỉ, vô lương tâm bỏ vợ già để cưới vợ trẻ, “bồ nhí”, thì chắc chắn họ đã chối bỏ đức tin của mình bằng chính đời sống cụ thể trước mặt người khác. Và như thế thì dù họ có kêu cầu ngoài môi miệng **“Lậy Chúa, lậy Chúa!”** cả trăm ngàn lần thì cũng vô ích mà thôi! Đúng như lời Chúa Giêsu đã dạy các Tông Đồ xưa như sau:

“Không phải bất cứ ai thưa với Thầy: Lậy Chúa! LậyChúa! là được vào Nước Trời cả đâu, nhưng chỉ những ai thi hành ý muốn của Cha Thầy, Đấng ngự trên trời mới được vào mà thôi.” (Mt 7: 21)

Trong mấy ngày qua, theo dõi tình hình thế giới, chúng ta thấy những người Hồi Giáo đã rầm rộ biểu tình

chống Mỹ ở các quốc gia Hồi Giáo chỉ vì một cuốn phim chế riều Mohammad được sản xuất ở Mỹ và trình chiếu trên trang mạng Facebook, Youtube. Có thể chúng ta không đồng ý về cách thức phản kháng của anh em Hồi Giáo, nhưng chúng ta phải khen họ về thái độ hăng say bênh vực cho tôn giáo của họ, tuy đó là hình thức quá khích và bạo động không nên làm.

Anh em Hồi Giáo hăng say bảo vệ tôn giáo của họ như vậy, còn chúng ta thì sao? Chắc chắn chúng ta không được mong đợi phải xuống đường để đánh phá những ai nhạo báng Thiên Chúa của chúng ta, nhưng chúng ta được mong phải đời sống đức tin cách cụ thể bằng tư tưởng và hành động, bằng việc bác ái vị tha, và nhạy cảm (sensitive) trước sự đau khổ, nghèo đói của người khác. Đồng thời, phải xa tránh mọi điều gian ác, tội lỗi, xấu xa của những kẻ không có niềm tin hay có mà không dám sống niềm tin ấy trước mặt người đời.

Ai không có can đảm sống niềm tin của mình trước mặt người khác, thì hãy nghe lại Lời Chúa Giêsu đã nói với đám đông xưa như sau:

“Giữa thế hệ ngoại tình và tội lỗi này, ai hổ thẹn vì Ta và những lời Ta dạy, thì Con Người (tức Chúa Giêsu) cũng sẽ hổ thẹn vì kẻ ấy, khi Người ngự đến cùng với các thánh thiên thần trong vinh quang của Cha Người.” (Mc 8: 38)

Như thế có nghĩa là chúng ta phải có can đảm tuyên xưng đức tin bằng chính đời sống của mình giữa bao người khác để làm nhân chứng đích thực cho Chúa Kitô, Đấng đã đến trần gian làm Con Người để hiến mạng sống mình **“làm giá chuộc cho muôn người.”** (Mt 20: 28)

Tóm lại, Năm Đức Tin là thời điểm thuận lợi để mỗi người tín hữu chúng ta dừng chân để nhìn lại cách sống đức tin của mình trong bao năm qua để canh tân lại những gì còn thiếu sót, cần đổi mới cho thích hợp. Cụ thể, nên học hỏi kỹ lời Chúa trong Kinh Thánh và các tài liệu giáo lý, tín lý, thần học của Giáo hội để bồi dưỡng thêm cho đức tin được vững mạnh thêm nữa hầu có sức để đương đầu với những thách đố của thời đại trống vắng niềm tin. Hơn thế nữa, đây cũng là thời gian thuận lợi để chúng ta lập lại quyết tâm sống đức tin vào Chúa Kitô cách cụ thể và sống động hơn nữa để giữa bao người không có đức tin và đang làm những sự xấu, sự gian ác, chúng ta phải sống sao cho phù hợp và xứng đáng với lời khuyên dạy của Thánh Phaolô sau đây:

“N như thế, anh em sẽ trở nên trong sạch, không ai chê trách được điều gì và sẽ trở nên những con người vẹn toàn của Thiên Chúa giữa một thế hệ gian tà sa đọa. Giữa thế hệ đó, anh em phải chiếu sáng như những vì sao trên vòm trời.” (PL 2: 15)

Ước mong mọi người tín hữu chúng ta suy gẫm và thực hành lời dạy trên đây của Thánh Phaolô trong Năm Đức Tin này.

Lm Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huân

[Sưu tầm của GDHT]

NĂM ĐỨC TIN : CẦN THIẾT NGHE LỜI CHÚA VÀ LÃNH CÁC BÍ TÍCH

Năm Đức Tin sẽ chính thức mở ra trong toàn Giáo Hội từ ngày 11 tháng 10 năm 2012 đến ngày 24 tháng 11 năm 2013.

Trong Năm Đức Tin này, Đức Thánh Cha Bê-nê-đích-tô 16 đặc biệt nhấn mạnh đến việc tân phúc âm hóa để quảng bá đức tin Kitô-giáo (New Evangelization for the transmission of Christian Faith).

Tân Phúc Âm hóa có nghĩa là đọc lại lời Chúa cách thấu đáo hơn để từ đó thêm biết sống niềm tin Kitô Giáo cách thiết thực và có sức thuyết phục người khác tin yêu Chúa để cùng hưởng hạnh phúc Nước Trời như lòng Chúa mong muốn *“cho mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý”* (1 Tm 2 : 4).

Phúc Âm Sự Sống (Gospel Of Life) mà Chúa Kitô đã rao giảng trên 2000 năm trước đây đang bị “văn hóa của sự chết” thách đố nặng nề, vì nó đang lôi cuốn được nhiều người sống theo nó kể cả những người đã lãnh Phép rửa để được tái sinh trong sự sống mới, nhưng nay đang bị “văn hóa của sự chết” lôi kéo vào hố giết vong vì thực chất vô luân vô đạo của trào lưu tục hóa thế giới hiện nay. Hậu quả là có nhiều người Công giáo -cách riêng giới trẻ - đã không thực hành đức tin như tham dự Thánh lễ ngày Chúa nhật, xưng tội, rước Mình Máu Chúa Kitô. Có người còn bỏ theo Tin Lành, Baptist, Methodist..

Do đó, cần thiết phải được tái Phúc Âm hóa, nghĩa là được nghe lại lời Chúa Kitô, vì chỉ có Người *«mới có những lời đem lại sự sống đời đời»* như Phêrô đã tâu lời

Chúa một ngày kia sau khi nhiều môn đệ khác “*đã rút lui, không còn đi với Người nữa.*” (Ga 6: 66, 68).

Họ rút lui vì cho là chướng tai khi nghe Chúa nói Người là Bánh từ trời xuống cho những ai ăn thì sẽ được sống đời đời.

I. Sự cần thiết phải nghe Lời Chúa:

Thiên Chúa đã nói với con người qua miệng các Ngôn sứ (prophets) trong thời Cựu Ước như ông Mô Sê đã nói với dân Do Thái xưa như sau:

Đức Chúa phán với ông Mô-sê : *Hãy ra lệnh cho con cái Israel và nói với chúng lời của Ta : “Vào đúng thời đúng buổi, các ngươi sẽ chăm lo dâng lên Ta lễ vật, lương thực dưới hình thức hỏa tế nghi ngút hương thơm, làm thỏa lòng Ta.”* (Ds 28: 1-2).

Lại nữa, qua miệng ngôn sứ Ê-dê-kien (Ezekiel) Thiên Chúa đã phán những lời cảnh cáo kẻ gian ác ở mọi thời đại và mọi nơi trên mặt đất này như sau: *“phần ngươi, hỡi con người. Ta đã đặt ngươi làm người canh gác cho nhà Israel Ngươi sẽ nghe lời từ miệng Ta phán ra, rồi thay Ta báo cho chúng biết. Nếu Ta phán với kẻ gian ác rằng : “hỡi tên gian ác chắc chắn ngươi phải chết” mà ngươi không chịu nói để cảnh cáo nó từ bỏ con đường xấu xa, thì chính kẻ gian ác ấy sẽ phải chết vì tội của nó. Nhưng Ta sẽ đòi ngươi đền nợ máu nó. Ngược lại, nếu ngươi đã báo cho kẻ gian ác phải từ bỏ con đường của nó mà trở lại, nhưng nó không trở lại, thì nó sẽ phải chết vì tội của nó; còn ngươi, ngươi sẽ cứu được mạng sống mình.”* (Ed 33: 7-9).

Thiên Chúa phán dạy dân Do-thái trước tiên và cũng nói cho mọi dân trên toàn thế giới biết Thánh Ý của Người để họ biết sống xứng đáng hầu được cứu rỗi và vui hưởng hạnh phúc Nước Trời. Hạnh phúc Nước Trời là được chiêm ngưỡng Thánh Nhan Chúa trên nơi vĩnh hằng đô, sau khi mọi người phải trải qua cái chết trong thân xác vì hậu quả của tội lỗi. Những cái chết về thể lý không quan trọng bằng cái chết của linh hồn nếu trong cuộc sống trên trần thế này con người đã tự do chọn lựa con đường đưa đến cái chết đáng sợ đó. Cứ nhìn vào thực trạng của con người sống hiện nay, ta có thể hình dung được ai là người muốn sống hạnh phúc vĩnh cửu với Thiên Chúa trên Nước Trời và ai là những người đang tự ý khước từ hạnh phúc đó. Họ chính là những kẻ đang làm ngơ hay từ chối lời mời gọi của Chúa vào dự Bàn Tiệc Nước Trời vì nhiều lý do riêng tư. Có những người đang mải mê tìm tiền bạc và mọi vui thú vô luân vô đạo để hưởng thụ trong giây phút hiện tại mà không thắc mắc gì về số phận mai sau. Có những kẻ đang sống trong hận thù, ghen ghét, chia rẽ, chém, giết người khác về thể lý hay về tinh thần, dâm ô nhất là ấu dâm (child prostitution), một tội ác rất ghê tởm và khốn nạn của con người thời nay. Đây là con đường đưa đến sự chết đời đời nhưng lại có nhiều người muốn đi và đang ung dung đi trên đó ở khắp mọi nơi trên thế giới.

Trước thực trạng đáng buồn này, là tín hữu Chúa Kitô, chúng ta phải sống đức tin có Chúa như thế nào để phân biệt chúng ta với những người không có niềm tin hay có mà đã đánh mất niềm tin ấy vì những cám dỗ của văn hóa sự chết ?

Chúng ta có lắng nghe lời Thiên Chúa phán bảo qua các ngôn sứ thời Cựu Ước và nhất là qua Chúa Giêsu vào

thời sau hết hay không, vì Thiên Chúa đã “*phán dạy chúng ta qua Thánh Tử. Thiên Chúa đã nhờ Người mà dựng nên vũ trụ, và đã đặt Người làm Đấng thừa hưởng muôn loài muôn vật.*” (Dt 1 : 2)

Nghĩa là qua Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa đã mặc khải trọn vẹn Thánh Ý Người cho nhân loại, cho nên: “*Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy... Và lời anh em nghe đây không phải là của Thầy, nhưng là của Chúa Cha, Đấng đã sai Thầy.*” (Ga 14 : 23, 24)

Chúa Giêsu đã chọn các Tông đồ và sai họ đi rao giảng Tin Mừng Cứu Độ và chữa lành cho các bệnh nhân như ta đọc thấy trong Kinh Thánh Tân Ước. Chúa đã trao cho các ông trọng trách thay mặt Chúa để đi rao giảng Tin Mừng Cứu Độ cho muôn dân để ai nghe các ngài thì cũng nghe lời Chúa như Chúa đã quả quyết: “*Ai nghe anh em là nghe Thầy, và ai khước từ anh em là khước từ Thầy. Mà ai khước từ Thầy là khước từ Đấng đã sai Thầy.*” (Lc 10: 16).

Như thế, nghe lời dạy của các Tông Đồ xưa và nghe Giáo Hội ngày nay là người kế vị các Tông Đồ dạy với Quyền Giáo Huấn (Magisterium) là nghe chính Chúa Kitô. Mà nghe Chúa Kitô là nghe Chúa Cha, Đấng đã sai Chúa Kitô đến trần gian làm Con Người “*để phục vụ và hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người.*” (Mt 10: 45).

Do đó, đọc kỹ Kinh Thánh, chúng ta sẽ nghe lại Lời Chúa cách sâu sắc hơn, để từ đó thêm xác tín vào Chúa Kitô, hiện thân của Chúa Cha khi Người đến trần gian đi rao giảng và dạy dỗ chân lý như Chúa đã trả lời Tổng Trấn Philatô xưa như sau: “*Tôi đã sinh ra và đã đến thế gian vì*

điều này Đó là để làm chứng cho sự thật. Ai đứng về phía sự thật thì nghe tiếng Tôi. » (Ga 18: 37).

Sự thật mà Chúa Giêsu nói ở đây là sự thật có Thiên Chúa là Cha, Đấng tạo thành muôn loài muôn vật hữu hình và vô hình- trong đó có con người được Thiên Chúa yêu thương đến nỗi đã trao nộp chính Con Một Người là Chúa Kitô để cho muôn người được cứu độ nhờ máu Người đã đổ ra trên thập giá làm Hy Tế đền tội thay cho muôn dân. Đây là sự thật mà người tín hữu chúng ta phải tin và tuyên xưng bằng hành động biết ơn thiết thực là yêu mến Chúa trên hết mọi sự và xa tránh mọi tội lỗi vì chỉ có tội mới cắt đứt tình thân giữa ta và Thiên Chúa. Và cũng chỉ có tội mới đóng đanh Chúa Kitô một hay nhiều lần nữa trong tâm hồn chúng ta. Cho nên, sống cho sự thật này là sống đức tin có chiều sâu thực sự và có sức thuyết phục người khác.

Vì thế, để bồi dưỡng cho đức tin ấy trong Năm Đức Tin này, mỗi người tín hữu chúng ta cần đọc lại và suy gẫm lời Chúa trong các Tin Mừng để biết Chúa yêu thương chúng ta đến mức nào, để từ đó thêm quyết tâm sống đức tin, đức cậy và đức mến cách sống động hơn nữa hầu chống lại những ảnh hưởng tai hại của văn hóa sự chết đang lan tràn khắp nơi và đầu độc biết bao người già trẻ, nam, nữ.

II-Sự cần thiết năng lãnh nhận các bí tích Thánh Thể và Hòa Giải:

Ngoài việc chú tâm đọc lại lời Chúa để hiểu rõ hơn thánh ý của Người cho mỗi người chúng ta, việc năng lãnh nhận các bí tích Thánh Thể và Hòa giải cũng quan trọng không kém trong Năm Đức Tin này.

Thật vậy, tình trạng sống Đạo của nhiều người ở nhiều nơi thật đáng buồn. Số người đi lễ ngày Chúa Nhật và xưng tội chiều thứ bảy đã giảm sút đáng quan ngại. Rất nhiều người có dư giờ đi du hí, nhảy nhót, ăn uống vui chơi thiếu lành mạnh cuối tuần, thâu đêm, nhưng lại không có giờ đi lễ, đi cầu nguyện ! Như thế làm sao chúng tôi có đức tin giữa những người không tin ?

Ta không thể nói như một số người rằng đạo tại tâm, không cần thực hành bề ngoài. Lại nữa, có xưng tội thì xưng với Chúa chứ không cần qua linh mục.

Đây là những quan niệm rất sai lầm về việc sống Đạo của Người tín hữu Công giáo thời nay Chúa Kitô đã ban các Bí Tích cho chúng ta như phương tiện cứu rỗi rất cần thiết, nên trong Năm Đức Tin này, cần phải đặc biệt nói đến hai Bí Tích quan trọng nhất là Thánh Thể và Hòa giải

Với Bí tích Thánh Thể, chúng ta trước hết được tham dự Hy tế của Chúa Kitô cử hành trên bàn thờ ngày nay cùng thể thức và mục đích của Hy Tế Chúa đã dâng lên Chúa Cha xưa trên thập giá. Nên mỗi lần tham dự tích cực vào Thánh lễ, chúng ta cũng hiệp dâng với Chúa Giêsu hiện diện bí tích nơi thừa tác viên con người là Giám mục hay linh mục để dâng lại Hy Tế Người đã một lần dâng trên thập giá để xin ơn tha thứ và cứu chuộc cho toàn thể nhân loại. Cho nên tham dự Thánh Lễ cách tích cực là thể hiện đức tin cách sống động, vì không có việc đạo đức nào đẹp lòng Chúa hơn là dâng và hiệp dâng Thánh Lễ Tạ Ơn để cùng với Giáo Hội ca ngợi và cảm tạ Chúa Cha nhờ Chúa Kitô và trong Chúa Thánh Thần.

Khi tham dự Thánh lễ, ta được nghe Lời Chúa và được ăn Mình, uống Máu Chúa Kitô để được sống đời đời

như Chúa Giêsu đã hứa: *“Ai ăn thịt Ta và uống máu Ta thì được sống muôn đời và Ta sẽ cho người ấy sống lại vào ngày sau hết.”* (Ga 6: 54).

Liên quan đến việc chuẩn bị tâm hồn cho xứng đáng để rước Chúa vào lòng, Giáo Hội khuyến nhủ các tín hữu năng xưng tội qua bí tích hòa giải để được tha mọi tội nặng và nhẹ đã mắc phạm vì yêu đuối con người. Người Công Giáo không thể nói như anh em Tin-lành là chỉ cần trực tiếp xưng tội trực tiếp với Chúa, chứ không qua trung gian của ai. Nói thế là chối bỏ điều Chúa Giêsu đã nói rõ trong Phúc Âm Thánh Gioan như sau: *«Anh em tha tội cho ai thì người ấy được tha ; Anh em cầm giữ ai thì người ấy bị cầm giữ.»* (Ga 20: 22).

Trước đó, Chúa cũng đã trao cho Phêrô quyền tháo gỡ và cầm buộc, tức là được tha tội cho con người nhân danh Chúa Kitô (in persona Christi): *“Thầy sẽ trao cho anh chìa khóa Nước Trời : dưới đất anh cầm buộc điều gì , trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất anh tháo gỡ điều gì ,trên trời cũng sẽ tháo gỡ như vậy.”* (Mt 16:19).

Như thế rõ ràng Chúa Kitô đã trao quyền tha tội cho các Tông Đồ trước tiên và cho Giáo Hội ngày nay, cụ thể là cho các Giám mục và Linh mục được quyền tha tội cho mọi hối nhân nhân danh Chúa.

Do đó, đi xưng tội với một linh mục là nói lên niềm tin vào lời Chúa đã dạy trên đây. Cũng cần nói thêm là linh mục, dù bất xứng ra sao trước mặt người đời, nhưng khi nhân danh Chúa Kitô để tha tội cho ai thì người ấy được tha vì chính Chúa Kitô tha tội cho người ấy qua tay linh mục là thừa tác viên thay mặt Chúa. Cho nên, đừng ai nghi ngại việc này mà không năng đến với Chúa Kitô qua Bí tích hòa giải. Năng xưng tội, năng rước Mình Thánh

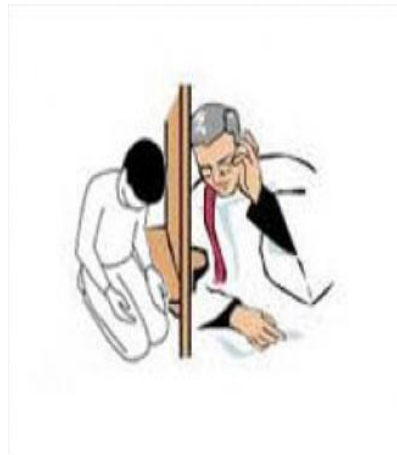
Chúa là phương thể hữu hiệu nhất để trở nên giống Chúa và có hy vọng chắc chắn được cứu rỗi để sống hạnh phúc vĩnh cửu trên Nước trời mai sau.

Tóm lại, Năm Đức Tin là thời cơ thuận tiện cho chúng ta tái xác định lòng tin vững vàng vào Chúa, lòng mến yêu Người thiết tha và hy vọng chắc chắn được *“thông phần bản tính Thiên Chúa, sau khi đã thoát khỏi cảnh hư đốn do dục vọng gây ra trong trần gian này.”* (1 Pr 1: 4).

Chúng ta cùng cầu xin cho sự thành công của Năm Đức Tin để canh tân đời sống đức tin của toàn thể dân Chúa trong Giáo Hội.

Lm Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huân

[Sưu tầm của GDHT]



ĐỨC TIN SỐNG

Posted: 14 Sep 2012 01:25 PM PDT

VRNs (15.09.2012) – Suy niệm Bài Tin Mừng Mc 8.27-35 (CN 24 TN.B)

27 Khi ấy, Đức Giê-su và các môn đệ của Người đi tới các làng xã vùng Xê-da-rê Phi-líp-phê. Dọc đường, Người hỏi các môn đệ: "Người ta nói Thầy là ai?" 28 Các ông đáp: "Họ bảo Thầy là ông Gio-an Tẩy Giả, có kẻ thì bảo là ông Ê-li-a, kẻ khác lại cho là một ngôn sứ nào đó." 29 Người lại hỏi các ông: "Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?" Ông Phê-rô trả lời: "Thầy là Đấng Ki-tô." 30 Đức Giê-su liền cấm ngặt các ông không được nói với ai về Người. 31 Rồi Người bắt đầu dạy cho các ông biết Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết chết và sau ba ngày, sống lại. 32 Người nói rõ điều đó, không úp mở. Ông Phê-rô liền kéo riêng Người ra và bắt đầu trách Người. 33 Nhưng khi Đức Giê-su quay lại, nhìn thấy các môn đệ, Người trách ông Phê-rô: "Xa-tan! lui lại đằng sau Thầy! Vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người." 34 Rồi Đức Giê-su gọi đám đông cùng với các môn đệ lại. Người nói với họ rằng: "Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo. 35 Quả vậy, ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất; còn ai liều mất mạng sống mình vì tôi và vì Tin Mừng, thì sẽ cứu được mạng sống ấy."

Được gọi là tín hữu Chúa Kitô hay Kitô hữu, ít là một lần chúng ta đã tuyên xưng "tôi tin" vào Chúa Giêsu

Kitô, Con Thiên Chúa, xuống thế làm người, chịu đóng đinh chịu chết và sống lại để cứu chuộc chúng ta, phục hồi cho chúng ta sự sống mới trong Thiên Chúa”.

Hầu hết chúng ta được lãnh nhận Bí Tích Rửa Tội từ nhỏ, vì thế, cha mẹ, người đỡ đầu, có bốn phần hướng dẫn chúng ta thành toàn ơn Đức Tin đã được lãnh nhận. Việc thành toàn ấy bao gồm việc học biết về Đấng mình đã Tin và Sống theo ý muốn của Đấng mình đã tin. Thánh Giacôbê nói: **“Đức tin không có việc làm là đức tin chết”** (Gc 2, 17). Vậy, muốn cho ĐỨC TIN SỐNG, Đức Tin phải có việc làm.

Lời Chúa hôm nay giúp ta khám phá một vài việc làm của Đức Tin:

1. Tuyên xưng Đức Tin

Tuyên xưng Đức Tin vào Chúa Giêsu không phải là công bố một công thức hay một kiến thức kinh điển thần học, hoặc một số vốn liếng Giáo Lý. Những người có học thần học hay có ít vốn liếng Giáo Lý cũng không nên xem thường đức tin bậc giáo dân thấp kém hay những người mù chữ, ít học. Bởi đức tin là một ân huệ hơn là một khả năng của lý trí. Và ơn huệ của đức tin được nhân lên mỗi phút giây cho những ai biết rõ Đức Giêsu Kitô, Người mình tin, kết hiệp mật thiết với Người và sống theo điều Người dạy. Một số giáo dân tưởng rất kém cỏi, nhưng thực ra, đức tin của họ thật mãnh liệt. Họ Tuyên Xưng Đức Tin bằng đời sống anh dũng của họ trước những làn tên mũi đạn của cuộc đời, của những cuộc bức bách có tổ chức, nhờ họ có lòng mến thực thà, chân thành.

Trong khi các tông đồ không nhận ra “người mình tin” là ai, thì Phêrô, người đánh cá tầm thường nhất, đại diện cho những con người ít học, đã biết “người mình tin”, sống thiết thân với “người mình tin” và được ân huệ nhân lên do bởi ánh sáng của Chúa Thánh Thần của lòng mến đã công bố: “*Thầy là Đức Kitô*” (Mc 8, 29), hiểu là “*Đấng đã được Thiên Chúa Xức Dầu*”, “*Đấng Cứu Chuộc Thế Gian*”

2. Từ bỏ mình

Việc làm cụ thể của Đức Tin còn phải là từ bỏ mình, như Chúa Giêsu nói: “*Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ mình, vác thập giá mình mà theo Ta. Quả thật, ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất. Còn ai chịu mất mạng sống mình vì Ta và vì Tin Mừng, thì sẽ cứu được mạng sống mình*”. (Mc 8, 34-35).

Từ bỏ mình cũng đồng nghĩa với từ bỏ ma quỷ, từ bỏ con người cũ của ma quỷ, từ bỏ cái tôi kiêu ngạo được ma quỷ nâng đỡ, khuyến khích, xúi giục, từ bỏ những thú tham sân si thuộc về cõi phù vân, cõi tạm mang tính-hay-chết hoặc không tồn tại trên đời, cũng là từ bỏ tất cả những gì chúng ta không thể mang theo vào cuộc sống mai sau. Nhiều người đã tập buông bỏ tất cả cho tâm hồn bình an thư thái, thân xác khỏe mạnh, nhưng cách buông bỏ ấy chưa hẳn là cách buông bỏ theo ý muốn của Chúa Giê-su. Bởi thế, Chúa đã thêm vào việc “từ bỏ mình” là “vác thập giá mình mà theo Chúa”. Một đòi hỏi thật tích cực của Đức Tin vào “*Đấng Đã Chịu Đóng Đinh*” là phải chịu đóng đinh với Đấng mình đã tin. Như vậy, từ bỏ là biến đau khổ thành niềm vui, biến gian nan thử thách thành con đường sống, biến sự chết thành sự sống lại ngay trong bản tính hay chết của mỗi con người. Con mắt Đức Tin nhìn đau

khổ và sự chết ở đời này, chính là hạnh phúc và sự sống ở đời sau.

Hãy cảm phục những lời tuyên xưng đức tin cách sống động, những việc làm cụ thể của đức tin, nơi những Ki-tô hữu đang đau khổ, bệnh tật, phong cùi, bị đàn áp, bị bức bách... Đừng nên xem thường họ, nhưng hãy kiểm lại cách từ bỏ và vác Thập Giá của mình.

3. Làm việc bác ái

Tuyên xưng Đức tin vào Chúa Giêsu mà không mặc lấy trái tim nhân hậu của Ngài thì quả thật là giả dối, là môi miệng. Bởi thế, Thánh Gia-cô-bê giải thích việc làm của Đức Tin là việc Bác Ái: *“Nếu có anh chị em nào không com ăn áo mặc, mà có kẻ trong anh em lại bảo họ rằng: “Chúc anh chị em đi bình an, và ăn no mặc ấm”, mà anh em lại không cho họ những gì cần dùng cho thân xác, thì nào có ích gì?”* (Gc 2, 15-16)

Có những tín hiệu đáng vui mừng nơi những Giáo Dân hôm nay đang khá trưởng thành về việc thực hành Đức Bác Ái trong một xã hội vô cảm. Ý nghĩa “Bác Ái vì Chúa” của người Công Giáo, của các nhóm Công Giáo vẫn luôn là kim chỉ nam để mọi người thể hiện việc làm của Đức Tin hơn là việc làm cách giả hình, cách đạo đức my dân của một xã hội gian dối. Chúng ta được quyền tin tưởng nơi những ủy ban Caritas rằng sẽ không thể có chuyện ăn chặn, bớt xén những phần giúp đỡ người nghèo, người bị thiên tai bão lụt...cũng không có chuyện lạc địa chỉ vào túi ông kia vào nhà bà nọ... bởi vì, tất cả đang trưởng thành về việc phải thực hiện đời sống Đức Tin bằng một Đức Bác Ái chân thành, Đức Bác Ái Kitô Giáo.

4. Hiên ngang sống công chính

Thánh vịnh Đáp ca hôm nay cũng góp phần vào việc hướng dẫn một đức tin sống động: Hiên ngang sống công chính giữa cuộc đời giả trá điêu ngoa. *“Tôi sẽ tiến đi trước thiên nhan Chúa trong miền đất của nhân sinh»* (Tv 114,9).

Hiên ngang sống công chính vì đã tin vào Đấng Công Chính và có Ngài nâng đỡ, phù trợ, như tiên tri Isaia khẳng định: *“Vì Chúa nâng đỡ tôi, nên tôi không hổ thẹn: nên tôi trơ mặt chai như đá, tôi biết tôi sẽ không phải hổ thẹn. Đáng xét tôi vô tội ở gần tôi, ai còn tranh tụng với tôi được? Chúng ta hầu toà, ai là kẻ thù địch của tôi, hãy đến đây! Nay đây Chúa là Thiên Chúa bênh đỡ tôi, ai dám kết tội tôi?”* (Is 50, 5-9a).

Vâng, Từ bỏ mình, vác thập giá mình, rồi “theo Chúa”. Theo Chúa là theo cách sống công chính của Chúa. Sự công chính ấy lan tỏa ra cho thế gian bằng một đời sống chứng nhân can đảm: *“Tôi đã đưa lưng tôi cho kẻ đánh, đã đưa má cho kẻ giạt râu. Tôi đã không che mặt giấu mày, không tránh những lời nhạo cười và những người phỉ nhổ tôi”*. (x. Tv 114, 1-9).

Người Công Giáo Việt Nam hôm nay đang bị trong đâm vào lưng, ngoài vả vào mặt, trong giạt râu, ngoài nhạo cười phỉ báng. Các Kitô hữu Việt Nam, thuộc mọi thành phần, phẩm trật đang bị hành hình đủ kiểu, mà kiểu nào cũng đòi hỏi một sự kiên cường làm chứng cho Đức Tin Công Giáo và hiên ngang sống công chính giữa mọi thế lực trong ngoài đều có thể là gian tà. Trước tình hình nhiều nhượng hư thực, chẳng biết đâu là gian đâu là thật, Người công Giáo Việt Nam chỉ còn có thể Tin vào Chúa Giêsu

Kitô đích thực là **Đường, là Sự Thật, và là Sự Sống** mà nhắm thẳng đích đến trong cuộc sống chứng nhân.

Lạy Chúa, chúng con tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô, là Đấng Cứu Chuộc chúng con. Xin cho Đức tin của chúng con được sống và lớn lên nhờ việc từ bỏ mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo Chúa, sống bác ái với mọi người và anh dũng làm chứng nhân cho Chúa giữa đời. A men.

PM. Cao Huy Hoàng, 14-9-2012

[Sưu tầm của GDHT]



BẢN CHẤT, MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ CỦA VIỆC GIẢNG DẠY GIÁO LÝ VÀ VAI TRÒ CỦA GIÁO LÝ VIÊN

Việc Giảng dạy Giáo Lý và các Giáo Lý viên có một vai trò quan trọng trong Năm Đức Tin. Vì thế bài trình bày về «bản chất, mục đích và nhiệm vụ của việc giảng dạy Giáo Lý và vai trò của Giáo Lý Viên» của ông Giêrônimô Nguyễn Văn Nội sẽ rất hữu ích cho tất cả chúng ta.

I. BẢN CHẤT, MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ CỦA VIỆC GIẢNG DẠY GIÁO LÝ

Giảng dạy Giáo lý có phải là nhồi nhét một mớ kiến thức, dù đó là kiến thức về Thiên Chúa, cho người học giáo lý không? hay giảng dạy Giáo lý là giúp học viên - người lớn cũng như trẻ nhỏ - gặp được Đức Giê-su Ki-tô & Thiên Chúa và sống mật thiết, gắn bó với Người và sống theo Người?

Tài liệu **Hướng dẫn tổng quát về việc giảng dạy Giáo lý** (Directoire général pour la catéchèse) của Thánh Bộ Giáo Sĩ được ban hành ngày 15 tháng 8 năm 1997 xác định bản chất, mục đích và nhiệm vụ của việc giảng dạy Giáo lý như sau:

1.1 Bản chất của việc giảng dạy Giáo lý:

Tự bản chất việc giảng dạy Giáo lý là hoạt động của Giáo hội với tư cách là cộng đoàn được mời gọi để trở nên nhà giáo dục đức tin, khi Giáo hội tiếp tục sứ mạng của Thầy Giê-su và dưới tác động của Thánh Thần (tłđđ, số

78).

1.2 Mục đích của việc giảng dạy Giáo lý:

“Mục đích quyết định của việc giảng dạy Giáo lý không chỉ là giúp người học giáo lý tiếp cận với Đức Giê-su Ki-tô mà còn là giúp người ấy đi vào mối tương quan hiệp thông, mật thiết với Người” (tldđ, số 80).

1.3 Nhiệm vụ chính của việc giảng dạy Giáo lý:

Các nhiệm vụ căn bản của việc giảng dạy Giáo lý là:

1.3.1 Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hiểu biết về đức Tin:

“Ai đã gặp Chúa Ki-tô thì ước mong biết Người nhiều hơn nữa; người ấy cũng ước mong hiểu biết kế hoạch của Chúa Cha mà Chúa Giê-su đã biểu lộ. Hiểu biết nội dung của đức Tin là điều cần thiết cho việc gắn bó với đức Tin. Việc đào sâu hiểu biết về đức Tin đem lại cho cuộc sống một ánh sáng mới, nuôi dưỡng đời sống đức Tin, và giúp hiểu cái lý lẽ của đức Tin trong cuộc sống.

1.3.2 Giáo dục về phụng vụ:

“Thật ra “Đức Ki-tô luôn hiện diện trong Hội Thánh, nhất là trong các hoạt động phụng vụ” Sự hiệp thông với Đức Giê-su Ki-tô dẫn tới việc cử hành sự hiện diện cứu độ của Người trong các bí tích và nhất là trong Bí tích Tạ Ơn. Giáo hội hết sức ước mong các tín hữu tham dự cách trọn vẹn, ý thức và tích cực vào sự hiện diện này. Vì thế, việc giảng dạy Giáo lý không những phải giúp người học giáo lý hiểu ý nghĩa phụng vụ và các bí tích mà còn phải huấn luyện các môn đệ Đức Giê-su Ki-tô về “cầu nguyện, tạ ơn, sám hối; về sự tin tưởng phó thác trong cầu nguyện và về ý nghĩa cộng đoàn...”.

1.3.3 Huấn luyện về luân lý:

Quay về với Đức Giê-su Ki-tô bao hàm việc đi theo Người. Vì thế việc giảng dạy Giáo lý phải truyền đạt cho các môn đệ những thái độ của Thầy. Nhờ đó họ sẽ theo một tiến trình biến đổi nội tâm mà qua tiến trình ấy họ *“chuyển từ con người cũ sang con người mới trong Đức Ki-tô”* nhờ việc họ tham dự vào mầu nhiệm Phục Sinh của Người. Bài giảng trên núi, đang đó Đức Giê-su lặp lại Mười Giới Răn và tinh thần Tám Phúc Thật, là một qui chiếu cần thiết trong việc giáo dục về luân lý.

1.3.4 Dạy cầu nguyện:

Sự hiệp thông với Đức Giê-su Ki-tô khiến các môn đệ có cung cách và thái độ cầu nguyện và chiêm niệm giống như Thầy. Tập cầu nguyện với Đức Giê-su là cầu nguyện với những tâm tình mà Người đã diễn tả ra khi Người cầu nguyện với Cha: đó là tâm tình thờ phượng, ngợi khen, cảm tạ, tin cậy phó thác, cầu xin, ngưỡng mộ trước vinh quang của Cha. Các tâm tình ấy được phản ánh trong Kinh Lạy Cha, kinh mà Đức Giê-su đã dạy các môn đệ và là mẫu mực của kinh nguyện Ki-tô giáo (tłđđ, số 85).

1.4 Mấy nhiệm vụ khác của việc giảng dạy giáo lý:

Ngoài ra việc giảng dạy Giáo lý giúp người Ki-tô hữu có khả năng sống cộng đoàn và tham dự tích cực vào đời sống và vào sứ mạng của Giáo hội. Công đồng Va-ti-can II nhấn mạnh với các mục tử, về nhu cầu “phát triển tinh thần cộng đoàn” và với các tân tông, về việc tập “cộng tác tích cực vào việc Phúc Âm hóa và vào việc xây dựng Giáo Hội”. Vì thế việc giảng dạy Giáo lý còn có một vài nhiệm vụ khác, đó là khai tâm và giáo dục về đời sống cộng đoàn và về truyền giáo.

1.4.1 Giáo dục đời sống cộng đoàn:

“Đời sống cộng đoàn Ki-tô không phải tự nhiên mà có, trái lại cần phải giáo dục cẩn thận. Trong việc thực tập sống cộng đoàn, giáo huấn của Đức Giê-su về đời sống cộng đoàn được Mát-thêu tường thuật lại trong Tin Mừng, nêu lên một số thái độ mà việc giảng dạy Giáo lý phải tập luyện: tinh thần đơn sơ khiêm tốn (Mt 18,3); sự quan tâm đến những người bé nhỏ nhất (Mt 18,6); đặc biệt quan tâm đến những người lạc đường (Mt 18,12); việc sửa lỗi huynh đệ (Mt 18,15); cầu nguyện cộng đoàn (Mt 18,19); sự tha thứ lẫn cho nhau (Mt 18,22). Tình yêu huynh đệ thống nhất tất cả các thái độ kể trên” (Ga 13,34).

1.4.2 Khai tâm về truyền giáo:

“Việc giảng dạy Giáo lý cũng tạo động lực cho việc truyền giáo. Việc giảng dạy Giáo lý giúp các môn đệ Đức Giê-su biết hiện diện với tư cách là Ki-tô hữu, trong xã hội, trong đời sống nghề nghiệp, trong lãnh vực văn hóa và xã hội. Việc giảng dạy Giáo lý cũng chuẩn bị họ biết đóng góp vào nhiều công việc của Giáo Hội, tùy theo ơn gọi riêng của mỗi người. Việc dẫn thân truyền giáo nơi người giáo dân xuất phát từ các bí tích khai tâm Ki-tô giáo và từ tính “trần thế” trong ơn gọi của họ.

Những thái độ Ki-tô mà Đức Giê-su đã đề nghị cho các môn đệ của Người khi Người hướng dẫn họ vào sứ vụ truyền giáo cũng là những thái độ mà việc giảng dạy Giáo lý phải cổ võ: tìm kiếm chiên lạc; cùng lúc loan báo và chữa lành; sống khó nghèo, không vàng bạc không túi bị; biết chấp nhận sự ruồng bỏ và bách hại; đặt niềm tin tưởng vào Cha và vào sự trợ giúp của Thánh Thần; lấy niềm vui được hoạt động cho Nước Trời làm phần thưởng (tldđ, số 85)

II. VAI TRÒ CỦA GIÁO LÝ VIÊN

2.1 Tài liệu Hướng dẫn của Thánh bộ Giáo sĩ năm 1997 đã nhắc đến ở trên trình bày về vai trò của giáo lý viên như sau:

“Dù xử dụng bất kỳ phương pháp đã được chứng nghiệm bằng thực hành nào đi chăng nữa thì giáo lý viên cũng vẫn phải đầu tư làm việc trong mọi giai đoạn của tiến trình giảng dạy giáo lý.

“Đặc sủng của Chúa Thánh Thần, một đời sống tâm linh vững chắc, một chứng tá đời sống trong sáng là linh hồn của tất cả mọi phương pháp và chỉ có những đức tính nhân bản và Ki-tô giáo của giáo lý viên mới bảo đảm việc xử dụng tốt các bản văn và các dụng cụ làm việc khác.

Giáo lý viên tự thân là trung gian tạo điều kiện cho sự hiệp thông giữa con người với mẫu nhiệm Thiên Chúa, giữa người với người, giữa người với cộng đoàn. Vì thế giáo lý viên phải làm sao để tâm nhìn văn hóa, hoàn cảnh xã hội và cách sống của mình không cản trở hành trình đức Tin, bằng cách tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, đón nhận và đào sâu Sứ điệp Ki-tô giáo.

Giáo lý viên không được quên rằng sự gắn bó của con người là hoa trái của ân sủng và tự do; việc quan trọng là hoạt động của giáo lý viên phải luôn được lòng tin vào Thánh Thần và đời sống cầu nguyện nâng đỡ.

Sau cùng mối tương quan giữa giáo lý viên và người học giáo lý rất ư là quan trọng. Mối tương quan ấy phải được ghi đậm dấu ấn của lòng yêu mến giáo dục, của tính sáng tạo độc đáo, của sự thích ứng và đồng thời của lòng tôn trọng sự tự do và sự trưởng thành của người học giáo lý.

Bằng sự đồng hành khôn ngoan, giáo lý viên chu

toàn một trong những công việc phục vụ quý báu nhất của hoạt động giáo lý: giáo lý viên mời gọi người học giáo lý nhận ra ơn gọi mà Thiên Chúa dành cho họ” (tłđđ, số 156).

2.2 Theo Tài liệu Hướng dẫn của Thánh bộ Phúc Âm hóa các dân tộc năm 1992, (số 3) thì Giáo lý viên là *“những giáo dân có trình độ và đời sống đạo hạnh, dưới sự hướng dẫn của nhà truyền giáo, hiến thân lo giảng dạy Giáo lý Tin Mừng và tổ chức các cử hành phụng vụ cũng như các việc bác ái”* (Giáo luật khoản 785, 1).

2.3 Định nghĩa trên của Tài liệu Hướng dẫn của Thánh bộ Phúc Âm hóa các dân tộc năm 1992, phù hợp với quan điểm của Hội nghị khoáng đại năm 1970 của Thánh bộ này: *“Giáo lý viên là một giáo dân được Giáo hội đặc cử, tùy theo nhu cầu địa phương, để làm cho Chúa Ki-tô được nhận biết, yêu mến và noi theo, nơi những người chưa biết Chúa cũng như nơi các tín hữu”*

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội

[Tác giả gửi cho GDHT]



Địa chỉ liên lạc

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội

Email: hnoivnguyen@yahoo.ca

Điện thoại: 098 648 0337

Chủ đề GDHT số 6 (tháng 3.2013)

GIÁO DÂN CẦU NGUYỆN